**MỞ ĐẦU**

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, ông cha ta luôn phải chống lại kẻ thù xâm lược mạnh hơn nhiều lần về quân sự, kinh tế. Song với tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường, với cách đánh mưu trí, sáng tạo, ông cha ta đã đánh thắng tất cả các kẻ thù xâm lược, viết nên những trang sử hào hùng của dân dộc ta như chiến thắng Bạch Đằng, Như Nguyệt, Chương Dương, Hàm Tử,...Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, tinh thần yêu nước và truyền thống đánh giặc của dân tộc lại được phát huy lên một tầm cao mới. Dân tộc ta đã đánh thắng hai kẻ thù xâm lược có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh là thực dân Pháp và đế quốc Mĩ. Từ thực tiễn chống giặc ngoại xâm của dân tộc, các thế hệ ông cha đã viết nên truyền thống vẻ vang rất đáng tự hào và những bài học quý báu đối với các thế hệ mai sau. Truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam là bài học đầu tiên trong chương trình môn học Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh góp phần toàn diện giáo dục cho học sinh về lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, sự trân trọng với truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc, sẵn sàng tham gia vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Căn cứ biên soạn theo:

- Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10 của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sản xuất năm 2016.

- Sách giáo viên Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10 của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sản xuất năm 2016.

**Bài 1**

**TRUYỀN THỐNG ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC**

**CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM**

**I. LỊCH SỬ ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM**

**1. Những cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên.**

- Từ thuở các vua Hùng dựng nước Văn Lang cách đây hàng nghìn năm, lịch sử dân tộc Việt Nam bước vào thời kì dựng nước và giữ nước.

- Nhà nước Văn Lang là nhà nước đầu tiên của dân tộc ta. Lãnh thổ Văn Lang khá rộng và ở vào vị trí địa lí quan trọng, nằm trên đầu mối những đường giao thông qua bán đảo Đông Dương và vùng Đông Nam Á. Ở những buổi đầu, ông cha ta đã xây dựng nên nền văn minh sông Hồng, còn gọi là văn minh Văn Lang mà đỉnh cao là văn hóa Đông Sơn rực rỡ, là thành quả tự hào của người Việt thời kì Hùng Vương.

- Do có vị trí địa lí và điều kiện kinh tế thuận lợi, nên nước ta luôn bị các thế lực ngoại xâm nhòm ngó. Từ những buổi đầu sơ khai của đất nước, các thế lực bành trướng phương Bắc đã sớm âm mưu thôn tính nước ta để mở rộng lãnh thổ của chúng. Chính vì vậy, yêu cầu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập đã sớm xuất hiện trong lịch sử của dân tộc ta. Người Việt muốn tồn tại, bảo vệ cuộc sống và nền văn hóa của mình chỉ có con đường đoàn kết dân tộc, đứng lên đánh giặc, giữ nước.

- Cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên mà lịch sử ghi lại là cuộc kháng chiến chống quân Tần. Năm 214 trước Công nguyên, nhà Tần mang quân sang xâm lược nước ta. Nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của vua Hùng và sau đó là Thục Phán đứng lên kháng chiến. Thục Phán là một thủ lĩnh người Âu Việt đã thay thế vua Hùng lấy niên hiệu là An Dương Vương, thống nhất hai bộ tộc Lạc Việt và Âu Việt, lập ra nhà nước Âu Lạc, dời đô từ Lâm Thao (Phú Thọ) về Cổ Loa (Hà Nội). Nhà nước Âu Lạc kế thừa nhà nước Văn Lang trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

- Sau khi chiến thắng kẻ thù xâm lược, nhà nước Âu Lạc bước vào thời kì xây dựng và phát triển đất nước, không bao lâu sau thì nhân dân Âu Lạc lại một lần nữa đứng lên kháng chiến chống quân xâm lược của Triệu từ năm 184-197 TCN do An Dương Vương lãnh đạo nhưng cuối cùng bị thất bại. Đây là sự kiện đánh dấu thời kì, nước ta rơi vào thảm họa hơn một nghìn năm phong kiến phương Bắc đô hộ, sử gọi là thời kì Bắc Thuộc.

**2.** **Cuộc đấu tranh giành độc lập (từ thế kỉ I đến thế kỉ X)**

- Dưới ách thống trị của chính quyền đô hộ, trải qua nhiều triều đại, phong kiến phương Bắc luôn tìm cách vơ vét của cải, áp bức vàđồng hóa dân ta, muốn biến nước ta thành quận, huyện của chúng.

- Về phía ta, dân ta quyết không chịu khuất phục, đã nêu cao tinh thần bất khuất, kiên cường và bền bỉ chống áp bức, bóc lột, giữ gìn bản sắc dân tộc và quyết tâm đứng lên đấu tranh giành độc lập, tự do. Và cụ thể trong giai đoạn này đã có rất nhiều cuộc khởi nghĩa đã nổ ra.

- Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40), Bà Triệu (năm 248), Lí Bí (năm 542), Triệu Quang Phục (năm 548), Mai Thúc Loan ( năm 722), Phùng Hưng (năm 766), Khúc Thừa Dụ (năm 905). Đến năm 906, nhân dân ta đã giành lại quyền tự chủ, Khúc Thừa Dụ được lịch sử ghi nhận công lao như là người đầu tiên đặt cơ sở lấy lại nền độc lập dân tộc từ khi nước Nam Việt rơi vào tay nhà Hán. Tiếp sau đó, là hai cuộc chiến tranh chống quân Nam Hán xâm lược dưới sự lãnh đạo của Dương Đình Nghệ (năm 931) và Ngô Quyền (năm 938). Với thắng lợi của Ngô Quyền trên sông [Bạch Đằng](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%B4ng_B%E1%BA%A1ch_%C4%90%E1%BA%B1ng) vào năm [938](https://vi.wikipedia.org/wiki/938) đã đặt dấu chấm hết cho mọi âm mưu xâm lược của quân [Nam Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nam_H%C3%A1n), đồng thời cũng kết thúc thời kì [Bắc thuộc](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_thu%E1%BB%99c) của [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam), đánh dấu cột mốc quan trọng của lịch sử Việt Nam, nhân dân ta một lần nữa giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc.

**3. Các cuộc chiến tranh giữ nước (từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX)**

- Sau khi chiến thắng giặc ngoại xâm, Ngô Quyền lên ngôi vua, bắt tay vào xây dựng nhà nước độc lập. Từ đó lần lượt trải qua các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lí, Trần, Hồ và Lê Sơ (từ thế kỉ X đến thế kỉ XV), ở các triều đại này quốc gia thống nhất ngày càng được củng cố. Đặc biệt nước Đại Việt thời Lí, Trần và Lê Sơ với kinh đô Thăng Long (Hà Nội) là một quốc gia cường thịnh ở châu Á, là một trong những thời kì phát triển rực rỡ nhất, thời kì văn minh Đại Việt.

- Tuy nhân dân ta đã giành lại được độc lập tự do, nhưng trong giai đoạn này-một lần nữa nước ta các bị các thế lực khác dòm ngó, chính vì vậy dân tộc ta vẫn phải đứng lên đấu tranh chống xâm lược. Năm 981, dưới sự lãnh đạo của Lê Hoàn, nhân dân ta đánh tan cuộc xâm lăng lần thứ nhất của quân Tống. Ở thế kỉ XI, dưới triều Lí, dân ta một lần nữa lại giành được thắng lợi vẻ vang trong cuộc kháng chiến chống quân Tống lần thứ 2 (1075-1077). Đến thế kỉ XIII, trong 30 năm (1258-1288), dân tộc ta đã chiến thắng oanh liệt cả ba lần chống quân Nguyên-Mông, ba cuộc kháng chiến này được xem là một trong [những trang sử hào hùng nhất](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Vi%E1%BB%87t_Nam) của người Việt Nam, và cũng là chiến công tiêu biểu của vương triều Trần. Những chiến thắng lừng lẫy ở Đông Bộ Đầu, Hàm Tử, Chương Dương, Tây Kết, Vạn Kiếp và Bạch Đằng mãi được lưu truyền trong sử sách, là niềm kiêu hãnh của dân tộc Việt Nam.

Đầu thế kỉ XV, nước ta bị quân Minh xâm lược, nhà Hồ lãnh đạo kháng chiến không thành công. Tuy vậy, phong trào yêu nước phát triển rộng khắp ở thời kì này. Nổi bật là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi và Nguyễn Trãi lãnh đạo. Sau 10 năm chiến đấu kiên cường, anh dũng và mưu trí, nhân dân cả nước đã giành được thắng lợi oanh liệt và kết thúc bằng thắng lợi của trận Chi Lăng-Xương Giang năm 1427.

Cuối thế kỉ XVIII, dân tộc ta lại hai lần chống ngoại xâm. Đến năm 1785, quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy tài tình của Nguyễn Huệ đã lập nên chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút, đánh tan 5 vạn quân Xiêm xâm lược. Đầu năm Kỉ Dậu (1789), quân dân ta một lần nữa dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Huệ lại đánh bại 29 vạn quân xâm lược Mãn Thanh cùng bè lũ Lê Chiêu Thống bán nước. Không lâu sau đó lịch sử dân tộc đã ghi thêm một trang sử hào hùng với chiến công bất diệt: chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.

Trong những cuộc chiến trang giữ nước từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX, nhân dân ta dưới sự chỉ huy của các vị tướng tài giỏi dã thực hiện toàn dân đánh giặc; biết dựa vào địa hình, địa thế có lợi cho ta, bất lợi cho địch; vận dụng “vườn không nhà trống” và mọi cách đánh phù hợp làm cho địch đi đến đâu cũng bị đánh, bị tiêu hao, tiêu diệt. Qua đấy, ta có thể thấy được nét đặc sắc nghệ thuật quân sự của ông cha ta trong các cuộc chiến tranh giữ nước là tích cực và chủ động tiến công địch. Điển hình là Lí Thường Kiệt (năm 1075) đã dùng biện pháp “tiên phát chế nhân” (không ngồi chờ giặc đến àm chủ động đánh trước vào hậu phương địch rồi rút lui để phá vỡ kế hoạch của chúng); lấy đoản binh thắng trường trận; “yếu chống mạnh hay đánh bất ngờ, ít địch nhiều thường dùng mai phục”. Thời vua Quang Trung năm 1788-1789, đã thực hiện kế sách lúc địch mạnh ta có thể lui quân để bảo toàn lực lượng, lúc địch suy yếu ta bất ngờ chuyển sang đánh đòn quyết định tiêu diệt trong một thời gian ngắn.

**4. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, lật đổ chế độ thực dân nửa phong kiến (thế kỉ XIX đến năm 1945)**

Tháng 9-1858, thực dân Pháp nổ súng ở bán đảo Sơn Trà tiến công Đà Nẵng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Triều đình nhà Nguyễn từng bước đầu hàng giặc và đến năm 1844 thì hoàn toàn công nhận quyền đô hộ của Pháp trên toàn nước ta. Trước thái độ nhân nhượng của chính quyền nhà Nguyễn, phong trào kháng chiến của nhân dân ta diễn ra sôi nổi và bền bỉ từ Bắc đến Nam. Hàng hoạt các cuộc khởi nghĩa nổ ra, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa do Trương Công Định (ông được nhân dân tôn là Bình Tây Đại Nguyên soái), Nguyễn Trung Trực, Đinh Công Tráng (nổi bật với khởi nghĩa Ba Đình-Thanh Hóa), Phan Đình Phùng (khởi nghĩa Hương Khê), Hoàng Hoa Thám (với khởi nghĩa Yên Thế-Bắc Giang) lãnh đạo. Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX phát triển sôi nổi, bá quan của triều đình Nhà Nguyễn vẫn cao trào như Tôn Thất Thuyết, Hoàng Diệu và Nguyễn Tri Phương ( đánh giữ thành Hà Nội), ngoài ra còn có các sĩ phu yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.., nhưng cuối cùng đếu thất bại. Nguyên nhân cơ bản là do thiếu sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến và chưa có đường lối đúng đắn, phù hợp với điều kiện mới của thời đại, mặc dù nhiệt huyết cứu nước có thừa.

Đến năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiền phong của giai cấp công nhân do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng nước ta trải qua các cao trào Xô Viết-Nghệ Tĩnh (1930-1931), phong trào Dân chủ đòi tự do, cơm áo và hòa bình (1936-1939), phong trào Phản đế và phát động toàn dân tổng khởi nghĩa (1939-1945), đỉnh cao là thắng lợi rực rỡ của Cách mạng tháng Tám năm 1945, lập ra nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa-Nhà nước dân chủ đầu tiên ở Đông Nam Á. Đánh dấu bước ngoặt của lịch sử Việt Nam, từ thân phận mất nước trở thành chủ của đất nước, từ thân phận nước thuộc địa trở thành nước độc lập.

**5. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954).**

Không chịu từ bỏ dã tâm cai trị nước ta, dưới danh nghĩa giải giáp quân Nhật, 20 vạn quân Tưởng kéo vào Miền Bắc, ngày 23-9-1945, hàng vạn quân Anh kéo vào Miền Nam, theo sau là quân Pháp âm mưu quay trở lại tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Nam Bộ anh dũng đứng lên chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược. Trong điều kiện nước ta còn nhiều khó khăn, lực lượng của ta còn yếu, thời gian chưa cho phép ta chuẩn bị mọi mặt để bước vào cuộc chiến tranh lớn, phải đánh với nhiều kẻ thù cùng một lúc. Ngày 25/11/1945 Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương vừa kháng chiến vừa kiến quốc với ý đồ, một mặt động viên nhân dân Nam Bộ kháng chiến, động viên toàn quốc chi viện cho miền Nam, mặt khác vận dụng sách lược tài, tình khéo léo lợi dụng mâu thuẫn nội bộ của kẻ địch, tranh thủ hoàn hoãn với Pháp, đẩy nhanh 20 vạn quân Tưởng về nước để có đủ thời gian xây dựng lực lượng về mọi mặt chuẩn bị kháng chiến lâu dài với thực dân Pháp. Đây là cương lĩnh hành động của Đảng, toàn quân và toàn dân ta trước tình hình mới.

Bất chấp nguyện vọng yêu chuộng hòa bình của nhân dân ta, nhưng “chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới”. Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, trong đó Bác chỉ rõ: “Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Đường lối chung của kháng chiến là toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh. Cả dân tộc hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhất tề đứng lên, đoàn kết chặt chẽ, quyết chiến đấu đến cùng vì độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc.

Từ năm 1947 đến năm 1954, quân dân ta đã lập được nhiều tiến công, làm thất bại nhiều cuộc hành binh lớn của Pháp trên khắp các mặt trận. Tiêu biểu là chiến thắng Việt Bắc-Thu Đông (năm 1947), chiến thắng Biên Giới (năm 1950), chiến thắng Tây Bắc (năm 1952), chiến cuộc Đông Xuân (1953-1954) mà đỉnh cao là trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ. Trước tình thế lúc bấy giờ Pháp bị thất bại trong nhiều cuộc hành binh lớn, Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương\_ép Pháp phải kéo dài và mở rộng chiến tranh, tích cực chuẩn bị thay thế Pháp ở chiến trường Đông Dương thì chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã làm thất bại kế hoạch Nava, giáng một đòn quyết định, đánh bại chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và sự can thiệp của Mỹ, chiến thắng đã đi vào lịch sử thế giới như một chiến công chói lọi, đột phá thành trì của đế quốc, báo hiệu sự sụp đổ hoàn toàn không tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân cũ buộc Pháp kí hiệp định Giơnevơ năm 1954, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng. Chấm dứt chiến tranh xâm lược Đông Dương. Chấm dứt 80 năm xâm lược của thực dân Pháp.

Thắng lợi của nhân dân ta trong kháng chiến chống Pháp là do ta có đường lối kháng chiến độc lập và tự chủ, vận dụng tư tưởng quân sự lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều, kết hợp giữa vũ khí thô sơ với vũ khí hiện đại, động viên, tổ chức lực lượng toàn dân đánh giặc, phối hợp chặt chẽ giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, nhằm tạo sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc chống giặc ngoại xâm.

**6. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ (1954-1975)**

Đế quốc Mĩ phái hoại hiệp định Giơnevơ, hất cẳng Pháp để độc chiếm miền Nam, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đinh Diệm, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và là căn cứ quân sự của Mĩ, nhằm chia cắt lâu dài nước ta.

Nhân dân miền Nam lại một lần nữa đứng lên chống Mĩ, cứu nước. Từ năm 1959-1960, phong trào đồng khởi ở miền Nam bùng nổ và lan rộng. Mặt trận dân tộc giải phòng miền Nam được thành lập. Từ năm 1961-1965, quân và dân ta đã đánh chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mĩ.

Từ năm 1965-1968, Mĩ tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, với ý định ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam đồng thới tiến hành chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, quân và dân ta đã đánh thắng Mĩ ngay từ trận đầu ở miền Nam, Bắc. Cuộc tiến công tết Mậu Thân 1968 trên toàn lãnh thổ miền Nam làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ (1965-1968), buộc Mĩ phải xuống thang, chấp nhận đàm phán với ta ở Hội nghị Pari (Pháp).

Để cứu vãn tình hình, Mĩ tiếp tục thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia. Quân và dân ba nước đã kề vai sát cánh cùng nhau chiến đấu đánh bại các cuộc hành quân của Mĩ-Ngụy sang Campuchia và đường 9-Nam Lào. Cùng với thắng lợi ở chiến trường miền Nam, miền Bắc đã đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mĩ vào Hà Nội, Hải Phòng, buộc Mĩ kí hiệp định Pari, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Và Đại thắng mùa xuân năm 1975, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị hơn 100 năm của chủ nghĩa thực dân, đế quốc ở Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống Mĩ xâm lược là cuộc kháng chiến vĩ đại nhất trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Trong cuộc kháng chiếng chống Mĩ, một tinh hoa truyền thống đánh giặc giữ nước qua mấy nghìn năm của cả dân tộc đã được vận dụng một cách sáng tạo. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta đã tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân phát triển đến trình độ cao; vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa tiến hành chiến tranh giải phóng miền Nam, gắn cuộc kháng chiến của nhân dân ta với phong trào cách mạng thế giới; kết hợp nhuần nhuyễn giữa vừa đánh, vừa đàm, giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và đấu tranh ngoại giao; đánh địch bằng ba mũi tiến công (chính trị, quân sự, binh vận), trên cả ba vùng chiến lược (đồng bằng, miền núi, thành thị); thực hiện trọn vẹn lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh là “đánh cho Mĩ cút, đánh cho Ngụy nhào”.

Từ năm 1975 đến nay, quân và dân ta tiếp tục phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng, hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**II. TRUYỀN THỐNG VẺ VANG CỦA DÂN TỘC TA TRONG SỰ NGHIỆP ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC.**

**1. Truyền thống dựng nước đi đôi với giữ nước.**

**-** Cơ sở xuất phát: Do ở vị trí chiến lược trọng yếu trong vùng Đông Nam Á và có nhiều tài nguyên phong phú, nên từ trước đến nay nước ta trở thành mục tiêu xâm lược của nhiều nước lớn trong khu vực và trên thế giới. Bởi vậy, ngay từ buổi đầu dựng nước, chống giặc ngại xâm đã trở thành một nhiệm vụ cấp thiết. Dựng nước đi đôi với giữ nước là một quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta. Thực tế cho thấy, nạn giặc ngoại xâm là mối đe dọa thường xuyên và nguy hiểm nhất đối với sự sống còn của đất nước.

- Biểu hiện: Truyền thống này đã được hình thành từ thời kì đầu dựng nước của các vị vua Hùng đến nay trong suốt quá trình đó chúng ta đã không ngừng xậy dựng và ra sức giữ lấy độc lập cho đất nước. Kể từ cuối thế kỉ thứ III trước Công nguyên đến nay, dân tộc ta đã tiến hành gần 20 cuộc kháng chiến chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc, cùng với hàng trăm cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc. Song song với những ngày đầu dựng nước, chúng ta đã tổ chức các cuộc chiến tranh giữ nước cụ thể là cuộc kháng chiến chống quân Tần, quân Triệu Đà xâm lược; kế đến là các cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40), Bà Triệu (năm 248), Lí Bí (năm 542) và đỉnh cao là chiến thắng Bạch Đằng năm 938, giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc sau bị triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ..., chiến dịch Việt Bắc-Thu Đông (năm 1947), chiến dịch Biên Giới (năm 1950), đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ ở miền Nam để kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) và trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc chúng ta cũng đã tổ chức các chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ (1954-1975)...Ngoài ra, truyền thống này còn thể hiện rõ nét trong các kế sách chiến lược như “ Tiên phát chế nhân” của nhà Lý trong chiến tranh chống quân xâm lược Tống hay kế sách giữ nước của tướng Trần Quốc Tuấn “Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước”. Ngoài ra, từ khi có Đảng, truyền thống này được thể hiện thông qua việc Đảng đưa ra chỉ thị “kháng chiến kiến quốc” trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đưa ra chủ trương thực hiện đồng thời 2 nhiệm vụ chiến lược: Cách mạng XHCN ở miền Bắc và Cách mạng Dân tộc Dân chủ nhân dân ở miền Nam.

- Ý nghĩa: Nhân dân ta thời nào cũng vậy, luôn nêu cao cảnh giác, chuẩn bị lực lượng đề phòng giặc ngay từ thời bình; trong chiến tranh, vừa chiến đấu, vừa sản xuất, xây dựng đất nước và sẵn sàng đối phó với âm mưu của kẻ thù. Vì vậy, đánh giặc giữ nước là nhiệm vụ thường xuyên, cấp thiết và luôn gắn liền với nhiệm vụ xậy dựng đất nước. Cũng như Bác Hồ đã từng nói: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Hiện nay trong thời bình, truyền thống dựng nước đi đôi với giữ nước đã được Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước quan tâm và nhất quán lãnh đạo quân dân cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tố quốc xã hội chủ nghĩa.

**2. Truyền thống lấy nhỏ chống lớn, lấy ít địch nhiều.**

- Cơ sở xuất phát: Trong lịch sử, những cuộc đấu tranh giữ nước của dân tộc ta đều diễn ra trong điều kiện so sánh lực lượng chênh lệch. Kẻ thù thường là những nước lớn, có tiềm lực kinh tế, quân sự hơn ta nhiều lần, cụ thể như từ thời kì đầu dựng nước thì có quân Tần; đến giai đoạn thế kỉ I đến thế kỉ X có quân Nam Hán; đến giai đoạn thế kỉ X đến thế kỉ XIX có quân Tống, quân Minh, quân Mãn Thanh; giai đoạn từ năm 1945-1954 là có thực dân Pháp và giai đoạn 1954-1975 là đế quốc Mỹ hùng mạnh.

- Biểu hiện: Đây là nét đặc sắc và tất yếu trong nghệ thuật quân sự của ông cha ta, khi dân tộc ta luôn phải chống lại các đội quân xâm lược có quân số, vũ khí, trang bị lớn hơn nhiều lần. Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh chính là sản phẩm của lấy "thế" thắng "lực". Quy luật của chiến tranh là mạnh được, yếu thua, nhưng từ trong thực tiễn chống giặc ngoại xâm, cha ông ta đã sớm xác định đúng về sức mạnh trong chiến tranh, đó là : sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố, chứ không thuần tuý là sự so sánh, hơn kém về quân số, vũ khí của mỗi bên tham chiến.

+ Cụ thể, về binh lực, bao giờ quân xâm lược cũng có ưu thế hơn hẳn quân ta. Để chống lại 30 vạn quân xâm lược Tống (1077), nhà Lí trong khi chỉ có khoảng 10 vạn quân, Lí Thường Kiệt đã tận dụng được ưu thế địa hình và các yếu tố khác để tạo ra sức mạnh hơn địch và đánh thắng địch thể hiện trong kế sách “Tiên phát chế nhân”.

+ Thời nhà Trần có khoảng 15 vạn quân, chống lại giặc Nguyên - Mông, lần thứ 2 là 60 vạn, lần 3 là khoảng 50 vạn. Nhà Trần đã "lấy đoản binh để chế trường trận", hạn chế sức mạnh của giặc, để đánh thắng giặc.

+ Cuộc khởi nghĩa của Lam Sơn, quân số lúc cao nhất có khoảng 10 vạn, nhưng đã đánh thắng 80 vạn quân Minh xâm lược. Vì Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã vận dụng "tránh thế ban mai, đánh lúc chiều tà" và vận dụng cách đánh "vây thành để diệt viện".

+ Trong cuộc kháng chiến chống quân Mãn Thanh xâm lược, nhà Tây Sơn có khoảng 10 vạn quân, nhưng đã đánh thắng 29 vạn quân xâm lược và quân bán nước Lê Chiêu Thống vì Nguyễn Huệ đã dùng lối đánh táo bạo, thần tốc, bất ngờ.

+ Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Tướng Giáp đã chuyển phương án tác chiến từ "Đánh nhanh thắng nhanh" sang "Đánh chắc, tiến chắc", đánh dài ngày theo kiểu "bóc vỏ" dần tập đoàn cứ điểm đã đem lại chiến thắng vẻ vang trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

- Ý nghĩa:Vì thế, lấy nhỏ chống lớn, lấy ít địch nhiều, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông, tạo sức mạnh tổng hợp của toàn dân để đánh giặc, đã trở thành truyền thống trong lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc ta. Và hiện nay, để đánh thắng chiến tranh xâm lược có sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch, ta phải tạo và phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn dân.

**3. Truyền thống cả nước chung sức đáng giặc, toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện.**

- Cơ sở xuất phát: Để chiến thắng giặc ngoại xâm có tiềm lực kinh tế, quân sự hơn ta nhiều lần, thì nhân dân Việt Nam đã biết đoàn kết các dân tộc và sử dụng sức mạnh đoàn kết toàn dân tạo thành nguồn sức mạnh to lớn của cả dân tộc, có thể chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược.

- Biểu hiện: Thực hiện toàn dân đánh giặc là một trong những nét độc đáo trong nghệ thuật quân sự của tổ tiên ta, được thể hiện cả trong khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng. Nét độc đáo đó xuất phát từ lòng yêu nước thương nòi của nhân dân ta, từ tính chất tự vệ, chính nghĩa của các cuộc kháng chiến. Hễ kẻ thù đụng đến nước ta, thì "vua tôi đồng lòng, anh em hoà mục, cả nước chung sức, trăm họ là binh", giữ vững quê hương, bảo vệ xã tắc.

+ Từ lời thề của hai Bà Trưng và nghĩa quân: "Một xin rửa sạch nước thù; Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng; Ba kẻo oan ức lòng chồng; Bốn xin vẻn vẹn sở công lệnh này", đến Hịch tướng sĩ, Bình Ngô đại cáo, nghệ thuật "lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo", nghệ thuật quân sự Việt Nam đã liên tục phát triển dựa trên nền tảng của chiến tranh nhân dân, thực hiện tốt đổi yếu thành mạnh, kết hợp lực, thế, thời, mưu, để đạt mục đích là cùng giành lại và giữ vững chủ quyền đất nước với tư tưởng "dập tắt muôn đời chiến tranh", "đem lại thái bình muôn thuở". Thời Trần, vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức chiến đấu nên 3 lần đại thắng quân Nguyên-Mông. Đến thời chống Minh, nghĩa quân Lam Sơn thực hiện chiến sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào. Trong thời chống Pháp, Mĩ nội dung cơ bản của thực hiện toàn dân đánh giặc là: "Quân với dân một ý chí, mỗi người dân là một người lính, đánh giặc theo cương vị, chức trách của mình. Mỗi thôn, xóm, bản, làng là một pháo đài diệt giặc. Cả nước là một chiến trường, tạo ra thế trận chiến tranh nhân dân liên hoàn, vững chắc làm cho địch đông mà hoá ít, mạnh mà hoá yếu, rơi vào trạng thái bị động, lúng túng và bị sa lầy". Trong đánh giặc, ông cha ta đã tận dụng địa hình, xây dựng thế trận làng, nước vững chắc, vận dụng sáng tạo cách đánh của nhiều lực lượng, nhiều thứ quân. Vận dụng rộng rãi, sáng tạo nhiều hình thức đánh giặc để đạt hiệu quả cao như: phòng ngự sông Cầu, phục kích Chi Lăng, phản công Chương Dương, Hàm Tử, tiến công Ngọc Hồi, Đống Đa...

+ Trong kháng chiến chống Pháp, nhân dân ta đã thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, ngưởi trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái dân tộc. Hễ là người Việt Nam phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân cứu nước”, nhân dân cả nước đã sát cánh cũng bộ đội chiến đấu, ra sức xây dựng quân đội, sản xuất ở hậu phương, chăm lo tiếp tế hậu cần, thực hiện “toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến”, giành thắng lợi vẻ vang trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong cuộc kháng chiến Mĩ, Đảng ta đã đưa cuộc chiến tranh nhân dân lên tầm cao mới. Đẩy mạnh chiến tranh toàn dân, toàn diện, kết hợp đấu tranh của nhân dân trên các mặt trận chính trị, kinh tế với đấu tranh quân sự của lực lượng vũ trang lên một quy mô chưa từng có trong lịch sử. Vì thế, quân và dân Việt Nam đã giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là tryền thống quý báo của ta. Từ xưa đến nay mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”.

+ Trong lịch sử đánh giặc, giữ nước của dân tộc ta đã có nhiều tấm gương anh dũng chiến đấu, hi sinh vì độc lập dân tộc. Hình ảnh Hai Bà Trưng với lời thề sông Hát, Bà Triệu cưỡi voi chỉ huy đánh giặc với câu nói bất hủ: “Tôi muốc cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chư không chịu khom lưng làm tì thiếp người”. Trần Quốc Tuấn bóp nát quả cam vì hận mình còn nhỏ tuổi không được dự bàn kế đánh giặc ở Bình Than. Trần Bình Trọng nói: “Thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc”, “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”. Hình ảnh Bế Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện, Phan Đình Giót đã xả thân mình vì nước, Nguyễn Viết Xuân “Nhằm thẳng quân thù mà bắn”...là những biểu tượng sáng ngời về lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu hi sinh vì độc lập dân tộc.

- Ý nghĩa: Với tinh thần “Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”, “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” đã sớm trở thành tư tưởng và tình cảm lớn nhất, là lẽ sống thiêng liêng của mỗi người dân Việt Nam. Và đặc biệt trong tình hình hiện nay, khi đất nước đang trên đà phát triển thì cần phải thực hiện tốt xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc...để góp phần vào việc thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược quan trọng của Đảng và Nhà nước đưa ra là: “Xây dựng chủ nghĩa xã hội” và “Bảo vệ xã hội chủ nghĩa”.

**4. Truyền thống thắng giặc bằng trí thông minh, sáng tạo, bằng nghệ thuật quân sự độc đáo.**

- Cơ sở xuất phát: Dân tộc ta chiến đấu và chiến thắng giặc ngoại xâm không chỉ bằng tinh thần dũng cảm, kiên cường, sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc, mà còn bằng trí thông minh sáng tạo, sức mạnh tổng hợp của toàn dân và bằng nghệ thuật quân sự độc đáo.

- Biểu hiện: Mưu trí sáng tạo được thể hiện trong kho tàng kinh nghiệm phong phú của cuộc đấu tranh giữ nước, tài thao lược kiệt xuất cảu dân tộc ta. Chúng ta biết lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông, tự tạo vũ khí, cướp súng giặc để giết giặc, phát huy uy lực của mọi thứ vũ khí có trong tay, biết kết hợp nhiều cách đánh thích hợp. Nghệ thuật quân sự Việt Nam là nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân, nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc.

+ Lịch sử ông cha ta đã có nhiều cách đánh địch độc đáo, Lí Thương Kiệt sử dụng kế sách “tiên phát chế nhân”, rồi lui về phòng ngự vững chắc và phản công đúng lúc, Trần Quốc Tuấn biết “dĩ đoản chế trường”, biết chế ngự sức mạnh của kẻ địch và phản công khi chúng suy yếu, mệt mỏi. Đến thời Lê Lợi, chúng ta sử dụng kế sách đánh lâu dài, từng bước tạo thế và lực, tạo thời cơ giành thắng lợi. Thời Quang Trung biết đánh thần tốc, tấn công mãnh liệt bằng nhiều mũi tiến công, nhiều hướng, khiến hơn 29 vạn quân Thanh không kịp trở tay.

+ Đến thời kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, các lực lượng vũ trang đã cùng toàn dân đứng lên đánh giặc bằng mọi phương tiện và hình thức, cụ thể: kết hợp đánh địch trên tất cả các mặt trận chính trị, quân sự và binh vận; kết hợp đánh du kích và đánh chính quy, kết hợp ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ) và đánh địch trên cả 3 vùng chiến lược (rừng núi, đồng bằng và đô thị). Nghệ thuật quân sự của ta tạo ra một hình thái chiến tranh cài răng lược, xen kẽ triệt để giữa ta và địch; buộc quân địch phải phân tán, đông mà hóa ít, mạnh hóa yếu, luôn bị động đối phó theo cách đánh của ta. Tùy vào từng đối tượng địch cụ thể mà quân ta có cách đánh phù hợp.

- Ý nghĩa: Bằng trí thông minh, sáng tạo, với nghệ thuật quân sự độc đáo, dù kẻ thù từ phương Bắc hay từ châu Âu, Mĩ đến, dù chúng có tiềm lực kinh tế, đông quân, có trang thiết bị hiện đại, lắm mưu mô xảo quyệt đến mấy cũng không thể phát huy được sở trường và sức mạnh vốn có của chúng trên chiến trường của ta; buộc chúng đánh theo cách của ta và cuối cùng đều chịu thất bại thảm hại. Dám đánh, biết đánh và biết thắng giặc bằng mưu trí và nghệ thuật quân sự dộc đáo là một đặc điểm nổi bật của truyền thống đánh giặc của dân tộc ta. Và trong tình hình hiện nay của đất nước, khi có nhiều thế lực đang có nuôi dưỡng những ý đồ thực hiện “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” thì chúng ta cần phải thực hiện nâng cao dân trí về quân sự; nghiên cứu, phát triển nghệ thuật quân sự Viêt Nam nhằm giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội của Tổ quốc.

**5. Truyền thống đoàn kết quốc tế.**

- Cơ sở xuất phát: Đoàn kết quốc tế là yếu tố quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp của ta trong dựng nước và giữ nước. Dân tộc ta luôn có sự đoàn kết với các nước trên bán đảo Đông Dương và các nước khác trên thế giới, vì độc lập dân tộc của mỗi quốc gia, chống lại sự thống trị của các nước lớn. Việt Nam.

- Biểu hiện: Cuộc kháng chiến chống Pháp, Nhật, nhất là cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước nước của nhân dân ta, đã tạo được sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của cộng đồng quốc tế lớn lao. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mĩ cũng là thắng lợi của tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước Việt Nam-Lào-Campuchia. Tình đoàn kết đó là chỗ dựa vững chắc cho mỗi dân tộc trong cuộc đấu tranh giành và củng cố nền độc lập của mình.

Nhờ thực hiện đường lối đoàn kết quốc tế đúng đắn, nên cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã giành được sự ủng hộ và giúp đỡ nhiệt tình cảu nhân dân các nước XHCN, trước hết là nhân dân Liên Xô và Trung Quốc, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, của phong trào độc lập dân tộc và nhân dân yêu chuộng hòa bình, công lí trên toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Pháp, Mĩ.

- Ý nghĩa:Đoàn kết quốc tế trong sáng, thủy chung đã trở thành truyền thông, là một nhân tố thành công trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay, đất nước đang trên đà phát triển, chúng ta phải tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, cụ thể: tham gia vào ASEAN Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, ASEM Diễn đàn hợp tác kinh tế Á-Âu, APEC Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương, WTO Tổ chức thương mại thế giới, TPP Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương. Bên cạnh đó, cần vận động quần chúng nhân dân tự giác thực hiện tốt các hoạt động đoàn kết quốc tế...

**6. Truyền thống một lòng theo Đảng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam.**

- Cơ sở xuất phát: Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời đến nay giữ vai trò lãnh đạo nhân dân ta, là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ, thể hiện từ mục tiêu đấu tranh cách mạng của Đảng và thực tiễn lãnh đạo cách mạng của Đảng, được thể hiện cụ thể qua việc lãnh đạo nhân dân ta đứng lên lật ách thống trị của thực dân Pháp, tiến hành Cách mạng tháng Tám thành công; đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Và đây cũng chính là cơ sở để hình thành nên truyền thống này.

- Biểu hiện: Trong giai đoạn mới của cách mạng, để giữ vững độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, ổn định về chính trị xã hội, đòi hỏi phải nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo cuả Đảng đối với mọi vấn đề của xã hội.

Thực tế cho thấy, sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước năm 1975, đất nước ta đứng trước bao thử thách như chiến tranh bao vệ Tổ quốc ở biên giới, nền kinh tế còn có nhiều khó khăn, các nước xã hội chủ nghĩa ở Châu Âu và Liên Xô sụp đổ. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta từng bước vượt qua khó khăn, thử thách, vững bước đi lên con đường công nghiệp hóa hiện đại hóa, hiện đại hóa, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nhân dân luôn luôn làm theo sự lãnh đạo của Đảng, theo dõi yêu cầu nhiệm vụ cách mạng qua từng thời kỳ cách mạng và kiên quyết đấu tranh với những âm mưu và hành động xâm hại đến mục tiêu trong sự nghiệp cách mạng của Đảng.

- Ý nghĩa: Trong giai đoạn đất nước đang phát triển như hiện nay, thì nhân dân cả nước nói chung và học sinh nói riêng phải nhất quan tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tích cực tham gia hoạt động đoàn thể; nói và làm theo sự lãnh đạo của Đảng, theo yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng.

Qua đây ta có thể nhìn thấy được, lịch sử Việt Nam đã trải qua hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước gian khổ nhưng đầy vinh quang, tự hào. Truyền thống đánh giặc, giữ nước của dân tộc ta ngày càng được các thể hệ tiếp theo kế thừa và vận dụng sáng tạo. Thế hệ trẻ Việt Nam đã và đang thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

**KẾT LUẬN**

Trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh của kẻ thù xâm lược. Từ thuở các vua Hùng dựng nước đến nay, nhân dân ta chưa bao giờ chịu khuất phục bất cứ kẻ thù lớn mạnh như quân Tần, quân Nguyên-Mông, quân Minh và cả hai kẻ thù xâm lược lớn mạnh như thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Nhân dân ta đã không ngừng học tập và phát huy các truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc cũng như nghệ thuật quân sự để giành được nhiều thắng lợi vẻ vang để bảo vệ đất nước và giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Như vậy, trong thời kì hiện đại hóa công nghiệp hóa phát triển đất nước, mỗi học sinh phải có ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Nêu tóm tắt quá trình đánh giặc, giữ nước của dân tộc Việt Nam.

2. Nêu truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam.

3. Trách nhiệm của học sinh đối với việc phát huy truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Ngày ....tháng .... năm 2019*

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**GIÁO VIÊN**

**KẾ HOẠCH GIẢNG BÀI**

**PHÊ DUYỆT** Môn học: **Giáo Dục Quốc Phòng\_An Ninh**

*Ngày…….tháng……..năm…..*  Bài: **Truyền thống đánh giặc giữ nước của**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG dân tộc Việt Nam**

Đối tượng: **Học sinh lớp 10**

Năm học: **2019-2020**

**Phần I**

**Ý ĐỊNH GIẢNG BÀI**

**I.** **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**A. MỤC ĐÍCH**

- Hiểu được những kiến thức cơ bản về lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

- Hiểu được những bài học truyền thống dựng nước và giữ nước; ý chí quật cường, tài thao lược đánh giặc của cha ông ta.

**B. YÊU CẦU**

**-** Có ý thức trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, tinh thần yêu nước; có thái độ học tập và rèn luyện tốt, sẵn sàng tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**II. NỘI DUNG VÀ TRỌNG TÂM**

**A. NỘI DUNG**

Lịch sử đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Truyền thống vẻ vang của dân tộc ta trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước.

**B. TRỌNG TÂM**

Truyền thống vẻ vang của dân tộc ta trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước.

**III. THỜI GIAN**

Tổng số: 4 tiết

Lên lớp: 180 phút

**IV. TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP**

**A. TỔ CHỨC**

Lấy lớp học làm đơn vị để giảng dạy.

**B. PHƯƠNG PHÁP**

1. Giáo viên: diễn giảng kết hợp với việc liên hệ truyền thống cha ông với nhiệm vụ chính trị-kinh tế-quốc phòng ở địa phương.

2. Học sinh: Nghe giảng kết hợp với ghi chép, đàm thoại với giáo viên.

**V. ĐỊA ĐIỂM :**

**VI. VẬT CHẤT**

**A. GIÁO VIÊN:** Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, bài giảng.

**B. HỌC SINH:** Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, vở, viết.

**Phần II**

**THỰC HÀNH BÀI GIẢNG**

**I. THỦ TỤC BÀI GIẢNG**: 5 phút

1. Nhận lớp

- Ổn định lớp

- Kiểm tra trang phục.

- Điểm danh nắm sỉ số sinh viên.

- Chào báo cáo cấp trên (nếu có).

2. Phổ biến các quy định:

- Học tập nghiêm túc, không làm chuyện riêng trong giờ học.

- Tích cực phát biểu, xây dựng bài.

- Ghi chép bài vở đầy đủ.

3. Phổ biến ý định bài giảng: Tìm hiểu về bài “TRUYỀN THỐNG ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM”

**II. TRÌNH TỰ GIẢNG BÀI:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ tự, nội dung | Thời gian | Phương pháp | | Vật chất |
| Giáo viên | Học sinh |
| MỞ ĐẦU | 5 phút |  |  |  |
| I. LỊCH SỬ ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM.  1. Những cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên.  2. Cuộc đấu tranh giành độc lập (từ thế kỉ I đến thế kỉ X).  3. Các cuộc chiến tranh giữ nước (từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX).  4. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, lật đổ chế độ thực dân nửa phong kiến (thế kỉ XIX đến năm 1945).  5. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954).  6. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ (1954-1975). | 40 phút | Diễn giảng kết hợp với việc liên hệ truyền thống cha ông với nhiệm vụ chính trị-kinh tế-quốc phòng ở địa phương. | Nghe giảng kết hợp với ghi chép, đàm thoại với giáo viên. | Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, bài giảng. |
| II. TRUYỀN THỐNG VẺ VANG CỦA DÂN TỘC TA TRONG SỰ NGHIỆP ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC.  1. Truyền thống dựng nước đi đôi với giữ nước.  2. Truyền thống lấy nhỏ chống lớn, lấy ít địch nhiều.  3. Truyền thống cả nước chung sức đáng giặc, toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện.  4. Truyền thống thắng giặc bằng trí thông minh, sáng tạo, bằng nghệ thuật quân sự độc đáo.  5. Truyền thống đoàn kết quốc tế.  6. Truyền thống một lòng theo Đảng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam. | 120 phút | Diễn giảng kết hợp với việc liên hệ truyền thống cha ông với nhiệm vụ chính trị-kinh tế-quốc phòng ở địa phương. | Nghe giảng kết hợp với ghi chép, đàm thoại với giáo viên. | Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, bài giảng. |
| KẾT LUẬN | 5 phút |  |  |  |

**III. KẾT THÚC BÀI GIẢNG**

- Hệ thống, tóm tắt nội dung chính của bài giảng.

- Giải đáp thắc mắc.

- Giới thiệu tài liệu tham khảo.

- Hướng dẫn nghiên cứu ôn tập.

- Nhận xét lớp học.

- Xuống lớp.

*Ngày….…tháng……năm…….* *Ngày .... tháng .... năm 2019*

**NGƯỜI THÔNG QUA** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TỔ TRƯỞNG**  **GIÁO VIÊN**

**MỞ ĐẦU**

Quân đội nhân dân và Công an nhân dân Việt Nam là bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Trải qua trên 60 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đã lập bao chiến công hiển hách, xây dựng nên truyền thống vẻ vang rất đáng tự hào, xứng đáng là công cụ bạo lực sắc bén của Đảng, Nhà nước và niềm tin của nhân dân.

Bài học về lịch sử truyền thống quân đội và công an nhân dân Việt Nam nằm trong phần giới thiệu những hiểu biết chung về quốc phòng, an ninh, góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh về lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, sự trân trọng với lịch sử, truyền thống của quân đội và công an nhân dân, sẵn sàng tham gia vào lực lượng vũ trang.

Căn cứ biên soạn theo:

- Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10 của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sản xuất năm 2016.

- Sách giáo viên Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10 của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sản xuất năm 2016.

**Bài 2**

**LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG CỦA QUÂN ĐỘI VÀ**

**CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM**

**A. LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**

**I. LỊCH SỬ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**

**1. Thời kì hình thành**

Ngay buổi đầu của cách mạng Việt Nam, trong chính cương vắn tắt của Đảng, tháng 2 năm 1930 đã đề cập đến việc: “Tổ chức ra quân đội công nông”. Tiếp đó, Luận cương chính trị đầu tiên của Đảng vào tháng 10 năm 1930 cũng chỉ rõ nhiệm vụ “Vũ trang nhân dân”, “Lập quân đội công nông” và “ Tổ chức ra đội tự vệ công nông”. Trong quá trình phát triển phong trào quần chúng, những đội vũ trang đầu tiên đã ra đời: Đội Tự vệ Đỏ, Xích vệ Đỏ trong phong trào Xô Viết-Nghệ Tĩnh; đội du kích Nam Kỳ trong khởi nghĩa Nam Kì; đội du kích Bắc Sơn trong khởi nghĩa Bắc Sơn; du kích Ba Tơ trong khởi nghĩa Ma Tơ; các đội Cứu quốc quân 1, 2, 3 gắn liền với các cuộc khởi nghĩa Cao-Bắc-Lạng và Hà-Tuyên-Thái, các đội vũ trang đầu tiên đó là tiền thân của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

Ngày 22 tháng 12 năm 1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân chính thức được thành lập theo chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ đó ngày này trở thành ngày truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Ngày đầu thành lập, Đội Việt nam tuyên truyền giải phóng quân gồm 34 chiến sĩ (trong đó có 3 nữ), biên chế thành 3 tiểu đội, có chi bộ Đảng lãnh đạo và 34 khẩu súng các loại. Chiến công đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là hạ đồn Phay Khắt và Nà Ngần, đặt cơ sở cho truyền thống “đáng thắng trận đầu” của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tháng 4 năm 1945, tại Hội nghị Quân sự Bắc Kì của Đảng đã quyết định hợp nhất các tổ chức vũ trang trong nước thành “Việt Nam giải phóng quân”. Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, lực lượng vũ trang ta tuy chỉ có khoảng 5 nghìn người, vũ khí rất thiếu và thô sơ những đã cùng toàn dân đứng lên tổng khởi nghĩa, giành chính quyền về tay nhân dân.

**2. Thời kì xây dựng, trưởng thành và chiến thắng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược.**

***a) Trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)***

\* Qúa trình phát triển

Tên gọi của Quân đội nhân dân Việt Nam gắn liền với nhiệm vụ cách mạng qua từng thời kì. Sau Cách mạng tháng Tám Đội Việt Nam giải phóng quân được đổi thành “Vệ quốc đoàn”. Ngày 22 tháng 5 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh 71/SL thành lập Quân đội quốc gia Việt Nam; sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (năm 1951), đổi tên là Quân đội nhân dân Việt Nam và được gọi cho đến ngày nay.

Thành phần Quân đội nhân dân Việt Nam gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương. Đối với bộ đội chủ lực, ngày đầu toàn quốc kháng chiến mới chỉ có vài nghìn người, đến kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, đã có trên 30 vạn quân chủ lực. Đối với bộ đội địa phương, ngày 7 tháng 4 năm 1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Quyết định thành lập bộ đội địa phương và đến cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, lực lượng vũ trang địa phương đã phát triển trên phạm vị cả nước với các trung đoàn, tiểu đoàn bám trụ địa bàn, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

\* Quá trình chiến đấu và chiến thắng

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời chưa được bao lâu thì thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Để hoàn thành mục tiêu cách mạng giải phóng dân tộc dưới hình thức chiến tranh cách mạng, quân đội ta vừa chiến đấu, vừa xây dựng, trưởng thành và lập nhiều chiến công hiển hách. Chiến thắng Việt Bắc-Thu Đông 1947, chỉ với lực lượng nhỏ hơn địch nhiều lần (khoảng 30 đại đội chủ lực, 18 tiểu đoàn tập trung, cùng dân quân, du kích) đã đánh bại cuộc tiến công của 2 vạn quân Pháp tại chiến khu Việt Bắc.

Trong Chiến dịch Biên giới (năm 1950), Đại đoàn 308, Trung đoàn 174, 209, cùng nhiều lực lượng khác đã giành chiến thắng, giải phóng một vùng rộng lớn ở Đông Bắc, tạo điều kiện cho cách mạng nước ta tiếp xúc với cách mạng thế giới. Trong chiến dịch này, đã xuất hiện nhiều tấm gương chiến đấu anh dũng, hi sinh quên mình: Chiến sĩ La Văn Cầu đã nhờ đồng đội chặt cánh tay bị thương để tiếp tục chiến đấu, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Qua các chiến dịch: Trung du, Đường 18, Hà Nam Ninh đầu năm 1951; Hòa Bình (Đông Xuân 1951-1952); Tây Bắc năm 1952; Thượng Lào năm 1953…, quân đội ta tiêu diệt nhiều sinh lực địch, xoay chuyển tình thế của cuộc kháng chiến chống Pháp về phía có lợi cho ta. Chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, quân và dân ta bước vào cuộc tiến công chiến lược trên toàn quốc, mà đỉnh cao là thắng lợi trong chiến dịch Điện Biên Phủ, đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954), đưa nước ta bước vào giai đoạn mới của cách mạng. Trong chiến dịch này, có nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm, hi sinh quên mình: chiến sĩ Bế Văn Đàn đã dùng vai mình làm giá súng cho đồng đội tiêu diệt địch, chiến sĩ Tô Vĩnh Diện lấy thân mình chèn pháo, chiến sĩ Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai, tạo điều kiện cho đồng đội xung phong tiêu diệt địch.

***b) Trong thời kì kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược (1954-1975)***

Kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi, đế quốc Mĩ thực hiện âm mưu hất cẳng Pháp, xâm lược miền Nam Việt Nam, áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu mới, hòng chia cắt lâu dài đất nước ta. Quân đội ta một lần nữa lại bước vào trận tuyến mới, cùng toàn dân kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược. Từ năm 1954 đến năm 1965, lực lượng quân đội ta ở miền Bắc bước vào xây dựng chính quy, luyện quân lập công và thực hiện phong trào thi đua “ba nhất”, góp phần vào thắng lợi trong công cuộc cải tạo và khôi phục kinh tế, làm điểm tựa cho cuộc đấu tranh thông nhất nước nhà. Các lực lượng vũ trang miền Nam hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị, giữ gìn và chuẩn bị lực lượng, góp phần giành thắng lợi phong trào đồng khởi.

Ngày 15 tháng 1 năm 1961, các lực lượng vũ trang tại miền Nam được thống nhất với tên gọi “Quân giải phóng”. Những chiến thắng ở Ấp Bắc, Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài đã góp phần bẻ gẫy chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mĩ. Bị thất bại trong chiến tranh đặc biệt, Mĩ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam, đưa hơn nửa triệu quân Mĩ vào tác chiến trực tiếp, đồng thời ném bom phá hoại miền Bắc lần thứ nhất. Trước sự đánh phá ác liệt của kẻ thù, quân đội ta cùng toàn dân thực hiện khẩu hiêu “Quyết tâm đánh giặc Mĩ xâm lược”. Các lực lượng vũ trang của ta ở cả hai miền đã lập nhiều chiến công lớn, đánh bại hai cuộc hành quân của Mĩ vào mùa khô 1965-1966 và 1966-1967 trên chiến trường miền Nam. Quân và dân ta đã bắn rơi hàng nghìn máy bay, bắt sống hàng trăm giặc lái trên chiến trường miền Bắc, tạo ra tình thế cách mạng thuận lợi cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân năm 1968.

Bị thất bại nặng nề cả hai miền Nam, Bắc, đế quốc Mĩ buộc phải đơn phương xuống thang chiến tranh, áp dụng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, gây sức ép quốc tế, hòng buộc chúng ta phải chịu khuất phục. Chúng mở nhiều cuộc hành quân quy mô lớn tiến ra Đông Bắc Cam-pu-chia, đường 9-Nam Lào và phát động chiến tranh phá hoại ở miền Bắc lần thứ hai với tính chất, quy mô ác liệt hơn. Quân dân ta đã anh dũng chiến đấu, giành thắng lợi lớn tại đường 9-Nam Lào, Đông Bắc Cam-pu-chia và Quảng Trị-Thừa Thiên…đập tan các kế hoạch chiến lược của Mĩ-Ngụy. Trong trận “Điện Biên Phủ trên không” lực lượng phòng không-không quân của quân đội ta cùng các lực lượng khác đã bắn rơi 81 máy bay, trong đó có 34 máy bay B52, bắt sống nhiều giặc lái, buộc đế quốc Mĩ phải kí hiệp định Pari về Việt Nam. Tận dụng thời cơ, quân đội ta đã thực hiện cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong kháng chiến chống Mĩ đã xuất hiện nhiều anh hùng, dũng sĩ diệt Mĩ. Lê Mã Lương đã quan niệm “cuộc đời đẹp nhất là trên trận tuyến đánh quân thù”; Anh hùng liệt sĩ Nguyễn Viết Xuân hô vang khẩu hiệu “nhắm thẳng quân thù mà bắn”; Anh hùng Phạm Tuân đã lái máy bay Míc 21, bắn rơi pháo đài B52 của Mĩ…Tất cả những tấm gương đó, mãi là niềm tự hào của Quân đội nhân dân Việt Nam.

***c) Thời kì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa***

Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi, đất nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội trong niềm tự hào dân tộc và sự khâm phục của bè bạn quốc tế. Quân đội nhân dân Việt Nam tiếp tục chắc tay súng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Với chức năng là quân đội chiến đấu, đội quân công tác và đội quân sản xuất, Quân đội nhân dân Việt Nam đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, xứng đáng là công cụ bạo lực sắc bén của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Hiện nay, quân đội ta xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, làm nòng cốt cho nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Trong xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, quân đội ta đang cùng với các lực lượng khác tiếp tục tăng cường sức chiến đấu và nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng-an ninh trong mọi tình huống; đồng thời, tích cực tham gia các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch họa, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

**II. Truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam**

Hơn 60 năm xây dựng, trưởng thành và chiến thắng, Quân đội nhân dân Việt Nam đã viết lên những truyền thống vẻ vang, đó là:

**1. Trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng của Đảng**

Sự trung thành của Quân đội nhân dân Việt Nam, trước hết thể hiện trong chiến đấu vì mục tiêu, lí tưởng của Đảng là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu, lí tưởng của Đảng trở thành niềm tin, lẽ sống của Quân đội nhân dân, Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam theo nguyên tắc “tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt”. Tổ chức Đảng trong Quân đội được thực hiện theo hệ thống dọc từ Trung ương đến cơ sở. Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam tiến hành công tác Đảng, công tác chính trị để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội. Khái quát và ngợi khen quân đội ta, Bác Hồ nói: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì độc lập tư do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”.

**2. Quyết chiến, quyết thắng, biết đánh, biết thắng**.

Là đội quân nhỏ nhưng đã đánh thắng nhiều đế quốc to, của Quân đội nhân dân Việt Nam đã làm nên truyền thống quyết chiến, quyết thắng, biết đánh và biết thắng. Truyền thống đó trước hết được thể hiện ở quyết tâm đánh giặc giữ nước, quyết không sợ hi sinh gian khổ, xả thân vì sự nghiệp cách mạng của Đảng. Mặt khác, Quân đội nhân dân Việt Nam đã sử dụng nghệ thuật quân sự cảu chiến tranh cách mạng. Đó là nghệ thuật lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ chống lớn của dân tộc; nghệ thuật tranh thời, dùng mưu, lập thế để tạo ra sức mạnh đánh thắng quân thù. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, chiến thắng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy màu xuân 1975 đã tô thắm truyền thống quyết chiến, quyết thắng và biết đánh, biết thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam.

**3. Gắn bó máu thịt với nhân dân.**

Quân đội nhân dân Việt Nam từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu. với chức năng: quân đội chiến đấu, đội quân công tác và đội quân sản xuất, quân đội ta đã làm nên truyền thống gắn bó máu thịt với nhân dân. Truyền thống đó được thể hiện tập trung trong 10 lời thề danh dự của quân nhân và 12 điều kỉ luật khi quan hệ với nhân dân của quân nhân.

**4. Nội bộ đoàn kết thống nhất, kỉ luật tự giác, nghiêm minh**.

Sức mạnh của Quân đội nhân dân Việt Nam được xây dựng bởi nội bộ đoàn kết thống nhất và kỉ luật tự giác nghiêm minh. Trên 60 năm xây dựng và trưởng thành, quân đội ta luôn giải quyết tốt mối quan hệ nội bộ giữa cán bộ với chiến sĩ, giữa cán bộ với cán bộ, giữa chiến sĩ với chiến sĩ và giữa lãnh đạo với chỉ huy “Đoàn kết chặt chẽ với nhau như ruột thịt, trên tình thương yêu giai cấp, hết lòng giúp đỡ lẫn nhau lúc thường cũng như lúc ra trận, thực hiện toàn quân một ý chí”. Hệ thống điều lệnh, điều lệ và những quy định trong quân đội chặt chẽ, thống nhất được cán bộ, chiến sĩ tự giác chấp hành.

Độc lập, tự chủ, tự cường, cần kiệm xây dựng quân đội, xây dựng đất nước. Quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành của quân đội nhân dân gắn liền với công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc ta qua các thời kì. Qua đó quân đội ta đã phát huy tốt tinh thần khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong chiến đấu, trong lao động sản xuất và công tác với tinh thần độc lập, tự chủ, tự cường, góp phần tô thắm truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

**5. Nêu cao tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, đoàn kết, thủy chung với bạn bè quốc tế.**

Quân đội nhân dân Việt Nam chiến đấu không những giải phóng dân tộc mà còn góp phần thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế. Biểu hiện tập trung cho truyền thống đó là sự liên minh chiến đấu giữa quân tình nguyện Việt Nam với quân đội Pathét Lào và bộ đội yêu nước Cam-pu-chia trong cuộc kháng chiến chống thực dận Pháp và đế quốc Mĩ. Chiến dịch “Thập vạn đại sơn” là bằng chứng về sự liên minh chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam và Quân đội nhân dân Trung Quốc, để lại trong lòng nhân dân hai nước những kí ức đẹp.

**B. LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM**

**I. LỊCH SỬ CÔNG AN NHÂN DÂN**

Trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, kẻ thù chống phá cách mạng Việt Nam thường phối hợp giữa tiến công quân sự bên ngoài với các hoạt động lật đổ bên trong. Các lực lượng phản động trong nước, ngoài nước cấu kết chặt chẽ với nhau, chống phá ta quyết liệt trên mọi lĩnh vực. Do đó sự ra đời của Công an nhân dân Việt Nam là một đòi hỏi tất yếu khách quan.

**1. Thời kì hình thành**

Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, yêu cầu bảo vệ chính quyền cách mạng được đặc biệt coi trọng. Dưới dự chỉ đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, lực lượng Công an được thành lập ngày19 tháng 8 năm 1945, để cùng các lực lượng khác bảo vệ thành quả cách mạng. Từ đó, ngày 19 tháng 8 ngày này trở thành ngày truyền thống của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam. Ở Bắc Bộ thành lập “Sở Liêm phóng” và “Sở Cảnh sát”. Các tỉnh thành lập “Ti Liêm phóng” và “Ti Cảnh sát”. Các tổ chức tiền thân của lực lượng công an nhân dân cùng nhân dân tham gia tổng khởi nghĩa giành chính quyền, đồng thời bảo vệ thành công ngày Quốc khánh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (2/9/1945).

**2. Thời kì xây dựng, trưởng thành và chiến thắng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ (1945-1975)**

***a) Trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).***

Đầu năm 1947, Nha Công an Trung ương được chấn chỉnh về tổ chức gồm: Văn phòng, Ti Điệp báo, Ti Chính trị, Bộ phân An toàn khu. Tháng 6 năm 1949, Nha Công an Trung ương tổ chức Hội nghị Điều tra toàn quốc. Ngày 15/01/1950, Hội nghị Công an toàn quốc xác định Công an nhân dân Việt Nam có ba tính chất: “dân tộc, dân chủ và khoa học”. Ngày 28/02/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra quyết định bộ phận Tình báo quân đội sát nhập và nha Công an.

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, Ban công an tiền phương nằm trong Hội đồng Cung cấp mặt trận. Nhiệm vụ của Ban là bảo vệ các lực lượng tham gia chiến dịch, bảo vệ dân công, bảo vệ kho tàng và đường hành quân của bộ đội, góp phần làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Thời kì này đã xuất hiện nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm như tấm gương hi sinh Võ Thị Sáu, đội viên công an xung phong Đất Đỏ tuộc tình Bà Rịa-Vũng Tàu; trong phong trào phá tề, trừ gian có: Trần Việt Hùng đội trưởng trừ gian của công an tỉnh Hải Dương; Trần Văn Châu, đội trưởng công an Kí Con thuộc tỉnh Nam Định…

***b) Trong thời kì kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược (1954-1975).***

- Giai đoạn từ năm 1954 đến 1960, Công an nhân dân Việt Nam góp phần ổn định an ninh, phục vụ công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, giữ gìn và phát triển lực lượng ở miền Nam.

- Giai đoạn từ năm 1961 đến 1965, Công an nhân dân Việt Nam tăng cường xây dựng lực lượng, đẩy mạnh đấu tranh chống lực lượng phản cách mạng và tội phạm khác, bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, góp phần đánh thắng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mĩ ở miền Nam.

- Giai đoạn từ năm 1965 đến 1968, Công an nhân dân Việt Nam giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất và làm thất bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ ở miền Nam.

- Giai đoạn từ năm 1969 đến 1973, Công an nhân dân Việt Nam giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ hai trên miền Bắc và làm phá sản chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mĩ ở miền Nam.

- Giai đoạn từ năm 1973 đến 1975, Công an nhân dân Việt Nam cùng cả nước dốc sức giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, lực lượng công an đã phối hợp chiến đấu cùng quân đội và nhân dân lập nhiều chiến công. Ban An ninh Trung ương Cục và Đặc khu Sài Gòn-Gia Định điều động nhiều cán bộ, chiến sĩ phối hợp với lực lượng quân sự và quần chúng tiến công và nổi dậy chiếm lĩnh các mục tiêu trọng yếu như: Dinh Độc lập, Tổng Nha cảnh sát Ngụy, Bộ Tổng Tham Mưu Ngụy, Đài phát thanh…Các chiến sĩ công an tham gia tích cực mở đường, kết hợp tiến công từ bên ngoài vào với sự nổi dậy từ bên trong, góp phần đập tan mọi sự phản kháng của bọn phản cách mạng, ngăn chặn và bắt giữ những đối tượng chạy trốn. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 đã có hàng chục nghìn cán bộ, chiến sĩ tham gia, góp phần tích cực giành thắng lợi, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

***c) Thời kì đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội (từ năm 1975 đến nay)***

Đất nước hòa bình, thống nhất và đi lên chủ nghãi xã hội, trên trận tuyến mới, Công an nhân dân Việt Nam đã đổi mới tổ chức và hoạt động, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh-trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống. Trên 60 năm xây dựng và trưởng thành, Công an nhân dân được nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh và những phần thưởng cao quý khác.

**II. TRUYỀN THỐNG CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM**

Trên 60 năm xây dựng, trưởng thành và chiến thắng, Công an nhân dân Việt Nam đã dệt lên trang sử hào hùng “vì nước quên thân, vì dân phục vụ”. Truyền thống của Công an nhân dân Việt Nam được khái quát qua các nội dung sau:

**1. Trung thành tuyệt đối với sự nghiệp của Đảng.**

Cũng như Quân đội nhân dân, Công an nhân dân chiến đấu vì mục tiêu, lí tưởng của Đảng và trở thành công cụ bạo lực sắc bén của Nhà nước trong việc chống thù trong, giặc ngoài bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, trung thành với mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng qua từng thời kì. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Công an nhân dân theo nguyên tắc “tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt”. Tổ chức Đảng trong lực lượng công an theo hệ thống dọc từ Trung ương đến cơ sở. Hàng vạn cán bộ, chiến sĩ công an nhan dân trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc đã xả thân và hi sinh quên mình vì sự nghiệp cách mạng. Truyền thốngtrung thành vô hạn với sự nghiệp của Đảng trở thành niềm tự hào trong lực lượng công an và trong lòng dân tộc.

**2. Vì dân phục vụ, dựa vào dân làm việc và chiến đấu.**

Công an nhân dân Việt Nam từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu đã lập bao chến công hiển hách trong lịch sử xây dựng và chiến đấu của mình. Những chiến công bắt gián điệp, biệt kích đột nhập bên ngoài vào; những vụ khám phá phần tử phản động ở trong nước; những cuộc chiến đấu cam go, quyết liệt với kẻ cầm đầu gây rối trật tự, an ninh xã hội, được quần chúng nhân dân chỉ bảo, giúp đỡ, càng gắn bó máu thịt giữa công an và nhân dân. Các đội xây dựng cơ sở, các công an viên bám, nắm địa bàn, thúc hiện cùng ăn, cùng ở, cùng làm với nhân dân, lấy sự bình yên cuộc sống làm mục tiêu phục vụ và lấy sự gắn bó phối hợp cùng nhân dân là điều kiện hoàn thành nhiệm vụ đã viết nên nét đẹp truyền thống “vì nhân dân phục vụ, dựa vào nhân dân chiến đấu” của Công an nhân dân Việt Nam.

**3. Độc lập, tự chủ, tự cường và tiếp thu vận dụng sáng tạo những kinh nghiêm bảo vệ an ninh, trật tự và những thành tựu khoa học- công nghệ phục vụ công tác và chiến đấu.**

Quán triệt đường lối độc lập, tự chủ của Đảng, Công an nhân dân Việt Nam trong lịch sử cảu mình đã phát huy đầy đủ các nhân tố nội lục, làm nên sức mạnh giành thắng lợi. Với tinh thần “người Việt Nam phải tự giải phóng lấy mình, tự cứu mình trước khi chờ cứu” công an nhân dân đã tích cực, chủ động bám trụ, nắm địa bàn, chủ động phát hiện những dấu tích tội phạm…Phương tiện trong tay lực lượng công an mặc dù chưa phải là hiện đại, thậm chí rất thô sơ nhưng đã biết tận dụng, vận dụng và sáng tạo trong những hoàn cảnh điều kiện nhất định, thực hiện nhiệm vụ một cách có hiệu quả nhất.

**4. Tận tụy trong công việc, cảnh giác, bí mật, mưu trí, sáng tạo, dũng cảm kiên quyết, khôn khéo trong chiến đấu.**

Kẻ thù chống phá cách mạng thường sử dụng trăm phương ngàn kế với những thủ đoạn rất tinh vi, xảo quyệt. Muốn đánh thắng chúng, lực lượng công an phải luôn tận tụy với công việc, cảnh giác, bí mật mưu trí. Tận tụy trong công việc giúp công an điều tra, xét hỏi, nắm bằng chứng được chính xác và chuẩn bị chứng cứ để bắt đúng kẻ phạm tội.

**5. Quan hệ quốc tế trong sáng, thủy chung nghĩa tình.**

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào cộng sản quốc tế, bởi vậy mục tiêu chiến đấu của lục lượng vũ trang nói chung và lực lượng công an nói riêng phải góp phần hoàn thành nghĩa vụ quốc tế cao cả. Đây là những phẩm chất không thể thiếu giúp công an nhân dân hoàn thành nhiệm vụ. Thể hiện tập trung nhất về sự hợp tác quốc tế là sự phối hợp công tác của công an 3 nước Đông Dương: Việt Nam, Lào, Campuchia trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ. Lực lượng intepol Việt Nam đa phối hợp với lực lượng intepol quốc tế để điều tra, truy bắt những tên tội phạm quốc tế và những vụ án ma tuý lớn…

**KẾT LUẬN**

Đây là bài học giúp học sinh hiểu được những nét chính về lịch sử, bản chất, truyền thống anh hùng của Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam. Từ truyền thống anh hùng của lực lượng vũ trang, rút ra được nét cơ bản của nghệ thuật quân sự qua mỗi giai đoạn. Từ đây xây dựng cho học sinh ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện tốt, sẵn sàng tham gia và lực lượng quân đội và công an.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Trình bày quá trình hình thành, xây dựng và trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Trình bày quá trình hình thành, xây dựng và trưởng thành của Công an nhân dân Việt Nam.

3. Nêu truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam.

4. Nêu truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam.

*Ngày .....tháng .... năm 2019*

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**GIÁO VIÊN**

**KẾ HOẠCH GIẢNG BÀI**

**PHÊ DUYỆT** Môn học: **Giáo Dục Quốc Phòng\_An Ninh**

*Ngày…….tháng……năm……..*  Bài: **Lịch sử, truyền thống của Quân đội và**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG Công an nhân dân Việt Nam**

Đối tượng: **Học sinh lớp 10**

Năm học: **2019-2020**

**Phần I**

**Ý ĐỊNH GIẢNG BÀI**

**I.** **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**A. MỤC ĐÍCH**

- Hiểu được những nét chính về lịch sử, bản chất, truyền thống anh hùng của Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam.

- Từ truyền thống anh hùng của lực lượng vũ trang, rút ra được nét cơ bản của nghệ thuật quân sự qua mỗi giai đoạn.

**B. YÊU CẦU**

**-** Có ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện tốt, sẵn sàng tham gia và lực lượng quân đội và công an.

**II. NỘI DUNG VÀ TRỌNG TÂM**

**A. NỘI DUNG**

Lịch sử, truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam.

Lịch sử, truyền thống Công an nhân dân Việt Nam.

**B. TRỌNG TÂM**

Truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam.

Truyền thống Công an nhân dân Việt Nam.

**III. THỜI GIAN**

Tổng số: 5 tiết

Lên lớp: 225 phút

**IV. TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP**

**A. TỔ CHỨC**

Lấy lớp học làm đơn vị để giảng dạy.

**B. PHƯƠNG PHÁP**

1. Giáo viên: phương pháp thuyết trình, giảng giải, đàm thoại.

2. Học sinh: Nghe giảng kết hợp với ghi chép, đàm thoại với giáo viên.

**V. ĐỊA ĐIỂM**

**VI. VẬT CHẤT**

**A. GIÁO VIÊN:** Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, bài giảng.

**B. HỌC SINH:** Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, vở, viết.

**Phần II**

**THỰC HÀNH BÀI GIẢNG**

**I. THỦ TỤC BÀI GIẢNG**: 5 phút

1. Nhận lớp

- Ổn định lớp

- Kiểm tra trang phục.

- Điểm danh nắm sỉ số lớp.

- Chào báo cáo cấp trên (nếu có).

2. Phổ biến các quy định:

- Học tập nghiêm túc, không làm chuyện riêng trong giờ học.

- Tích cực phát biểu, xây dựng bài.

- Ghi chép bài vở đầy đủ.

3. Phổ biến ý định bài giảng: Tìm hiểu về bài “LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG CỦA QUÂN ĐỘI VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM”

**II. TRÌNH TỰ GIẢNG BÀI:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ tự, nội dung | Thời gian | Phương pháp | | Vật chất |
| Giáo viên | Học sinh |
| MỞ ĐẦU | 5 phút |  |  |  |
| A. LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM  I. LỊCH SỬ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM.  1.Thời kì hình thành.  2. Thời kì xây dựng, trưởng thành và chiến thắng trong hai cuộc chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược.  II. TRUYỀN THỐNG CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM.  1. Trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng của Đảng.  2. Quyết chiến, quyết thắng, biết đánh, biết thắng.  3. Gắn bó máu thịt với nhân dân.  4. Nội bộ đoàn kết thống nhất, kỉ luật tự giác, nghiêm minh.  5. Độc lập, tự chủ, tự cường, càn kiệm xây dựng quân đội, xây dựng đất nước.  6. Nêu cao tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, đoàn kết, thủy chung với bạn bè quốc tế. | 120 phút  40 phút  80 phút | Phương pháp thuyết trình, giảng giải, đàm thoại. | Nghe giảng kết hợp với ghi chép, đàm thoại với giáo viên. | Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, bài giảng. |
| B. LICH SỬ, TRUYỀN THỐNG CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM  I. LỊCH SỬ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM.  1. Thời kì hình thành.  2. Thời kì xây dựng, trưởng thành và chiến thắng trong hai cuộc chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ (1945-1975).  3. Thời kì đất nước thống nhất. cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội (từ 1975 đến nay).  II. TRUYỀN THỐNG CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM.  1. Trung thành tuyệt đối với sự nghiệp của Đảng.  2. Vì nhân dân phục vụ, dựa vào nhân dân làm việc và chiến đấu.  3. Độc lập, tự chủ, tự cường và tiếp thu vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm bảo vệ an ninh, trật tự và những thành tựu khoa học-công nghệ phục vụ công tác và chiến đấu.  4. Tận tụy trong công việc, cảnh giác, bí mật, mưu trí, sáng tạo, dũng cảm, kiên quyết, khôn khéo trong chiến đấu.  5. Quan hệ hợp tác quốc tế trong sáng, thủy chung, nghĩa tình. | 80 phút  40 phút  40 phút | Phương pháp thuyết trình, giảng giải, đàm thoại. | Nghe giảng kết hợp với ghi chép, đàm thoại với giáo viên. | Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, bài giảng. |
| KẾT LUẬN | 5 phút |  |  |  |

**III. KẾT THÚC BÀI GIẢNG**

- Hệ thống, tóm tắt nội dung chính của bài giảng.

- Giải đáp thắc mắc.

- Giới thiệu tài liệu tham khảo.

- Hướng dẫn nghiên cứu ôn tập.

- Nhận xét lớp học.

- Xuống lớp.

*Ngày……tháng…..năm…….* *Ngày ... tháng ... năm 2019*

**NGƯỜI THÔNG QUA** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TỔ TRƯỞNG**  **GIÁO VIÊN**

**MỞ ĐẦU**

Điều lệnh Đội ngũ là văn bản quy phạm pháp lật thuộc hệ thống văn bản pháp luật cảu Nha nước do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kí Quyết định ban hành.

Đội ngũ từng người không có súng là một nội dung của Điều lệnh đội ngũ, có tác dụng rèn luyện cho học sinh ý thức tổ chức kỉ luật, tác phong khẩn trương, hoạt bát, tinh thần luôn chấp hành mệnh lệnh. Đồng thời thể hiện sự thống nhất, trang nghiêm, hùng mạnh của nhà trường trong các hoạt động và sinh hoạt tập thể.

Căn cứ biên soạn theo:

- Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10 của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sản xuất năm 2016.

- Sách giáo viên Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10 của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sản xuất năm 2016.

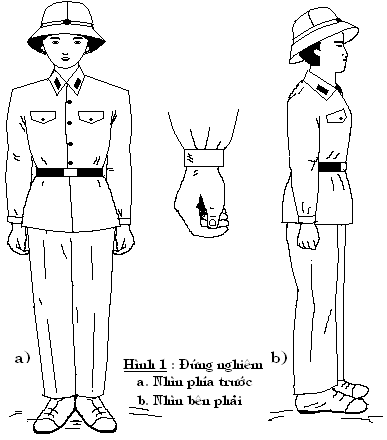
**Bài 3**

**ĐỘI NGŨ TỪNG NGƯỜI KHÔNG CÓ SÚNG**

**I. VẤN ĐỀ HUẤN LUYỆN I:**

**ĐỘNG TÁC NGHIÊM, NGHỈ, QUAY TẠI CHỖ, CHÀO**

**1. Động tác nghiêm:**



***a) Ý nghĩa:***

- Để rèn luyện cho từng người có tác phong nghiêm túc, tư thế hùng mạnh khẩn trương và đức tính bình tĩnh, nhẫn nại; đồng thời rèn luyện ý thức, tổ chức kỷ luật, thống nhất và tập trung, sẵn sàng nhận mệnh lệnh.

- Đứng nghiêm là động tác cơ bản của từng người, làm cơ sở cho mọi động tác khác.

***b) Khẩu lệnh:*** **“NGHIÊM”** – Không có dự lệnh.

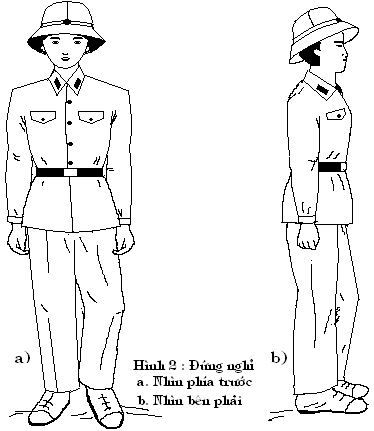
- Khi nghe dứt động lệnh “NGHIÊM” hai gót chân đặt sát nhau, nằm trên một đường ngang thẳng, hai bàn chân mở rộng 450 (tính từ mép trong hai bàn chân) hai đầu gối thẳng sức nặng toàn thân dồn đều vào hai bàn chân, ngực ưỡn, bụng hơi thóp lại, hai vai thăng bằng, hai tay buông thẳng, năm ngón tay khép lại và cong tự nhiên, đầu ngón tay cái đặt vào giữa đốt thứ nhất và đốt thứ hai của ngón tay trỏ, đầu ngón tay giữa đặt đúng theo đường chỉ quần, đầu ngay, miệng ngậm, cằm hơi thu về sau, mắt nhìn thẳng.

***c) Những điểm cần chú ý:***

- Người không động đậy, không lệch vai.

- Mắt nhìn thẳng, nét mặt tươi vui, nghiêm túc.

**2. Động tác nghỉ.**

****

***a) Ý nghĩa:***

- Để quân nhân khi đứng trong đội hình đỡ mỏi mà vẫn giữ được tư thế, hàng ngũ nghiêm chỉnh và tập trung sức chú ý.

***b) Khẩu lệnh:*** **“NGHỈ”** – Không có dự lệnh.

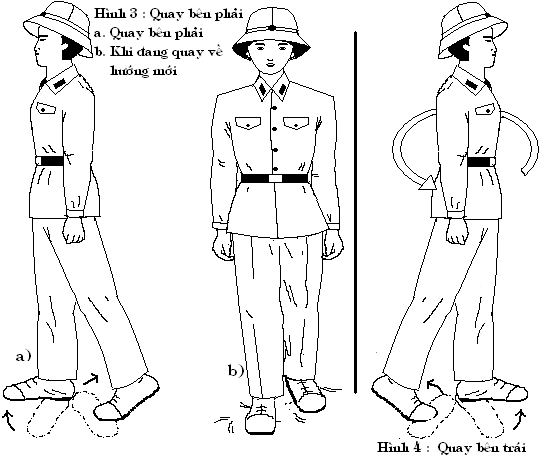
- Khi nghe dứt động lệnh “NGHỈ” đầu gối trái hơi chùng, sức nặng toàn thân dồn vào chân phải, thân trên và hai tay vẫn tư thế đứng nghiêm, khi mỏi trở về tư thế nghiêm rồi chuyển sang đầu gối chân phải hơi chùng.

- Động tác Nghỉ hai chân mở rộng bằng vai: áp dụng đối với quân nhân đứng trên tàu hải quân và khi luyện tập thể thao.

**3. Động tác quay tại chỗ.**

**❖ *Ý nghĩa:***

- Để đổi hướng đội hình được nhanh chóng, chính xác, giữ được vị trí đứng, duy trì được kỷ luật, trật tự đội hình.

***a) Động tác quay bên phải, bên trái:***

- Khẩu lệnh: **“Bên phải (trái) – QUAY”** có dự lệnh và động lệnh: “Bên phải (trái) “ là dự lệnh, “Quay” là động lệnh.

Khi nghe dứt động lệnh “Quay” thực hiện 2 cử động sau:

\* Cử động 1:

- Thân trên vẫn giữ ngay ngắn, hai gối thẳng tự nhiên, lấy gót chân phải (trái) và mũi bàn chân trái (phải) làm trụ (quay về bên nào thì dùng gót chân ấy và mũi chân kia làm trụ) phối hợp với sức xoay của thân người, xoay người sang phải (trái) 900, sức nặng toàn thân dồn vào chân phải (trái).

\* Cử động 2:

- Đưa chân trái (phải) lên thành tư thế đứng nghiêm.

***b) Động tác quay đằng sau:***

- Khẩu lệnh: **“Đằng sau – Quay”,** có dự lệnh và động lệnh: “Đằng sau” là dự lệnh, “Quay” là động lệnh.

Nghe dứt động lệnh “Quay” thực hiện 2 cử động sau:

\* Cử động 1:

- Thân trên vẫn giữ ngay ngắn, hai gối thẳng tự nhiên, dùng gót chân trái, mũi bàn chân phải làm trụ phối hợp với sức xoay toàn thân xoay người quay sang bên trái về sau 1800, sức nặng toàn thân dồn vào chân trái, khi quay xong đặt cả bàn chân xuống đất.

\* Cử động 2:

- Đưa chân phải lên thành tư thế đứng nghiêm.

❖ Những điểm cần chú ý:

+ Khi nghe dự lệnh, người không chuẩn bị đà trước để quay.

+ Khi đưa chân phải (trái) lên không đưa ngang để dập gót.

+ Quay sang hướng mới sức nặng toàn thân dồn chân làm trụ để người đứng vững ngay ngắn.

+ Khi quay hai bàn tay ở tư thế đứng nghiêm.

**4. Động tác chào**

*\* Trường hợp vận dụng:*

- Để biểu thị tính tổ chức, tính kỷ luật, tinh thần đoàn kết, nếp sống văn minh và tôn trọng lẫn nhau.

***a) Động tác chào cơ bản khi đội mũ cứng, mũ kê – pi***

- Khẩu lệnh: **“CHÀO”,** chỉ có động lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “CHÀO” tay phải đưa lên theo một đường gần nhất, đặt đầu ngón tay giữa chạm vào bên phải vành mũ (lưỡi trai), năm ngón tay khép lại và duỗi thẳng, lòng bàn tay úp xuống và hơi chếch về trước; bàn tay, cánh tay dưới thành một đường thẳng, cánh tay trên nâng lên và ngang với thân người, mắt nhìn thẳng.

Thôi chào:

- Khẩu lệnh: **“THÔI”**

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “THÔI”, tay phải đưa xuống theo một đường gần nhất về thành tư thế đứng nghiêm.

***b) Động tác chào cơ bản khi đội mũ mềm, mũ hải quân***

- Khẩu lệnh và động tác chào cơ bản như khi đội mũ cứng, chỉ khác vị trí đặt đầu ngón tay giữa:

+ Khi đội mũ mềm, dã chiến: đầu ngón tay giữa đặt chạm vào bên phải vành lưỡi trai.

+ Khi đội mũ hải quân: đầu ngón tay giữa đặt chạm vào phía dưới bên phải vành mũ.

***c) Động tác nhìn bên phải (trái) chào***

- Khẩu lệnh: **“Nhìn bên phải (trái) – CHÀO”,** có dự lệnh và động lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “CHÀO” tay phải đưa lên chào, đồng thời đánh mặt lên 150 và quay mặt sang phải hoặc sang trái 450 để chào.

Thôi chào:

- Khẩu lệnh: **“THÔI”**

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “THÔI”, tay phải đưa xuống theo một đường gần nhất, đồng thời quay mặt về thành tư thế đứng nghiêm.

+ Khi thay đổi hướng chào từ bên phải (trái) sáng bên trái (phải), đánh mặt và nhìn theo người mình chào đến chính giữa phía trước thì dừng lại, tay không đưa theo vành mũ.

***d) Chào khi không đội mũ***

- Trường hợp quân nhân mặc quân phục không đội mũ, chào bằng động tác trong các trường hợp: Quân nhân gặp nhau hoặc tiếp xúc với người ngoài quân đội và người nước ngoài; Gặp quân kỳ trong đội ngũ; Dự lễ lúc chào Quốc kỳ; Mặc niệm; Gặp các đồng chí lãnh đạo đảng, chính quyền; Gặp linh cữu có đơn vị quân đội đi đưa; Khi báo cáo cấp trên, khi nhận báo cáo; Khi được giới thiệu, trước và sau khi phát biểu trong hội nghị; Trước khi bắt tay đáp lễ cấp trên; Khi giới thiệu chương trình và tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ.

- Khẩu lệnh và động tác chào (thôi) như khi đội mũ, chỉ khác đầu ngón tay giữa cao ngang đuôi lông mày bên phải.

***e) Chào khi gặp cấp trên***

- Đến trước mặt cấp trên cách 3 đến 5 bước dừng lại, đứng nghiêm làm động tác giơ tay chào, khi cấp trên đáp lễ xong, bỏ tay xuống rồi mới báo cáo. Trong khi báo cáo vẫn giờ tay chào. Báo cáo xong phải nói “Hết” rồi bỏ tay xuống đứng nghiêm chờ chỉ thị của cấp trên.

- Nội dung báo cáo:

+ Báo cáo cấp trên không trực tiếp: người báo cáo phải tự giới thiệu họ, tên, chức vụ, đơn vị (phiên hiệu cấp mình và trên một cấp) và báo cáo theo chức vụ hoặc cấp bậc của cấp trên. Báo cáo nội dung công việc..., quân số..., xong phải nói “Hết”.

+ Báo cáo cấp trên trực tiếp: chỉ báo cáo theo chức vụ của cấp trên, báo cáo nội dung công việc…, quân số…, xong phải nói “Hết”.

- Rời khỏi cấp trên: Cấp trên có thể nói “Được” hoặc ra Chỉ thị, nếu cấp trên ra Chỉ thị phải nói: “Rõ” sau đó làm động tác chào trước khi rời khởi vị trí báo cáo. Khi cấp trên chào đáp lễ xong, người báo cáo bỏ tay xuống quay về hướng định đi, trở về tư thế đứng nghiêm rồi tiếp tục đi đến hoặc chạy về vị trí. Nếu muốn làm động tác quay đằng sau thì bước qua phải hoặc qua trái một bước rồi mới được quay.

- Trong các trường hợp không thể chào bằng động tác tay (tay bận) thì đứng nghiêm để chào. Nếu đang đi (vừa đi vừa quay mặt vào người mình chào), có thể kết hợp với lời nói để chào.

- Chú ý:

+ Không chào bằng tay trái.

+ Tay phải không đưa vòng, năm ngón tay khép kín (nhất là ngón cái và ngón út).

+ Không nghiêng đầu, lệch vai.

+ Khi thay đổi hướng chào không xoay người, điểm chạm đầu ngón tay giữa trên vành mũ (lưỡi trai) có thay đổi.

+ Mắt nhìn thẳng vào người mình chào, không liếc nhìn xung quanh, không nói chuyện.

+ Khi mang găng tay (găng tay nghi lễ) vẫn chào bình thường; khi bắt tay phải tháo găng tay.

**II. VẤN ĐỀ HUẤN LUYỆN II:**

**TIẾN, LÙI, QUA PHẢI, QUA TRÁI, NGỒI XUỐNG, ĐỨNG DẬY.**

**1. Tiến, lùi, qua phải, qua trái.**

**❖ *Ý nghĩa:***

Để điều chỉnh đội hình trong cự ly ngắn trong vòng 5 bước trở lại được nhanh chóng trật tự và thống nhất.

***a) Động tác tiến, lùi:***

- Động tác tiến:

+ Khẩu lệnh: **“Tiến x bước – bước”** có dự lệnh và động lệnh, “Tiến x bước” là dự lệnh, “bước” là động lệnh.

+ Khi nghe dứt động lệnh “bước” chân trái bước lên trước rồi đến chân phải bước tiếp theo (độ bước đi đều: 60 – 65cm), hai tay vẫn giữ như khi đứng nghiêm. Khi tiến đủ số bước qui định thì đứng lại đưa chân phải (trái) lên đặt sát gót chân trái (phải) thành tư thế đứng nghiêm.

- Động tác lùi:

+ Khẩu lệnh: **“Lùi x bước – bước”** có dự lệnh và động lệnh “Lùi x bước” là dự lệnh, “bước” là động lệnh.

+ Khi nghe dứt động lệnh “bước” chân trái lùi trước rồi đến chân phải, hai tay vẫn ở tư thế đứng nghiêm. Khi lùi đủ số bước qui định thì đứng lại, đưa chân phải (trái) về đặt sát chân trái (phải), thành tư thế đứng nghiêm.

***b) Động tác qua phải, qua trái:***

- Khẩu lệnh: **“Qua phải (trái) x bước – bước”** có dự lệnh và động lệnh, “Qua phải (trái) x bước” là dự lệnh, “bước” là động lệnh.

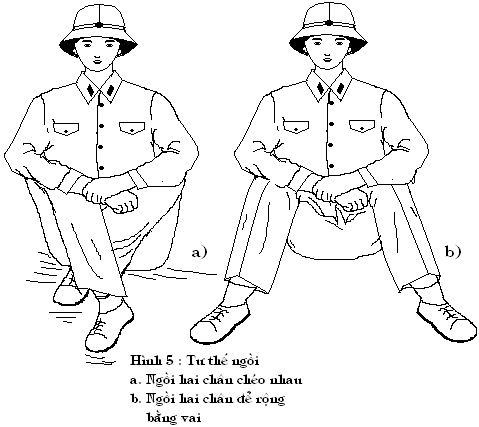
- Khi nghe dứt động lệnh “bước” thì di chuyển sang phải (trái) mỗi bước rộng bằng vai (tính từ 2 mép ngoài của 2 gót chân). Bước qua bên nào thì chân bên đó bước trước và từng bước kéo chân kia về thành tư thế nghiêm rồi mới bước tiếp bước khác, bước đủ số bước qui định rồi dừng lại.

❖ Những điểm chú ý :

- Cự ly trên 5 bước phải làm động tác đi đều hoặc hoặc chạy đều, khi lùi hoặc qua phải, qua trái trên 5 bước phải quay về hướng mới đi đều hoặc chạy đều.

- Tiến, lùi độ dài mỗi bước như đi đều.

**2. Ngồi xuống, đứng dậy:**

****

❖ ***Ý nghĩa:***

- Để vận dụng trong khi học tập nghe nói chuyện ở ngoài trời hoặc trong hội trường (không có ghế) được thống nhất trật tự.

***a) Động tác ngồi xuống:***

- Khẩu lệnh: **“NGỒI XUỐNG”** –Không có dự lệnh.

Khi nghe dứt động lệnh “Ngồi xuống” thực hiện 2 cử động.

\* Cử động 1:

- Chân trái đứng nguyên, chân phải bắt chéo qua chân trái bàn chân phải, đặt sát bàn chân trái, gót chân phải đặt ngang khoảng 1/2 bàn chân trái về trước.

\* Cử động 2:

- Ngồi xuống, hai chân bắt chéo nhau, hai đầu gối mở rộng bằng vai hoặc hai chân mở rộng bằng vai (hai bàn chân và hai đầu gối mở rộng bằng vai). Hai cánh tay cong tự nhiên, hai khuỷu tay đặt lên hai đầu gối, bàn tay trái nắm cổ tay phải, bàn tay phải nắm tự nhiên bàn tay hướng lên trên. Khi mỏi thì đổi tay phải nắm cổ tay trái.

***b) Động tác đứng dậy:***

- Khẩu lệnh: **“Đứng dậy”** – không có dự lệnh.

- Khi nghe dứt động lệnh “Đứng dậy”, thực hiện hai cử động sau :

\* Cử động 1:

- Người đang ở tư thế ngồi hai chân bắt chéo nhau (nếu ngồi hai chân mở rộng bằng vai thì phải trở về tư thế ngồi hai chân bắt chéo nhau) hai bàn tay nắm lại chống xuống đất (mu bàn tay hướng về phía trước) phối hợp với hai chân đẩy người đứng thẳng dậy.

\* Cử động 2:

- Đưa chân phải về vị trí cũ đặt sát chân trái thành tư thế đứng nghiêm.

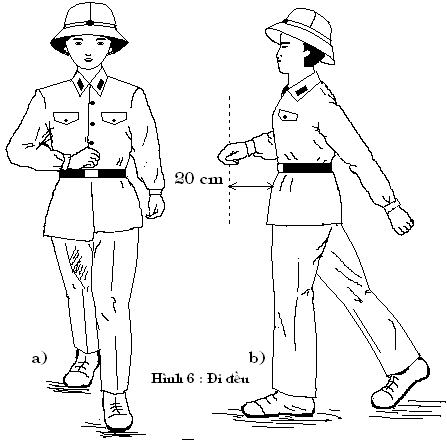
**III. VẤN ĐỀ HUẤN LUYỆN III:**

**ĐI ĐỀU, ĐỨNG LẠI, ĐỔI CHÂN, GIẬM CHÂN.**

**1. Đi đều, đứng lại, đổi chân trong khi đi:**

❖ ***Ý nghĩa:***

- Dùng khi di chuyển đội hình, di chuyển vị trí có trật tự biểu hiện sự thống nhất, hùng mạnh, nghiêm trang của quân đội.

***a) Động tác đi đều:***

- Khẩu lệnh: **“Đi đều – bước”** có dự lệnh và động lệnh, “đi đều” là dự lệnh, “bước” là động lệnh.

- Khi nghe dứt động lệnh “bước” thực hiện hai cử động sau :

\* Cử động 1:

- Chân trái bước lên cách chân phải 75cm (tính từ 2 gót bàn chân). Đặt gót chân rồi đặt cả bàn chân xuống đất, sức nặng thân người dồn vào chân trái, chân phải đầu gối thẳng ; đồng thời tay phải đánh ra phía trước, khuỷu tay gập lại hơi nâng lên, cánh tay dưới gần thành một đường thăng bằng, nắm tay hơi úp xuống, mép dưới của nắm tay cao ngang mép trên thắt lưng to (nếu lấy khớp xương thứ 3 của ngón trỏ làm chuẩn thì cao ngang khoảng giữa cúc áo thứ 2 và 3 tính từ trên xuống) khớp xương thứ ba của ngón tay trỏ cách thân người 20cm thẵng với đường khuy áo.

- Tay trái đánh về sau thẳng tự nhiên lòng bàn tay quay vào trong, mắt nhìn thẳng.

\* Cử động 2:

- Chân phải bước lên cách chân trái 75cm , tay trái đánh ra phía trước như tay phải, tay phải đánh ra phía sau như tay trái ở cử động 1. Cứ như vậy chân nọ tay kia bước với tốc độ 110 bước/1 phút.

***b) Động tác đứng lại:***

- Khẩu lệnh: **“Đứng lại – Đứng**”, có dự lệnh và động lệnh “Đứng lại” là dự lệnh, “Đứng” là động lệnh.

(Dự lệnh và động lệnh đều rơi vào chân phải).

Khi nghe dứt động lệnh “Đứng” thực hiện 2 cử động sau:

\* Cử động 1:

- Chân trái bước lên một bước (bàn chân đặt chếch sang trái 22,50).

\* Cử động 2:

- Chân phải đưa lên đặt sát với chân trái (bàn chân chếch sang phải 22,50) hai tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

❖ Những điểm chú ý:

- Khi đánh tay ra phía trước giữ đúng độ cao.

- Đánh tay ra phía sau thẳng tự nhiên.

- Giữ đúng độ dài bước và tốc độ đi.

- Người ngay ngắn, không nhìn xung quanh, không nói chuyện.

- Mắt nhìn thẳng, nét mặt tươi vui.

***c) Động tác đổi chân trong khi đi:***

- Khi đang đi đều thấy sai nhịp đi chung của đội hoặc sai nhịp hô của người chỉ huy thì phải đổi chân ngay.

Động tác đổi chân có 3 cử động:

\* Cử động 1:

- Chân trái bước lên một bước.

\* Cử động 2:

- Chân phải bước tiếp 1 bước ngắn (bước đệm) đặt sau gót chân trái, dùng mũi bàn chân phải làm trụ, chân trái bước nhanh về phía trước 1 bước ngắn, hai tay hơi dừng lại không đánh.

\* Cử động 3:

- Chân phải bước lên phối hợp với đánh tay, đi theo nhịp bước thống nhất.

❖ Những điểm chú ý:

+ Khi thấy đi sai nhịp chung phải đổi chân ngay.

+ Khi đổi chân không nhảy cò.

+ Tay, chân phối hợp nhịp nhàng.

**2. Giậm chân, đổi chân, đang giậm chân đứng lại và đi đều:**

❖ *Ý nghĩa:*

- Để điều chỉnh đội hình trong khi đi được nhanh chóng và trật tự.

***a) Động tác giậm chân tại chỗ:***



- Khẩu lệnh: **“Giậm chân – giậm”** có dự lệnh và động lệnh, “Giậm chân” là dự lệnh, “giậm” là động lệnh.

Khi nghe dứt động lệnh “giậm” thực hiện hai cử động sau :

\* Cử động 1:

- Chân trái co lên mũi bàn chân cách mặt đất 20cm rồi đặt xuống, đồng thời tay phải đánh về phía trước, tay trái đánh về sau như đi đều.

\* Cử động 2:

- Chân phải nhấc lên rồi đặt xuống như chân trái đồng thời tay trái đánh về trước, tay phải đánh về sau như đi đều cứ như vậy chân nọ tay kia phối hợp nhịp nhàng giậm chân tại chỗ.

***b) Động tác đổi chân trong khi đang giậm chân:***

Khi thấy giậm sai so với nhịp đếm phải làm động tác đổi chân ngay.

Động tác đổi chân gồm 3 cử động:

\* Cử động 1:

- Chân trái giậm 1 bước dừng lại.

\* Cử động 2:

- Chân phải giậm liên tiếp 2 bước tại chỗ (2 tay đánh có dừng lại).

\* Cử động 3:

- Chân trái giậm 1 bước, rồi 2 chân thay nhau giậm theo nhịp hô thống nhất.

***c) Động tác đứng lại khi đang giậm chân:***

- Khẩu lệnh: **“Đứng lại – đứng”** có dự lệnh và động lệnh “Đứng lại” là dự lệnh, “đứng” là động lệnh.

(Dự lệnh và động lệnh đều rơi vào chân phải)

Khi nghe dứt động lệnh thực hiện 2 cử động sau :

\* Cử động 1:

- Chân trái giậm tiếp một bước (tay vẫn đánh như đi đều).

\* Cử động 2:

- Chân phải đưa về đặt sát chân trái, đồng thời hai tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

❖ Những điểm chú ý:

+ Khi đổi chân, tay chân phối hợp nhịp nhàng.

+ Khi đặt bàn chân xuống đất, đặt mũi bàn chân xuống trước, rồi đặt cả bàn chân.

**KẾT LUẬN**

“Đội ngũ từng người không có súng” là nội dung quan trọng nhằm rèn luyện cho học sinh ý thức tổ chức, kỷ luật, tư thế, tác phong nhanh nhẹn, dứt khoát, khẩn trương theo tác phong của người quân nhân. Giúp cho học sinh hiểu và thực hiện thanh thạo các động tác, các đội hình cơ bản của đội ngũ từng người không có súng. Làm cở sở vận động trong các hoạt động của nhà trường.

**Ý ĐỊNH LUYỆN TẬP TỪNG NỘI DUNG**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **THỜI GIAN** | **TỔ CHỨC** | **PHƯƠNG PHÁP** | **ĐỊA ĐIỂM** | **VẬT CHẤT** | **KÝ TÍN HIỆU** |
| - Vấn đề huấn luyện 1: Nghỉ, nghiêm, quay tại chỗ và chào. | 30 phút | - Cá nhân và tổ (tiểu đội) để ôn luyện. | - Phương pháp:  +Tự nghiên cứu động tác 10p  + Thực hiện 3 bước:  • Tập chậm  • Tập nhanh  • Tập tổng hợp | - Cả lớp: vị trí A  - Tổ 1: vị trí B  - Tổ 2: vị trí C  - Tổ 3: vị trí D | Giáo án | - Nghe nhiều tiếng cò: tập trung ở vị trí A  - Nghe 2 tiếng còi: giải tán |
| - Vấn đề huấn luyện 2: Tiến, lùi, qua phải, qua trái, ngồi xuống, đứng dậy. | 30 phút | - Cá nhân và tổ (tiểu đội) để ôn luyện. | - Phương pháp:  +Tự nghiên cứu động tác 10p  + Thực hiện 3 bước:  • Tập chậm  • Tập nhanh  • Tập tổng hợp | - Cả lớp: vị trí A  - Tổ 1: vị trí B  - Tổ 2: vị trí C  - Tổ 3: vị trí D | Giáo án | - Nghe nhiều tiếng cò: tập trung ở vị trí A  - Nghe 2 tiếng còi: giải tán |
| - Vấn đề huấn luyện 3: Đi đều, đứng lại, đổi chân, giậm chân. | 30 phút | - Cá nhân và tổ (tiểu đội) để ôn luyện. | - Phương pháp:  +Tự nghiên cứu động tác 10p  + Thực hiện 3 bước:  • Tập chậm  • Tập nhanh  • Tập tổng hợp | - Cả lớp: vị trí A  - Tổ 1: vị trí B  - Tổ 2: vị trí C  - Tổ 3: vị trí D | Giáo án | - Nghe nhiều tiếng cò: tập trung ở vị trí A  - Nghe 2 tiếng còi: giải tán |

*Ngày .... tháng ......năm 2019*

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**GIÁO VIÊN**

**KẾ HOẠCH GIẢNG BÀI**

**PHÊ DUYỆT** Môn học: **Giáo Dục Quốc Phòng\_An Ninh**

*Ngày…….tháng…….năm……*  Bài: **Đội ngũ từng người không có súng**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG** Đối tượng: **Học sinh lớp 10**

Năm học: **2019-2020**

**Phần I**

**Ý ĐỊNH GIẢNG BÀI**

**I.** **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**A. MỤC ĐÍCH**

- Nhằm rèn luyện cho học sinh ý thức tổ chức, kỷ luật, tư thế, tác phong nhanh nhẹn, dứt khoát, khẩn trương theo tác phong của người quân nhân.

- Giúp cho học sinh hiểu và thực hiện thanh thạo các động tác, các đội hình cơ bản của đội ngũ từng người không có súng.

- Làm cở sở vận động trong các hoạt động của nhà trường.

**B. YÊU CẦU**

**-** Nắm vững kỹ thuật động tác.

- Học đến đâu vận dụng thực hành đến đó.

- Tập luyện nghiêm túc, hàng ngũ chỉnh tề và có trật tự.

**II. NỘI DUNG VÀ TRỌNG TÂM**

**A. NỘI DUNG:** Đội ngũ từng người không có súng

- Vấn đề huấn luyện 1: Động tác nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ.

- Vấn đề huấn luyện 2: Tiến, lùi, qua phải, qua trái, ngồi xuống, đứng dậy.

- Vấn đề huấn luyện 3: Đi đều, đúng lại, đổi chân, giậm chận.

**B. TRỌNG TÂM**

Động tác nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ.

**III. THỜI GIAN**

Tổng số: 4 tiết

- Lên lớp lý thuyết: 1 tiết

- Giới thiệu động tác và đội mẫu.

- Ôn luyện: 2 tiết

- Hội thao, kiểm tra đánh giá: 1 tiết

**IV. TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP**

**A. TỔ CHỨC**

- Lấy lớp học làm đơn vị để giảng dạy.

**-** Lấy tổ, tiểu đội để ôn luyện

**B. PHƯƠNG PHÁP**

1. Giáo viên:

- Dùng phương pháp diễn giải và phương pháp trực quan sinh động để lên lớp. Diễn giải tới đâu thì phân tích và làm động tác tới đó.

- Tiến hành làm mẫu động tác theo 3 bước:

+ Làm nhanh – giúp cho học sinh nắm được khái quát động tác.

+ Làm chậm có phân tích (vừa nói và thực hiện động tác).

+ Làm tổng hợp để hoàn chỉnh động tác.

2. Học sinh:

- Nghe, nhìn động tác mẫu của giáo viên.

- Tập từng cử động của động tác.

- Hoàn thiện động tác đã tập.

- Thường xuyên tự rèn luyện và nang cao các kỹ năng kỹ xảo của động tác.

3. Kiểm tra, đánh giá:

- Sau ôn luyện kiểm tra, đánh giá từng người của từng nội dung.

- Gọi vài học sinh làm tốt và không tốt lên thực hiện động tác để phân tích và sửa sai cho những học sinh còn yếu để các em tự luyện tập thêm.

**V. ĐỊA ĐIỂM**

Sân trường THCS - THPT NAM VIỆT

**VI. VẬT CHẤT**

**A. GIÁO VIÊN:** Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, bài giảng.

**B. HỌC SINH:** Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, vở, viết.

**Phần II**

**THỰC HÀNH BÀI GIẢNG**

**I. THỦ TỤC BÀI GIẢNG**: 5 phút

1. Nhận lớp

- Ổn định lớp

- Kiểm tra trang phục.

- Điểm danh nắm sỉ số lớp.

- Chào báo cáo cấp trên (nếu có).

2. Phổ biến các quy định:

- Học tập nghiêm túc, không làm chuyện riêng trong giờ học.

- Tích cực phát biểu, xây dựng bài.

- Ghi chép bài vở đầy đủ.

3. Phổ biến ý định bài giảng: Tìm hiểu về bài “ĐỘI NGŨ TỪNG NGƯỜI KHÔNG CÓ SÚNG”

**II. TRÌNH TỰ GIẢNG BÀI:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ tự, nội dung | Thời gian | | | Địa điểm | Phương pháp | | | Vật chất |
| Tổng | Ngày | Đêm | Giáo viên | Học sinh | Phục vụ |
| MỞ ĐẦU | 10 phút |  |  |  | - Nhận lớp: nắm sỉ số.  - Kiểm tra tác phong.  - Phổ biến các quy định.  - Phổ biến bài giảng. | - Ổn định trật tự.  - Nghe, nhìn.  - Nếu câu hỏi thắc mắc. |  | Bài giảng. |
| I. VẤN ĐỀ HUẤN LUYỆN 1: ĐỘNG TÁC NGHIÊM, NGHỈ, QUAY TẠI CHỖ VÀ CHÀO.  1. Động tác nghiêm.  2. Động tác nghỉ.  3. Động tác quay tại chỗ.  4. Động tác chào. | 40 phút |  |  |  | - Nêu tên VĐHL 1  - Giảng trường hợp vận dụng.  - Hướng dẫn động tác (làm mẫu theo 3 bước).  - Luyện tập.  - Nhận xét, đánh giá. | - Nghe, theo dõi, nắm chắc phương pháp và trình tự VĐHL 1.  - Tư duy và nêu câu hỏi. |  | Bài giảng. |
| II. VẤN ĐỀ HUẤN LUYỆN 2: TIẾN, LÙI, QUA PHẢI, QUA TRÁI, NGỒI XUỐNG, ĐỨNG DẬY.  1. Tiến, lùi, qua phải, qua trái.  2. Ngồi xuống, đứng dậy. | 40 phút |  |  |  | - Nêu tên VĐHL 2  - Giảng trường hợp vận dụng.  - Hướng dẫn động tác (làm mẫu theo 3 bước).  - Luyện tập.  - Nhận xét, đánh giá. | - Nghe, theo dõi, nắm chắc phương pháp và trình tự VĐHL 2.  - Tư duy và nêu câu hỏi. |  | Bài giảng. |
| III. VẤN ĐỀ HUẤN LUYỆN 3: ĐI ĐỀU, ĐỨNG LẠI, ĐỔI CHÂN, GIẬM CHÂM.  1. Đi đều, đứng lại, đổi chân trong khi đi.  2. Giậm chân, đổi chân, đang giậm chân đứng lại và đi đều. | 40 phút |  |  |  | - Nêu tên VĐHL 2  - Giảng trường hợp vận dụng.  - Hướng dẫn động tác (làm mẫu theo 3 bước).  - Luyện tập.  - Nhận xét, đánh giá. | - Nghe, theo dõi, nắm chắc phương pháp và trình tự VĐHL 2.  - Tư duy và nêu câu hỏi. |  | Bài giảng. |
| KẾT LUẬN | 40 phút |  |  |  | - Tập trung lớp.  - Hệ thống toàn bài.  - Hội thao.  - Nêu ưu điểm và khuyết điểm của quá trình học.  - Biểu dương học sinh tốt, động viên học sinh yếu. | - Nghe, quan sát.  - Đánh giá và tự đánh giá bằng phương pháp thảo luận và thực hành động tác. |  | Bài giảng. |

**III. KẾT THÚC BÀI GIẢNG**

- Hệ thống, tóm tắt nội dung chính của bài giảng.

- Giải đáp thắc mắc.

- Giới thiệu tài liệu tham khảo.

- Hướng dẫn nghiên cứu ôn tập.

- Nhận xét lớp học.

- Xuống lớp.

*Ngày…...tháng……năm…….* *Ngày ....tháng .... năm 2019*

**NGƯỜI THÔNG QUA** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TỔ TRƯỞNG GIÁO VIÊN**

**MỞ ĐẦU**

Điều lệnh đội ngũ là văn bản pháp quy thuộc hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước do Bộ trưởng Bộ quốc phòng ký quyết định ban hành. Điều lệnh đội ngũ quy định động tác đội ngũ từng người, đội ngũ đơn vị từ cấp tiểu đội đến cấp trung đoàn của Quân đội nhân dân Việt Nam. Đồng thời quy định trách nhiệm của người chỉ huy và quân nhân trong hàng ngũ. Chấp hành điều lệnh có tác dụng rèn luyện cho mọi người ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong khẩn trương, tinh thần sẵn sàng chấp hành mệnh lệnh được giao. Phạm vi bài này chỉ đề cập đến đội ngũ tiểu đội, trung đội không có súng.

Căn cứ biên soạn:

- Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10 của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sản xuất năm 2016.

- Sách giáo viên Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10 của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sản xuất năm 2016.

**Bài 4**

**ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ**

**I. ĐỘI NGŨ TIỂU ĐỘI**

**1. Đội hình tiểu đội hàng ngang**

***a) Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang***

- Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang thường vận dụng trong học tập, sinh hoạt, hạ mệnh lệnh, kiểm tra quân số, khám súng, giá súng…

- Thứ tự các bước chỉ huy đội hình tiểu đội 1 hàng ngang như sau: Tập hợp; Điểm số; Chỉnh đốn hàng ngũ; Giải tán.

- Bước 1: Tập hợp

+ Khẩu lệnh: ***“Tiểu đội X thành 1 hàng ngang-TẬP HỢP”.*** Khẩu lệnh có dự lệnh và động lệnh. ***“Tiểu đội X thành 1 hàng ngang-TẬP HỢP”*** là dự lệnh, ***“TẬP HỢP”*** là động lệnh

+ Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ:

• Tiểu đội trưởng: Xác định vị trí tập hợp, hướng tập hợp sau đó quay về phía các chiến sĩ, đứng nghiêm hô khẩu lệnh ***“Tiểu đội X”.***

• Chiến sĩ: Nghe khẩu lệnh ***“Tiểu đội X”,*** toàn tiểu đội quay về phía tiểu đội trưởng, đứng nghiêm chờ lệnh sẵn sàng nhận lệnh.

• Tiểu đội trưởng: Khi thấy toàn tiểu đội đã đứng nghiêm, tiểu đội trưởng hô tiếp: ***“Thành 1 hàng ngang-TẬP HỢP”,*** rồi quay về phía hướng định tập hợp, đứng nghiêm làm chuẩn cho các chiến sĩ vào tập hợp.

• Chiến sĩ: Nghe dứt động lệnh ***“TẬP HỢP”,*** các chiến sĩ im lặng, nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp đứng bên trái tiểu đội trưởng thành 1 hàng ngang, đứng đúng gián cách 70cm (tính từ giữa hai gót chân của hai người đứng cạnh nhau) hoặc cách nhau 20cm (tính từ khoảng cách hai cánh tay của hai người đứng cạnh nhau), tự động gióng hàng, xong đứng nghỉ.

• Khi tập hợp 2 hàng ngang, số lẻ đứng hàng trên, số chẵn đứng hàng dưới, cự li giữa hàng trên và hàng dưới là 1m (tính từ gót chân của 2 người đứng trước và đứng sau).

3 🡪 5 bước

aT

aT aAAAAaT

Hình: Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang

• Tiểu đội trưởng: Thấy đã có từ 2-3 chiến sĩ đứng vào vị trí bên trái mình, tiểu đội trưởng quay nửa bên trái, đi đều lên phía trước chính giữa đội hình, cách đội hình từ 3-5 bước dừng lại, quay vào đội hình đôn đốc tập hợp.

- Bước 2: Điểm số

+ Khẩu lệnh: **“ĐIỂM SỐ”.** Khẩu lệnh chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

+ Động tác của tiểu đội trường và các chiến sĩ:

• Tiểu đội trưởng: Thấy các chiến sĩ đã đứng vào vị trí tập hợp, tại vị trí chỉ huy, tiểu đội trưởng hô khẩu lệnh ***“ĐIỂM SỐ”***.

• Chiến sĩ: Nghe khẩu lệnh “ĐIỂM SỐ”, từng chiến sĩ theo thứ tự từ bên phải sang bên trái về tư thế nghiêm, hô rõ số của mình, đồng thời quay mặt sang bên trái 450, điểm số xong quay trở lại. Lần lượt điểm số từ 1 cho đến hết tiểu đội. Người đứng cuối cùng của hàng, khi điểm số không quay mặt, điểm số xong, hô “Hết”.

- Bước 3: Chỉnh đốn hàng ngũ

+ Khẩu lệnh: **“Nhìn bên phải (trái)-THẲNG**”. Khẩu lệnh có dự lệnh vầ động lệnh. “Nhìn bên phải (trái)” là dự lệnh, “THẲNG” là động lệnh.

+ Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ:

• Tiểu đội trưởng: Trước khi chỉnh đốn hàng ngũ, tiểu đội trưởng hô cho các chiến sĩ trong hàng đứng nghiêm.

Khi thấy các chiến sĩ đã đứng nghiêm sẵn sàng nhận lệnh, tiểu đội trưởng hô tiếp **“Nhìn bên phải (trái) )-THẲNG”.**

**•** Các chiến sĩ: Nghe dứt động lệnh “THẲNG”, chiến sĩ làm chuẩn (người đứng đầu hàng bên phải hoặc bên trái đội hình) vẫn nhìn thẳng, các chiến sĩ còn lại quay mặt hết cỡ sang bên phải (trái), xê dịch lên (xuống) để gióng hàng và điều chỉnh gián cách. Muốn gióng hàng ngang thẳng, từng người phải nhìn được nắp túi áo ngực bên trái (phải) của chiến sĩ đứng thứ tự về bên phải (trái) mình (chiến sĩ nữ thì phải nhìn thấy ve cổ áo).

• Tiểu đội trưởng: Quá trình các chiến sĩ gióng hàng, tiểu đội trưởng quan sát, đôn đốc để các chiến sĩ tập trung gióng hàng và điều chỉnh gián cách. Chiến sĩ gióng hàng xong, tiểu đội trưởng hô ***“THÔI”.***

• Các chiến sĩ: Nghe dứt động lệnh “THÔI”, các chiến sĩ quay mặt trở lại hướng cũ, mắt nhìn thẳng, đứng nghiêm, không xê dịch vị trí đứng.

• Tiểu đội trưởng: Quay nửa bên trái (phải), đi đều về phía người làm chuẩn, đến ngang và cách người làm chuẩn 2-3 bước dùng lại, quay vào đội hình để kiểm tra hàng ngang. Khi kiểm tra thấy gót chân và ngực của các chiến sĩ cùng nằm trên một đường thẳng ngang là được. Nếu chiến sĩ nào đứng chưa thẳng hàng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh “Đồng chí (số)…LÊN (XUỐNG)”. Cũng có thể cùng một lúc, tiểu đội trưởng sửa 3-4 chiến sĩ theo thứ tự chiến sĩ gần trước.

• Chiến sĩ: Nghe tiểu đội trưởng gọi tên mình phải quay mặt về phía tiểu đội trưởng và làm theo lệnh của tiểu đội trưởng, tiến (lùi). Khi tiến (lùi) phải kết hợp gióng hàng cho thẳng.

• Tiểu đội trưởng: Khi thấy các chiến sĩ đã đứng thẳng hàng thì hô “ĐƯỢC”.

• Chiến sĩ: Nghe dứt động lệnh “ĐƯỢC”, quay mặt trở lại hướng cũ, mặt nhìn thẳng.

• Tiểu đội trưởng: Quay nửa bên phải (trái), đi đều về vị trí chỉ huy.

- Bước 4: Giải tán

+ Khẩu lệnh: **“GIẢI TÁN”.** Khẩu lệnh chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh, các chiến sĩ trong hàng nhanh chóng tản ra. Nếu đang đứng ở tư thế nghỉ phải trở về tư thế nghiêm rồi mới tản ra.

***b) Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang.***

Ý nghĩa, các bước chỉ huy đội hình của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ cơ bản như đội hình 1 hàng ngang, chỉ khác: Tập hợp đội hình 2 hàng ngang theo 3 bước (không có điểm số), cụ thể như sau:

- Bước 1: Tập hợp

+ Khẩu lệnh: ***“Tiểu đội X thành 2 hàng ngang-TẬP HỢP”.***

+ Nghe dứt động lệnh ***“TẬP HỢP”,*** các chiến sĩ im lặng, nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp đứng bên trái tiểu đội trưởng thành 2 hàng ngang, các số lẻ (1; 3; 5; 7) đứng hàng trên, các số chẵn (2; 4; 6; 8) đứng hàng dưới. Cự li giữa hàng trên và hàng dưới là 1m.

3🡪5 bước

**aT**

**aT**

Hình: Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang

- Bước 2: Chỉnh đốn hàng ngũ

+ Chiến sĩ: Khi gióng hàng, các chiến sĩ đứng hàng thứ hai vừa gióng hàng ngang, vừa dùng ánh mắt gióng hàng dọc để đứng đúng cự li và gián cách.

+ Tiểu đội trưởng: Khi kiểm tra chỉnh đốn hàng ngũ, tiểu đội trưởng kiểm tra chỉnh đốn hàng trên trước.

- Bước 3: Giải tán

Như đội hình tiểu đội 1 hàng ngang.

**2. Đội hình tiểu đội hàng dọc.**

***a) Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc***

- Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc thường vận dụng trong hành quân, trong đội hình tập hợp của trung đội, đại đội khi tập trong học tập, sinh hoạt.

- Thứ tự các bước chỉ huy đội hình tiểu đội hàng dọc như sau: Tập hợp; Điểm số; Chỉnh đốn hàng ngũ; Giải tán.

- Bước 1: Tập hợp

+ Khẩu lệnh**: “Tiểu đội X thành 1 hàng dọc-TẬP HỢP”.** Khẩu lệnh có dự lệnh và động lệnh. “Tiểu đội X thành 1 hàng dọc” là dự lệnh, “TẬP HỢP” là động lệnh.

+ Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ:

• Tiểu đội trưởng: Xác định vị trí tập hợp, hướng tập hợp, sau đó quay về phía các chiến sĩ, đứng nghiêm hô khẩu lệnh “Tiểu đội X”.

• Chiến sĩ: Nghe khẩu lệnh “Tiểu đội X”, toàn tiểu đội quay về phía tiểu đội trưởng, đứng nghiêm sẵn sàng chờ lệnh.

• Tiểu đội trưởng: Khi thấy toàn tiểu đội đã đứng nghiêm, tiểu đội trưởng hô tiếp: “Thành 1 hàng dọc-TẬP HỢP”, rồi quay về phía hướng định tập hợp, đứng nghiêm làm chuẩn cho các chiến sĩ vào tập hợp.

• Chiến sĩ: Nghe dứt động lệnh “TẬP HỢP”, các chiến sĩ im lặng, nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp, đứng sau tiểu đội trưởng thành 1 hàng dọc, đứng đúng cự li quy định (cự li giữa người đứng trước và người đứng sau là 1m, tính từ gót chân), tự động gióng hàng, xong đứng nghỉ.

• Tiểu đội trưởng: Khi thấy đã có 2-3 chiến sĩ đứng vào vị trí tập hợp đằng sau mình, tiểu đội trưởng quay nửa bên trái, đi đều lên phía trước chếch về bên trái đội hình, cách đội hình từ 3-5 bước dừng lại, quay vào đội hình đôn đốc các chiến sĩ tập hợp.

- Bước 2: Điểm số

+ Khẩu lệnh: **“ĐIỂM SỐ”.** Khẩu lệnh chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

+ Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ:

• Tiểu đội trưởng: Khi thấy các chiến sĩ đã đứng vào vị trí tập hợp, tại vị trí chỉ huy, tiểu đội trưởng hô **“ĐIỂM SỐ”.**

• Chiến sĩ: Nghe dứt khẩu lệnh “ĐIỂM SỐ”, từng chiến sĩ theo thứ tự từ trên xuống dưới về tư thế đứng nghiêm, hô rõ số của mình, đồng thời quay mặt hết cỡ sang bên trái, điểm số xong quay mặt trở lại. Lần lượt điểm số từ 1 cho đến hết tiểu đội. Người đứng cuối cùng của hàng, khi điểm số không quay mặt, điểm số xong, hô “Hết”.

- Bước 3: Chỉnh đốn hàng ngũ

+ Khẩu lệnh: **“Nhìn trước-THẲNG”.** Khẩu lệnh có dự lệnh và động lệnh. “Nhìn trước” là dự lệnh, “THẲNG” là động lệnh.

+ Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ:

• Tiểu đội trưởng: Trước khi chỉnh đốn hàng ngũ, tiểu đội trưởng hô cho các chiến sĩ trong hàng đứng nghiêm. Khi thấy các chiến sĩ đã đứng nghiêm tiểu đội trưởng hô tiếp **“Nhìn trước-THẲNG”.**

• Chiến sĩ: Nghe dứt động lệnh “THẲNG”, trừ chiến sĩ số 1 làm chuẩn, các chiến sĩ còn lại gióng hàng dọc, nhìn thẳng giữa gáy người đứng trước mình (không thấy gáy người thứ hai đứng trước mình). Xê dịch qua trái (phải) để gióng hàng dọc cho thẳng, xê dịch lên (xuống) để điều chỉnh cự li.

• Tiểu đội trưởng: Quá trình các chiến sĩ gióng hàng, tiểu đội trưởng quan sát, đôn đốc để các chiến sĩ tập trung gióng hàng và điều chỉnh cự li. Chiến sĩ gióng hàng xong, hô “THÔI”.

• Chiến sĩ: Nghe dứt động lệnh “THÔI”, các chiến sĩ trong hàng mắt vẫn nhìn thẳng, đứng nghiêm, không xê dịch vị trí đứng.

• Tiểu đội trưởng: Quay nửa bên trái, đi đều về đầu đội hình, cách người đứng đầu 2-3 bước thì dùng lại, quay vào đội hình để kiểm tra hàng dọc. Hàng dọc thẳng khi cạnh mũ, cạnh vai của các chiến sĩ nằm trên một đường thẳng. Nếu chiến sĩ nào đứng chưa thẳng hàng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh *“Đồng chí (số)…QUA PHẢI (TRÁI)”.* Tiểu đội trưởng có thể cùng một lúc sửa cho 3-4 chiến sĩ, lần lượt từ trên xuống dưới.

• Chiến sĩ: Nghe tiểu đội trưởng gọi tên mình phải tập trung sự chú ý và làm theo khẩu lệnh của tiểu đội trưởng, qua phải (trái). Khi qua phải (trái) phải kết hợp nhìn thẳng về phía trước để gióng hàng.

• Tiểu đội trưởng: Khi thấy các chiến sĩ đã đnứg thẳng hàng, tiểu đội trưởng hô “ĐƯỢC”, sau đó đi đều về vị trí chỉ huy.

- Bước 4: Giải tán

Như ở đội hình tiểu đội hàng ngang.

***b) Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc***

Ý nghĩa, các bước chỉ huy đội hình của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ cơ bản như đội hình 1 hàng dọc, chỉ khác: Tập hợp đội hình 2 hàng dọc theo 3 bước (không có điểm số), cụ thể như sau:

- Bước 1: Tập hợp

+ Khẩu lệnh: ***“Tiểu đội X thành 2 hàng dọc-TẬP HỢP”.***

+ Nghe dứt động lệnh ***“TẬP HỢP”,*** các chiến sĩ im lặng, nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp, đứng sau tiểu đội trưởng thành 2 hàng dọc, các số lẻ (1; 3; 5; 7) đứng hàng dọc bên phải, các số chẵn (2; 4; 6; 8) đứng hàng dọc bên trái, gián cách giữa hai hàng là 70cm.

- Bước 2: Chỉnh đốn hàng ngũ

+ Chiến sĩ: Khi gióng hàng, các chiến sĩ nhìn thẳng về phái trước để gióng hàng dọc, các chiến sĩ đứng hàng bên trái (các số chẵn) vừa gióng hàng dọc vừa dùng ánh mắt gióng hàng ngang để đứng đúng cự li và gián cách.

+ Tiểu đội trưởng: Khi kiểm tra gióng hàng ngang, tiểu đội trưởng kiểm tra chỉnh đốn hàng trên bên phải trước.

- Bước 3: Giải tán

Như đội hình tiểu đội 1 hàng ngang.

❖ ***Những điểm cần chú ý:***

- Đối với động tác của tiểu đội trưởng:

+ Khi hô khẩu lệnh, dự lệnh phải hô rõ; động lệnh phải hô dứt khoát.

+ Khi kiểm tra gióng hàng, không nghiêng đầu để nhìn, thực hiện động tác qua phải (trái) để kiểm tra.

- Đối với động tác của chiến sĩ:

+ Tập trung sự chú ý để thực hiện mệnh lệnh của tiểu đội trưởng.

+ Khi tập hợp đội hình phải thực hiện đúng động tác đội ngũ từng người, tác phong nhanh nhẹn, dứt khoát.

**3. Tiến, lùi, qua phải, qua trái**

Động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái vận dụng để di chuyển đội hình (không quá 5 bước) được nhanh chóng, bảo đảm tính thốn nhát mà vẫn giữ được trật tự đội hình.

***a) Động tác tiến, lùi***

- Khẩu lệnh: **“Tiến (lùi) X bước-BƯỚC ”.** Khẩu lệnh có dự lệnh và động lệnh, “Tiến (lùi) X bước” là dự lệnh, “BƯỚC” là động lệnh.

- Động tác: Nghe dứt động lệnh “BƯỚC”, toàn tiểu đội đồng loại tiến (lùi) X bước như động tác đội ngũ từng người, khi bước đủ số bước quy định thì dừng lại, dồn và gióng hàng, sau đó trở về tư thế đứng nghiêm.

***b) Động tác qua phải, qua trái***

- Khẩu lệnh: **“Qua phải (trái) X bước-BƯỚC ”.** Khẩu lệnh có dự lệnh và động lệnh, “Qua phải (trái) X bước” là dự lệnh, “BƯỚC” là động lệnh.

- Động tác : Nghe dứt động lệnh “BƯỚC”, toàn tiểu đội đồng loại qua phải (trái) X bước như động tác đội ngũ từng người, bước đủ số bước quy định thì dừng lại, dồn và gióng hàng, sau đó đứng nghiêm.

**4. Giãn đội hình, thu đội hình**

Giãn đội hình, thu đội hình được vận dụng trong học tập thể dục, thể thao, trong luyện tập Điều lệnh Đội ngũ…

Trước khi giãn đội hình phải điểm số. Nếu giãn sang bên trái thì điểm số từ phải sang trái, khẩu lệnh “ĐIỂM SỐ”. Nếu giãn đội hình sang bên phải thì điểm số từ trái sang phải, khẩu lệnh “TỪ TRÁI SANG PHẢI ĐIỂM SỐ ”. Khẩu lệnh chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

*a) Giãn đội hình hàng ngang*

- Khẩu lệnh: **“Gián cách X bước nhìn bên phải (trái)-THẲNG ”.**

- Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ:

+ Chiến sĩ: Nghe dứt khẩu lệnh “THẲNG”, chiến sĩ làm chuẩn đứng nghiêm, các chiến sĩ còn lại lấy số đã điểm của mình trừ đi 1 rồi nhân với số bước mà tiểu đội trưởng đã quy định để tính số bước mình phải di chuyển, đồng loạt quay bên trái (phải), đi đều về vị trí mới. Khi về vị trí mới, chiến sĩ cuối cùng hô “XONG”. Nghe dứt động lệnh “XONG”, các chiến sĩ đồng loạt quay về hướng cũ, quay mặt hết cỡ về bên phải (trái) để gióng hàng.

+ Tiểu đội trưởng: Khi các chiến sĩ đồng loạt quay bên trái (phải), đi đều về vị trí mới, tiểu đội trưởng quay bên phải (trái), đi đều về vị trí chỉ huy ở chính giữa phía trước đội hình đôn đốc gióng hàng. Khi các chiến sĩ đồng loạt quay về hướng cũ, đã ổn định đội hình, tiểu đội trưởng hô “THÔI”.

+ Chiến sĩ: Khi nghe dứt động lệnh “THÔI”, các chiến sĩ quay mặt trở lại, đứng nghiêm.

***b) Thu đội hình hàng ngang***

- Khẩu lệnh: **“Về vị trí, nhìn bên phải (trái)-THẲNG ”.**

- Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ:

+ Chiến sĩ: Nghe dứt khẩu lệnh “THẲNG”, chiến sĩ làm chuẩn đứng nghiêm, các chiến sĩ còn lại đồng loạt quay bên trái (phải), đi đều về vị trí cũ. Khi chiến sĩ cuối cùng về đến vị trí thì hô “XONG”.

Dứt động lệnh “XONG”, các chiến sĩ đồng loạt quay về hướng cũ, quay mặt hết cỡ về bên phải (trái) để gióng hàng.

+ Tiểu đội trưởng: Khi các chiến sĩ đồng loạt quay bên trái (phải), đi đều về vị trí cũ, tiểu đội trưởng quay bên phải (trái), đi đều về vị trí chỉ huy ở chính giữa phía trước đội hình đôn đốc gióng hàng. Khi các chiến sĩ đồng loạt quay về hướng cũ, đã ổn định đội hình, tiểu đội trưởng hô “THÔI”.

+ Chiến sĩ: Khi nghe dứt động kệnh “THÔI”, các chiến sĩ quay mặt trở lại, đứng nghiêm.

***c) Giãn đội hình hàng dọc***

- Khẩu lệnh: **“Cự li X bước, nhìn trước-THẲNG ”.**

- Động tác: Nghe dứt khẩu lệnh “THẲNG”, chiến sĩ làm chuẩn đứng nghiêm, các chiến sĩ còn lại lấy số đã điểm của mình trừ đi 1 rồi nhân với số bước mà tiểu đội trưởng đã quy định để tính số bước mình phải di chuyển. Đồng loạt quay đằng sau, đi đều về vị trí mới. Khi đến vị trí mới, chiến sĩ cuối cùng hô “XONG”. Dứt động lệnh “XONG”, các chiến sĩ đồng loạt quay về hướng cũ, quay mặt hết cỡ về bên phải (trái) để gióng hàng. Tiểu đội trưởng hô “THÔI”, dứt động lệnh toàn tiểu đội đứng nghiêm.

***d) Thu đội hình hàng dọc***

- Khẩu lệnh: **“Về vị trí, nhìn trước-THẲNG ”.**

- Động tác: Nghe dứt khẩu lệnh “THẲNG”, chiến sĩ làm chuẩn đứng nghiêm, các chiến sĩ còn lại đi đều về vị trí cũ, nhìn thẳng về phái trước gióng hàng. Khi thấy các chiến sĩ đã đi đều về vị trí cũ, đã gióng hàng thẳng, tiểu đội trưởng hô “THÔI”.

**5. Ra khỏi hàng về vị trí**

Ra khỏi hàng, về vị trí để rời khỏi đội hình được nhanh chóng mà vẫn đảm bảo được trật tự đội hình, đội ngũ.

- Khẩu lệnh: **“Đồng chí (số)….RA KHỎI HÀNG”; “VỀ VỊ TRÍ”.**

- Động tác: Chiến sĩ được gọi tên (số) cảu mình đứng nghiêm trả lời “CÓ”. Nghe lệnh “RA KHỎI HÀNG”, hô “RÕ” rồi đi đều hoặc chạy đều đến trước tiểu đội trưởng, cách tiểu đội trưởng 2-3 bước thì dừng lại, chào báo cáo “TÔI CÓ MẶT”. Nhận lệnh xong, trả lời “RÕ”.

Khi đứng trong đội hình hàng dọc, chiến sĩ qua phải (trái) một bước rồi mới đi đều, hoặc chạy đều đến gặp tiểu đội trưởng. Nếu đứng hàng thứ hai trong dội hình hàng ngang, chiến sĩ phải quay đằng sau rồi vòng bên phải (trái), đi đều hoặc chạy đều đến gặp tiểu đội trưởng.

Khi nhận lệnh “VỀ VỊ TRÍ”, chiến sĩ làm động tác chào tiểu đội trưởng trước khi về vị trí.

**II. ĐỘI NGŨ TRUNG ĐỘI**

**1. Đội hình trung đội hàng ngang**

***a) Đội hình trung đội 1 hàng ngang***

- Đội hình trung đội 1 hàng ngang thường dùng trong học tập, sinh hoạt, hạ mệnh lệnh, kiểm tra quân số, khám súng, giá súng.

- Thứ tự các bước chỉ huy đội hình trung đội 1 hàng ngang gồm: Tập hợp; Điểm số; Chỉnh đốn hàng ngũ; Giải tán.

- Bước 1: Tập hợp

+ Khẩu lệnh: **“Trung đội X thành 1 hàng ngang-TẬP HỢP”.** Khẩu lệnh có dự lệnh và động lệnh. ***“Trung đội X thành 1 hàng ngang-TẬP HỢP”*** là dự lệnh, ***“TẬP HỢP”*** là động lệnh.

+ Động tác của trung đội trưởng và cán bộ, chiến sĩ:

• Trung đội trưởng: Xác định vị trí tập hợp, hướng tập hợp sau đó quay về phía các chiến sĩ, đứng nghiêm hô khẩu lệnh ***“Trung đội X”.***

• Cán bộ, chiến sĩ: Nghe khẩu lệnh ***“Trung đội X”,*** cán bộ, chiến sĩ trong trung đội quay về phía trung đội trưởng, đứng nghiêm chờ lệnh.

• Trung đội trưởng: Khi thấy toàn trung đội đã đứng nghiêm, trung đội trưởng hô tiếp: ***“Thành 1 hàng ngang-TẬP HỢP”,*** rồi quay về phía hướng định tập hợp, đứng nghiêm làm chuẩn để cán bộ, chiến sĩ vào tập hợp.

• Cán bộ, chiến sĩ: Nghe dứt động lệnh ***“TẬP HỢP”,*** toàn trung đội im lặng, nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp. Phó trung đội trưởng đứng sau trung đội trưởng; đứng bên trái trung đội trưởng theo thứ tự là tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3 (mỗi tiểu đội thành 1 hàng ngang). Đứng đúng gián cách quy định, tự động gióng hàng, xong đứng nghỉ.

• Trung đội trưởng: Khi thấy phó trung đội trưởng và tiểu đội 1 đã đứng vào vị trí tập hợp, trung đội trưởng quay nửa bên trái, chạy đều lên phía trước, chính giữa đội hình, cách đội hình 5-8 bước thì dừng lại, quay vào đội hình đôn đốc tập hợp, phó trung đội trưởng bước lên 1 bước, ngang với tiểu đội 1.

- Bước 2: Điểm số

+ Khẩu lệnh: **“ĐIỂM SỐ”** hoặc **“TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ”.** Khẩu lệnh chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

+ Động tác của tiểu đội trường và các chiến sĩ:

• Tiểu đội trưởng: Khi toàn trung đội đã đứng vào vị trí tập hợp, trung đội trưởng hô khẩu lệnh ***“ĐIỂM SỐ”*** hoặc ***“TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ”.***

Khẩu lệnh ***“ĐIỂM SỐ”***(để nắm quân số của toàn trung đội).

• Cán bộ, chiến sĩ: Nghe dứt khẩu lệnh “ĐIỂM SỐ”, cán bộ, chiến sĩ trong trung đội, thứ tự từ phó trung đội trưởng, tiểu đội 1, tiểu đội 2 đến tiểu đội 3 về tư thế nghiêm, hô rõ số của mình, đồng thời quay mặt sang bên trái 450, khi điểm số xong quay mặt trở lại. Lần lượt điểm số từ chiến sĩ số 1 cho đến hết trung đội (các tiểu đội trưởng cũng điểm số). Người đúng cuối cùng của tiểu đội 3, khi điểm số không quay mặt, điểm số xong, hô “HẾT”.

Khẩu lệnh ***“TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ”*** (để vận dụng khi đổi hình, đổi hướng đội hình)***.***

**•** Cán bộ, chiến sĩ: Nghe dứt khẩu lệnh ***“TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ”,*** các tiểu đội lần lượt điểm số theo đội hình của tiểu đội, thứ tự từ tiểu đội 1, tiểu đội 2, đến tiểu đội 3, các tiểu đội trưởng không đếm số. Các chiến sĩ đứng cuối cùng của từng tiểu đội điểm số xong, hô “HẾT” và không quay mặt.

- Bước 3: Chỉnh đốn hàng ngũ

+ Khẩu lệnh: **“Nhìn bên phải (trái)-THẲNG”.** Khẩu lệnh có dự lệnh vầ động lệnh. ***“Nhìn bên phải (trái)”*** là dự lệnh, ***“THẲNG”*** là động lệnh.

+ Động tác của trung đội trưởng và cán bộ, chiến sĩ:

• Trung đội trưởng: Trước khi chỉnh đốn hàng ngũ, trung đội trưởng hô cho cán bộ, chiến sĩ trong hàng đứng nghiêm. Khi thấy cán bộ, chiến sĩ đã đứng nghiêm, trung đội trưởng hô tiếp **“Nhìn bên phải (trái) )-THẲNG”.**

**•** Cán bộ, chiến sĩ: Nghe dứt động lệnh “THẲNG”, chiến sĩ làm chuẩn (người đứng đầu hàng bên phải hoặc bên trái đội hình) vẫn nhìn thẳng, các chiến sĩ còn lại quay mặt hết cỡ sang bên phải (trái), xê dịch lên (xuống) để gióng hàng và điều chỉnh gián cách. Muốn gióng hàng ngang thẳng, từng người phải nhìn được nắp túi áo ngực bên trái (phải) của chiến sĩ đứng thứ tư về bên phải (trái) mình (chiến sĩ nữ thì phải nhìn thấy ve cổ áo).

• Trung đội trưởng: Trong quá trình các chiến sĩ gióng hàng, tiểu đội trưởng quan sát, đôn đốc để các chiến sĩ tập trung gióng hàng và điều chỉnh gián cách. Chiến sĩ gióng hàng xong, tiểu đội trưởng hô ***“THÔI”.***

• Cán bộ, chiến sĩ: Nghe dứt động lệnh “THÔI”, các chiến sĩ quay mặt trở lại hướng cũ, mắt nhìn thẳng, đứng nghiêm, không xê dịch vị trí đứng.

• Trung đội trưởng: Quay nửa bên trái (phải), đi đều về phía người làm chuẩn, đến ngang và cách người làm chuẩn 2-3 bước dùng lại, quay vào đội hình để kiểm tra hàng ngang. Khi kiểm tra thấy gót chân và ngực của các chiến sĩ cùng nằm trên một đường thẳng ngang là được. Nếu chiến sĩ nào đứng chưa thẳng hàng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh “Đồng chí (số)…LÊN (XUỐNG)”. Trung đội trưởng có thể cùng một lúc sửa cho 3-4 chiến sĩ; sửa cho chiến sĩ từ tiểu đội 1 đến tiểu đội 3.

• Cán bộ, chiến sĩ: Nghe trung đội trưởng gọi tên mình cán bộ, chiến sĩ quay mặt về phía trung đội trưởng và làm theo lệnh của tiểu đội trưởng, tiến (lùi). Khi tiến (lùi) phải kết hợp gióng hàng cho thẳng.

• Trung đội trưởng: Khi thấy trung đội đã các thẳng hàng, trung đội trưởng hô “ĐƯỢC”.

• Cán bộ, chiến sĩ: Nghe dứt động lệnh “ĐƯỢC”, cán bộ, chiến sĩ quay mặt trở lại, mặt nhìn thẳng.

• Trung đội trưởng: Quay nửa bên phải (trái), chạy đều về vị trí chỉ huy.

- Bước 4: Giải tán

+ Khẩu lệnh: **“GIẢI TÁN”.** Khẩu lệnh chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

+ Động tác: Nghe dứt động lệnh, cán bộ chiến sĩ trong hàng nhanh chóng tản ra.

***b) Đội hình trung đội 2 hàng ngang.***

Ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình của trung đội trưởng và cán bộ, chiến sĩ cơ bản như đội hình 2 hàng ngang, chỉ khác:

- Bước 1: Tập hợp

+ Khẩu lệnh: ***“Trung đội X thành 2 hàng ngang-TẬP HỢP”.***

+ Nghe dứt động lệnh ***“TẬP HỢP”,*** cán bộ, chiến sĩ nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp, đứng sau lưng trung đội trưởng là phó trung đội trưởng, bên trái trung đội trưởng theo thứ tự là tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3, mỗi tiểu đội thành 2 hàng ngang, trung đội thành 2 hàng ngang, các số lẻ đứng hàng trên, các số chẵn đứng hàng dưới.

- Bước 2: Chỉnh đốn hàng ngũ

Khi gióng hàng, các chiến sĩ đứng hàng thứ hai vừa gióng hàng ngang, vừa dùng ánh mắt gióng hàng dọc để đứng đúng cự li và gián cách.

- Bước 3: Giải tán

Như đội hình tiểu đội 1 hàng ngang.

***c) Đội hình trung đội 3 hàng ngang***

Ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình của trung đội trưởng và cán bộ, chiến sĩ cơ bản như đội hình 2 hàng ngang, chỉ khác:

- Bước 1: Tập hợp đội hình

+ Khẩu lệnh: ***“Trung đội X thành 3 hàng ngang-TẬP HỢP”.***

+ Khi nghe dứt động lệnh ***“TẬP HỢP”,*** cán bộ, chiến sĩ nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp, đứng sau lưng trung đội trưởng là phó trung đội trưởng, bên trái trung đội trưởng theo thứ tự từ trên xuống dưới là tiểu đội 1, tiểu đội 2, tiểu đội 3, mỗi tiểu đội thành 1 hàng ngang, trung đội thành 3 hàng ngang.

**5 🡪 8 bước**

**aBB1**

**aBB2**

**aBB3**

**aT**

**aT**

**aT**

Hình: Đội hình trung đội 3 hàng ngang

- Bước 2: Điểm số

+ Khẩu lệnh: **“ĐIỂM SỐ”.**

+ Nghe dứt khẩu lệnh “ĐIỂM SỐ”, chỉ có tiểu đội 1 điểm số (động tác điểm số như đội hình tiểu đội 1 hàng ngang, tiểu đội trưởng không điểm số). Tiểu đội 2, tiểu đội 3 không điểm số mà lấy số đã điểm của tiểu đội 1 để tính số hiện có của tiểu đội mình.

+ Nếu tiểu đội 2 và tiểu đội 3 thiếu hoặc thừa quân số so với quân số đã điểm của tiểu đội 1 thì người đứng cuối hàng của tiểu đội 2 và tiểu đội 3 phải báo cáo cho trung đội trưởng biết. Khi báo cáo phải đứng nghiêm, báo cáo xong, đứng nghỉ.

Ví dụ: Tiểu đội 1 có 7 chiến sĩ, tiểu đội 2 có 8 chiến sĩ và tiểu đội 3 có 6 chiến sĩ. Khi báo cáo, chiến sĩ đứng cuối cùng của tiểu đội 2 báo cáo “TIỂU ĐỘI 2 THỪA 1”, chiến sĩ cuối cùng của tiểu đội 3 bao cáo “TIỂU ĐỘI 3 THỪA 1”.

- Bước 3: Chỉnh đốn hàng ngũ

+ Cán bộ, chiến sĩ: Khi gióng hàng, cán bộ, chiến sĩ đứng hàng thứ hai và hầng thứ ba, vừa dùng ánh mắt gióng hàng dọc để đứng đúng cự li và gián cách quy định.

+ Trung đội trưởng: Khi kiểm tra gióng hàng, trung đội trưởng kiểm tra chỉnh đốn hàng trên trước, thứ từ từ tiểu đội 1 đến tiểu đội 3.

- Bước 4: Giải tán

Như đội hình tiểu đội 1 hàng ngang.

**2. Đội hình trung đội hàng dọc**

***a) Đội hình trung đội 1 hàng dọc***

- Đội hình trung đội 1 hàng dọc thường dùng hành quân để di chuyển đội hình được nhanh chóng, thuận tiện và thống nhất.

- Thứ tự các bước chỉ huy đội hình trung đội 1 hàng dọc gồm: Tập hợp; Điểm số; Chỉnh đốn hàng ngũ; Giải tán.

- Bước 1: Tập hợp

+ Khẩu lệnh: **“Trung đội X thành 1 hàng dọc-TẬP HỢP**”. Khẩu lệnh có dự lệnh và động lệnh. ***“Trung đội X thành 1 hàng dọc-TẬP HỢP”*** là dự lệnh, ***“TẬP HỢP”*** là động lệnh.

+ Động tác của trung đội trưởng và cán bộ, chiến sĩ:

• Trung đội trưởng: Xác định vị trí tập hợp, hướng tập hợp, sau đó quay về phía các chiến sĩ, đứng nghiêm hô khẩu lệnh “Trung đội X”.

• Cán bộ, chiến sĩ: Nghe khẩu lệnh “Trung đội X”, toàn tiểu đội quay về phía tiểu đội trưởng, đứng nghiêm sẵn sàng chờ lệnh.

• Trung đội trưởng: Khi thấy toàn tiểu đội đã đứng nghiêm, tiểu đội trưởng hô tiếp: “Thành 1 hàng dọc-TẬP HỢP”, rồi quay về phía hướng định tập hợp, đứng nghiêm làm chuẩn cho các chiến sĩ vào tập hợp.

• Cán bộ, chiến sĩ: Nghe dứt động lệnh “TẬP HỢP”, cán bộ, chiến sĩ im lặng, nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp đứng sau trung đội trưởng thành, cách trung đội trưởng 1m thàng đội hình 1 hàng dọc theo thứ tự là phó trung đội trưởng, tiểu đội 1, tiểu đội 2 đến tiểu đội 3 (mỗi tiểu đội thành 1 hàng dọc), đứng đúng cự li quy định (cự li giữa người đứng trước và người đứng sau là 1m, tính từ gót chân),

• Tiểu đội trưởng: Khi thấy tiểu đội 1 đã đứng vào vị trí tập hợp đằng sau mình, trung đội trưởng quay nửa bên trái, chạy đều lên phía trước chếch về bên trái đội hình, cách đội hình từ 5-8 bước dừng lại, quay vào đội hình đôn đốc cán bộ, chiến sĩ tập hợp.

- Bước 2: Điểm số

+ Khẩu lệnh: **“ĐIỂM SỐ”** hoặc **“TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ”.** Khẩu lệnh chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

+ Động tác của tiểu đội trường và các chiến sĩ:

Khẩu lệnh ***“ĐIỂM SỐ”***(để nắm quân số của toàn trung đội).

Khi nghe dứt khẩu lệnh “ĐIỂM SỐ”, toàn trung đội điểm số từ 1 đến hết, phó trung đội trưởng và các tiểu đội trưởng cũng điểm số. Động tác điểm số cảu từng người như điểm số trong đội hình tiểu đội 1 hàng dọc.

Khẩu lệnh ***“TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ”*** (để đổi hình, đổi hướng đội hình)***.***

Nghe dứt khẩu lệnh ***“TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ”,*** các tiểu đội lần lượt điểm số theo đội hình của tiểu đội, thứ tự từ tiểu đội 1, tiểu đội 2, đến tiểu đội 3, phó trung đội trưởng và các tiểu đội trưởng không đếm số.

- Bước 3: Chỉnh đốn hàng ngũ

+ Khẩu lệnh: **“Nhìn trước-THẲNG”.** Khẩu lệnh có dự lệnh vầ động lệnh. ***“Nhìn trước”*** là dự lệnh, ***“THẲNG”*** là động lệnh.

+ Động tác của trung đội trưởng và cán bộ, chiến sĩ:

• Trung đội trưởng: Trước khi chỉnh đốn hàng ngũ, trung đội trưởng hô cho cán bộ, chiến sĩ trong hàng đứng nghiêm. Khi thấy cán bộ, chiến sĩ đã đứng nghiêm, trung đội trưởng hô tiếp **“Nhìn trước-THẲNG”.**

**•** Cán bộ, chiến sĩ: Nghe dứt động lệnh “THẲNG”, cán bộ, chiến sĩ phải gióng hàng dọc, người đứng sau nhìn thẳng gáy người đứng trước mình (không thấy gáy người thứ hai đứng trước mình). Xê dịch qua trái (phải) để gióng hàng dọc cho thẳng, xê dịch lên (xuống) để điều chỉnh cự li.

• Trung đội trưởng: Khi thấy cán bộ, chiến sĩ xong, trung đội trưởng hô ***“THÔI”.***

• Cán bộ, chiến sĩ: Nghe dứt động lệnh “THÔI”, cán bộ, chiến sĩ trong hàng mắt nhìn thẳng, đứng nghiêm, không xê dịch vị trí đứng.

• Trung đội trưởng: Quay nửa bên trái (phải), chạy đều về phía đầu đôị hình, cách người đứng đầu 3-5 bước thì dùng lại, quay vào đội hình để kiểm tra hàng dọc. Hàng dọc thẳng khi cạnh mũ, cạnh vai của các chiến sĩ nằm trên một đường thẳng. Nếu chiến sĩ nào chưa thẳng hàng, trung dội trưởng dùng khẩu lệnh “Đồng chí (số) – QUA PHẢI (TRÁI)”. Trung đội trưởng có thể cùng một lúc sửa cho 3-4 chiến sĩ, lần lượt từ trên xuống dưới.

• Cán bộ, chiến sĩ: Nghe trung đội trưởng gọi tên mình phải tập trung sự chú ý và làm theo khẩu lệnh của trung đội trưởng, qua phải (trái). Khi qua phải (trái) phải kết hợp nhìn thẳng về phía trước để gióng hàng cho thẳng.

• Trung đội trưởng: Khi thấy cán bộ, chiến sĩ đã đứng thẳng hàng, trung đội trưởng hô “ĐƯỢC”, sau đó chạy đều về vị trí chỉ huy.

- Bước 4: Giải tán

Như đội hình trung đội hàng ngang.

***b) Đội hình trung đội 2 hàng dọc***

Ý nghĩa, các bước chỉ huy đội hình của trung đội trưởng và cán bộ, chiến sĩ cơ bản như đội hình trung đội 1 hàng dọc, chỉ khác: Tập hợp đội hình 2 hàng dọc theo 3 bước (không có điểm số), cụ thể như sau:

- Bước 1: Tập hợp

+ Khẩu lệnh: ***“Trung đội X thành 2 hàng dọc-TẬP HỢP”.***

+ Động tác của trung đội trưởng và cán bộ, chiến sĩ:

• Cán bộ, chiến sĩ: Nghe dứt động lệnh ***“TẬP HỢP”,*** cán bộ, chiến sĩ im lặng, nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp, đứng sau tiểu đội trưởng là phó trung đội trưởng, tiếp theo là tiểu đội 1, 2, 3 mỗi tiểu đội thành 2 hàng dọc, các số lẻ (1; 3; 5; 7) đứng hàng dọc bên phải, các số chẵn (2; 4; 6; 8) đứng hàng dọc bên trái.

- Bước 2: Chỉnh đốn hàng ngũ

Nghe dứt động lệnh “THẲNG”, phó trung đội trưởng và các tiểu đội trưởng bước qua trái ½ bước để đứng trước, chính giữa đội hình mình.

Tất cả các chiến sĩ nhìn thẳng về trước để gióng hàng dọc, các chiến sĩ đứng hàng bên trái (các số chẵn) vừa phải gióng hàng dọc vừa dùng ánh mắt gióng hàng ngang để đứng đúng gián cách, cự li quy định.

- Bước 3: Giải tán

Như đội hình trung đội hàng ngang.

***c) Đội hình trung đội 3 hàng dọc***

Ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình của trung đội trưởng và cán bộ, chiến sĩ cơ bản như đội hình 1 hàng dọc, chỉ khác:

- Bước 1: Tập hợp đội hình

+ Khẩu lệnh: ***“Trung đội X thành 3 hàng dọc-TẬP HỢP”.***

+ Động tác của trung đội trưởng và cán bộ, chiến sĩ:

Nghe dứt động lệnh ***“TẬP HỢP”,*** cán bộ, chiến sĩ nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp thành đội hình trung đội 3 hàng dọc. Đứng sau lưng trung đội trưởng là phó trung đội trưởng và tiểu đội 1, tiểu đội 2 đứng bên tái tiểu đội 1, tiểu đội 3 đứng bên trái tiểu đội 2, mỗi tiểu đội thành 1 hàng dọc.

5 🡪 8 bước

**aBB1**

**aBB2**

**aBB3**

**aT**

**aT**

**aT**

Hình: Đội hình trung đội 3 hàng dọc

- Bước 2: Điểm số

+ Khẩu lệnh: **“ĐIỂM SỐ”.**

+ Khi nghe dứt khẩu lệnh “ĐIỂM SỐ”, tiểu đội 1 điểm số (động tác điểm số như đội hình tiểu đội 1 hàng dọc), phó trung đội trưởng và các tiểu đội trưởng không điểm số. Tiểu đội 2, tiểu đội 3 không điểm số mà lấy số đã điểm của tiểu đội 1 để tính số hiện có của tiểu đội mình.

+ Người cuối cùng của tiểu đội 2 và tiểu đội 3 phải báo cáo cho trung đội trưởng biết. Khi báo cáo phải đứng nghiêm, báo cáo xong, đứng nghỉ (như đội hình trung đội 3 hàng ngang).

- Bước 3: Chỉnh đốn hàng ngũ

+Nghe dứt khẩu lệnh “THẲNG”, phó trung đội trưởng bước qua trái 1 bước, đứng trước và chính giữa đội hình trung đội. Các chiến sĩ gióng hàng như ở đội hình tiểu đội hàng dọc, chiến sĩ tiểu đội 2 và tiểu đội 3 vừa gióng hàng dọc vừa dùng ánh mắt gióng hàng ngang.

- Bước 4: Giải tán

Như đội hình trung đội hàng ngang.

❖ ***Những điểm cần chú ý:***

- Đối với động tác của trung đội trưởng:

+ Khi hô khẩu lệnh phải hô dự lệnh to, rõ; hô động lệnh phải dứt khoát.

+ Khi kiểm tra gióng hàng, không nghiêng đầu để nhìn, thực hiện động tác qua phải (trái) để kiểm tra.

- Đối với động tác của cán bộ, chiến sĩ:

+ Tập trung sự chú ý để thực hiện mệnh lệnh của trung đội trưởng.

+ Khi tập hợp đội phải đứng đúng vị trí, từ động gióng hàng ngang, hàng dọc theo quy định.

**KẾT LUẬN**

“Đôi ngũ đơn vị” là nội dung quan trọng, nhằm rèn luyện cho học sinh ý thức tổ chức, kỷ luật, tư thế, tác phong nhanh nhẹn, dứt khoát, khẩn trương theo tác phong của người quân nhân. Giúp cho học sinh hiểu và biết được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình cơ bản của tiểu đội, trung đội. Làm cở sở vận động trong các hoạt động của nhà trường.

**Ý ĐỊNH LUYỆN TẬP TỪNG NỘI DUNG**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **THỜI GIAN** | **TỔ CHỨC** | **PHƯƠNG PHÁP** | **ĐỊA ĐIỂM** | **VẬT CHẤT** | **KÝ TÍN HIỆU** |
| - Vấn đề huấn luyện 1: Đội hình tiểu đội. | 30 phút | - Cá nhân và tổ (tiểu đội) để ôn luyện. | - Phương pháp:  +Tự nghiên cứu động tác 10p  + Thực hiện 3 bước:  • Tập chậm  • Tập nhanh  • Tập tổng hợp | - Cả lớp: vị trí A  - Tổ 1: vị trí B  - Tổ 2: vị trí C  - Tổ 3: vị trí D | Giáo án | - Nghe nhiều tiếng cò: tập trung ở vị trí A  - Nghe 2 tiếng còi: giải tán |
| - Vấn đề huấn luyện 2: Đội hình trung đội. | 30 phút | - Cá nhân và tổ (tiểu đội) để ôn luyện. | - Phương pháp:  +Tự nghiên cứu động tác 10p  + Thực hiện 3 bước:  • Tập chậm  • Tập nhanh  • Tập tổng hợp | - Cả lớp: vị trí A  - Tổ 1: vị trí B  - Tổ 2: vị trí C  - Tổ 3: vị trí D | Giáo án | - Nghe nhiều tiếng cò: tập trung ở vị trí A  - Nghe 2 tiếng còi: giải tán |

*Ngày .... tháng .... năm 2019*

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**GIÁO VIÊN**

**KẾ HOẠCH GIẢNG BÀI**

**PHÊ DUYỆT** Môn học: **Giáo Dục Quốc Phòng\_An Ninh**

*Ngày…….tháng…….năm……*  Bài: **Đội ngũ đơn vị**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG** Đối tượng: **Học sinh lớp 10**

Năm học: **2019-2020**

**Phần I**

**Ý ĐỊNH HUẤN LUYỆN**

**I.** **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**A. MỤC ĐÍCH**

- Nhằm rèn luyện cho học sinh ý thức tổ chức, kỷ luật, tư thế, tác phong nhanh nhẹn, dứt khoát, khẩn trương theo tác phong của người quân nhân.

- Giúp cho học sinh hiểu và biết được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình cơ bản của tiểu đội, trung đội.

- Làm cở sở vận động trong các hoạt động của nhà trường.

**B. YÊU CẦU**

**-** Nắm vững kỹ thuật động tác.

- Học đến đâu vận dụng thực hành đến đó.

- Tập luyện nghiêm túc, hàng ngũ chỉnh tề và có trật tự.

**II. NỘI DUNG VÀ TRỌNG TÂM**

**A. NỘI DUNG:** Đội ngũ đơn vị

- Vấn đề huấn luyện 1: Đội hình tiểu đội.

- Vấn đề huấn luyện 2: Đội hình trung đội.

**B. TRỌNG TÂM**

Đội hình tiểu đội.

**III. THỜI GIAN**

Tổng số: 7 tiết

- Lên lớp lý thuyết: 1 tiết

- Giới thiệu động tác và đội mẫu.

- Ôn luyện: 5 tiết

- Hội thao, kiểm tra đánh giá: 1 tiết

**IV. TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP**

**A. TỔ CHỨC**

- Lấy lớp học làm đơn vị để giảng dạy.

**-** Lấy tổ, tiểu đội để ôn luyện

**B. PHƯƠNG PHÁP**

1. Giáo viên:

- Dùng phương pháp diễn giải và phương pháp trực quan sinh động để lên lớp. Diễn giải tới đâu thì phân tích và làm động tác tới đó.

- Tiến hành làm mẫu động tác theo 3 bước:

+ Làm nhanh – giúp cho học sinh nắm được khái quát động tác.

+ Làm chậm có phân tích (vừa nói và thực hiện động tác).

+ Làm tổng hợp để hoàn chỉnh động tác.

2. Học sinh:

- Nghe, nhìn động tác mẫu của giáo viên.

- Tập từng cử động của động tác.

- Hoàn thiện động tác đã tập.

- Thường xuyên tự rèn luyện và nang cao các kỹ năng kỹ xảo của động tác.

3. Kiểm tra, đánh giá:

- Sau ôn luyện kiểm tra, đánh giá từng người của từng nội dung.

- Gọi vài học sinh làm tốt và không tốt lên thực hiện động tác để phân tích và sửa sai cho những học sinh còn yếu để các em tự luyện tập thêm.

**V. THÀNH PHẦN NGƯỜI HỌC**

Học sinh lớp 10

**VI. ĐỊA ĐIỂM**

Sân trường THCS – THPT NAM VIỆT

**VII. VẬT CHẤT**

**A. GIÁO VIÊN:** Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, bài giảng.

**B. HỌC SINH:** Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, vở, viết, trang phục TDTT của trường, đi giày bata.

**Phần II**

**THỰC HÀNH BÀI GIẢNG**

**I. THỦ TỤC BÀI GIẢNG**: 5 phút

1. Nhận lớp

- Ổn định lớp

- Kiểm tra trang phục.

- Điểm danh nắm sỉ số lớp.

- Chào báo cáo cấp trên (nếu có).

2. Phổ biến các quy định:

- Học tập nghiêm túc, không làm chuyện riêng trong giờ học.

- Tích cực phát biểu, xây dựng bài.

- Ghi chép bài vở đầy đủ.

3. Phổ biến ý định bài giảng: Tìm hiểu về bài “ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ”

**II. TRÌNH TỰ GIẢNG BÀI:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ tự, nội dung | Thời gian | | | Địa điểm | Phương pháp | | | Vật chất |
| Tổng | Ngày | Đêm | Giáo viên | Học sinh | Phục vụ |  |
| Thủ tục | 10 phút |  |  |  | - Nhận lớp: nắm sỉ số.  - Kiểm tra tác phong.  - Phổ biến các quy định.  - Phổ biến bài giảng. | - Ổn định trật tự.  - Nghe, nhìn.  - Nếu câu hỏi thắc mắc. |  | Bài giảng. |
| Phần: Huấn luyện chính.  - Nguyên tắc chung.  - Động tác cụ thể |  |  |  |  | - Nêu tên bài tập.  - Giảng trình tự dứt điểm từng nội dung.  - Kiểm tra nhận thức trả lời thắc mắc - nhận xét. | - Theo dõi nắm chắc phương pháp, trình tư giáo viên giảng phần nguyên tắc.  - Tư duy và nêu câu hỏi thắc mắc |  | Bài giảng |
| I. VẤN ĐỀ HUẤN LUYỆN 1: ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI  1. Đội hình tiểu đội hàng ngang.  2. Đội hình tiểu đội hàng dọc.  3. Động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái.  4. Giãn đội hình, thu đội hình.  5. Ra khỏi hàng, về vị trí. | 160 phút |  |  |  | - Nêu tên VĐHL1  - Hướng dẫn động tác (làm mẫu theo 3 bước).  - Luyện tập.  - Nhận xét, đánh giá. | - Nghe, theo dõi, nắm chắc phương pháp và trình tự VĐHL 1.  - Tư duy và nêu câu hỏi. |  | Bài giảng. |
| II. VẤN ĐỀ HUẤN LUYỆN 2: ĐỘI HÌNH TRUNG ĐỘI.  1. Đội hình trung đội hàng ngang.  2. Đội hình trung đội hàng dọc. | 80 phút |  |  |  | - Nêu tên VĐHL2  - Hướng dẫn động tác (làm mẫu theo 3 bước).  - Luyện tập.  - Nhận xét, đánh giá. | - Nghe, theo dõi, nắm chắc phương pháp và trình tự VĐHL 2.  - Tư duy và nêu câu hỏi. |  | Bài giảng. |
| Phần kết thúc | 40 phút |  |  |  | - Tập trung lớp.  - Hệ thống toàn bài.  - Hội thao  - Nêu ưu điểm và khuyết điểm của quá trình học.  - Biểu dương học sinh tốt, động viên học sinh yếu. | - Nghe, quan sát.  - Đánh giá và tự đánh giá bằng phương pháp thảo luận và thực hành động tác. |  | Bài giảng. |

**III. KẾT THÚC BÀI GIẢNG**

- Hệ thống, tóm tắt nội dung chính của bài giảng.

- Giải đáp thắc mắc.

- Nhận xét lớp học.

- Xuống lớp.

*Ngày…...tháng……năm…….* *Ngày ... tháng .... năm 2020*

**NGƯỜI THÔNG QUA** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TỔ TRƯỞNG GIÁO VIÊN**

**MỞ ĐẦU**

Ngày nay, nhân dân ta đang xây dựng đất nước trong hòa bình, nhưng các thế lực thù địch vẫn luôn dùng mọi âm mưu, thủ đoạn tinh vi để phá hoại công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta. Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, tiến công hỏa lực bằng đường không có bước đột phá mới và đã trở thành phương thức tiến hành chiến tranh chủ yếu trong các cuộc chiến tranh gần đây. Vì vậy, việc tìm hiểu đặc điểm, tính năng một số loại bom, đạn để từ đó biết cách phòng tránh, góp phần, giảm nhẹ hoặc loại trừ thiệt hại do chúng gây ra là hết sức cần thiết, góp phần đánh thắng các cuộc tiến công bằng đường không của địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Trong suốt tiến trình phát triển của lịch sử, việc phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai ở Việt Nam luôn được coi là công cuộc đấu tranh sinh tồn, gắn liền với quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Căn cứ biên soạn:

- Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10 của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sản xuất năm 2016.

- Sách giáo viên Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10 của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sản xuất năm 2016.

**Bài 5**

**THƯỜNG THỨC PHÒNG TRÁNH MỘT SỐ LOẠI**

**BOM, ĐẠN VÀ THIÊN TAI.**

**I. Bom, đạn và cách phòng tránh.**

Trong các cuộc chiến tranh xâm lược và chống phá Việt Nam, kẻ địch đã dùng nhiều loại bom, đạn để đánh phá hủy diệt sự sống của ta, gây cho nhân dân ta những thiệt hại vô cùng to lớn về người và của, hơn thế nữa là hủy diệt môi trường sống, để lại di chứng chiến tranh cho các thế hệ kế tiếp.

**1. Đặc điểm, tác hại của một số loại bom, đạn.**

***a) Tên lửa hành trình (Tomahawk)***

- Đây là các loại tên lửa được phóng đi từ trên đất liền, trên tàu nổi, tàu ngầm hoặc trên máy bay, được điều khiển bằng nhiều phương pháp, theo chương trình sẵn đến mục tiêu đã định.

- Dùng để đánh các mục tiêu cố định như nhà ga, nhà máy điện, cầu lớn, cơ quan lãnh đạo, chỉ huy, các thành phố lớn, nơi tập trung đông dân cư.

***b) Bom có điều khiển***

Là các loại bom thường dùng trước đây, nhưng chúng được lắp thêm bộ phận tự động điều khiển, có khả năng bám mục tiêu và điều khiển quỹ đạo bay để diệt mục tiêu với độ chính xác cao, sai số trúng địch là 5-10m. Dưới đây là đặc điểm gây hại của một số loại bom, đạn thường dùng:

- Bom CBU-24: là loại bom chùm dạng catxet rải bom bi dạng quả ổi (BLU-26) để sát thương; bom mẹ chứa 200 bom con nổ trên không để rải bom con xuống mục tiêu; bom con có thể nổ ngay hoặc nổ chậm. Khi nổ tạo thành hình phễu đường kính 0,2-0,3m, sâu 0,2m, bán kính sát thương 10m.

- Bom CBU-55 (còn gọi là bom phát quang): là loại bom chùm dạng catxet, kiểu nổ xon khí chứa 3 bom con BLU-73. Khi nổ văng, oxit etylen tạo thành các đám mây xon khí có đường kính 15-17m, dày 2,5-3m được kích nổ ở độ cao 1m, bán kính sát thương 50m, dùng để phát quang cây cối, dọn bãi đổ bộ cho máy bay lên thẳng, hoặc dùng để gây tâm lí hoang mang cho đối phương bơi uy lực hủy diệt của chúng. Cùng họ với bom CBU-55 có bom BLU-82 được điều khiển bằng rada.

- Bom GBU-17: Bom xuyên tự dẫn bằng laze bán chủ động, có đầu nổ kép kiểu lõm phá dùng để đánh các công trình kiên cố như hầm ngầm, bê tông. Khi trúng mục tiêu, lượng nổ lõm tạo lỗ sâu để bom chui vào, sau đó ngồi nổ chậm hoạt động, kích nổ bom, được Mĩ sử dụng trong chiến tranh Vùng Vịnh (!990-1991), Nam Tư (1999).

- Bom GBU-29/30/31/32/15JDAM: là loại bom tiến công trực tiếp vào các mục tiêu kiên cố như cầu, cống, sân bay, đài phát thanh, truyền hình.

- Bom hóa học: là loại bom chứa các loại khí độc, chủ yếu để sát thương sinh lực địch đối phương, kích thích chảy nước mắt, rát bỏng, ho, ngứa, gây suy nhược thần kinh, chóng mặt, nôn.

- Bom cháy: sử dụng chất cháy (hỗn hợp nhôm, phốt pho, na pan hoặc các chất dễ cháy như xăng, dầu hả, benzen, tôluen...) dưới dạng keo hoặc bột, là phương tiện sát thương sinh lực đối phương.

- Bom mềm: bom chuyên dùng để đánh phá mạng lưới điện của đối phương, không sát thương sinh lực, khi nổ tung ra không gian, hàng trăm ngàn sợi garaphit bám vào dây điện gây đoản mạch, phá hỏng các thiết bị và hệ thống điện.

- Bom điện từ: bom chuyên dùng đánh phá các thiết bị điện tử. Khi nổ tạo ra trường điện từ cường độ lớn, trong thời gian rất ngắn tác động vào các linh kiện vi mạch, bán dẫn của các thiết bị điện, phá hủy các khí tài vô tuyến điện tử, máy tính thiết bị quang điện, truyền hình.

- Bom từ trường: MK-82, 117 dùng để đánh phá giao thông. Khi có sắt thép đi qua, ngòi nổ cảm nhận tạo tín hiệu gây nổ. Thời gian mở bảo hiểm từ 15 phút đến vài tháng, có thể tự hủy sau 6-8 tháng.

**2. Một số biện pháp phòng tránh thông thường.**

***a) Tổ chức trinh sát, thông báo, báo động***

- Mục đích là nhằm phát hiện các hoạt động đánh phá của máy bay địch để kịp thời thông báo, báo động cho nhân dân phòng tránh.

- Tín hiệu báo động được phát bằng còi ủ, loa truyền thanh, trên vô tuyến hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác, kết hợp với các phương tiện thô sơ như trống mõ, kẻng...do ban chỉ đạo công tác phòng không nhân dân ở từng khu vực đảm nhiệm.

***b) Ngụy trang, giữ bí mật chống trinh sát của địch***

- Nêu cao tinh thần cảnh giác giữ bí mật mục tiêu và các khu sơ tán.

- Nguỵ trang kết hợp nghi binh đánh lừa không để lộ mục tiêu, chống trinh sát của địch.

- Thực hiện nghiêm các qui định về phòng gian giữ bí mật do ban chỉ đạo công tác phòng không nhân dân qui định.

***c) Làm hầm hố phòng tránh***

Để phòng tránh tác hại của bom đạn địch thì tuỳ theo tình hình cụ thể Ban chỉ đạo công tác phòng không nhân dân ở từng địa phương tổ chức triển khai đào hầm hố, giao thông hào, đắp tường chắn cho lớp học, nhà xưởng, bệnh viện, ở từng gia đình, trên đường đi, nơi công cộng, nơi làm việc, học tập và công tác.

- Khi có báo động mọi ng­ời không có nhiệm vụ cần nhanh chóng xuống hầm trú ẩn ở nơi gần nhất, một cách trật tự, không hoảng loạn, chạy đi chạy lại dễ làm lộ mục tiêu, tránh nhiều người trong một gia đình trú cùng một chỗ.

- Khi không kịp xuống hầm phải lợi dụng địa hình, địa vật, như­ bờ ruộng, gốc cây, mô đất, rãnh nước; khi nghe bom rít phải che tay trước ngực, miệng hơi há để giảm bớt sức ép của bom đạn.

***d) Sơ tán phân tán các nơi tập trung đông dân cư­, các khu công nghiệp khu chế xuất, tránh tụ họp đông người.***

Nhằm giảm bớt tới mức thấp nhất thiệt hại do bom đạn địch gây ra, đây là công việc vô cùng khó khăn và phức tạp ảnh hưởng rất lớn đến, sản suất và đời sống của nhân dân. Vì vậy, mọi ng­ười phải khắc phục khó khăn, tích cực tự giác tham gia và tuyên truyền vận động nhân dân thực hành sơ tán theo quy định của chính quyền địa phương.

***e) Đánh trả***

Việc đánh trả tiến công đường không của địch là góp phần cho phòng tránh được an toàn, do lực lượng vũ trang đảm nhiệm. Để duy trì cho lực lượng chiến đấu được liên tục lâu dài, công tác bảo đảm, phục vụ chiến đấu phải được toàn dân tham gia, tuỳ theo khả năng và điều kiện của mỗi người.

***g) Khắc phục hậu quả***

- Tổ chức cứu th­ương: Từng gia đình, các nhân tự cứu là chính, đồng thời nhanh chóng báo cho các đội cấp cứu biết để đưa người bị nạn đến nơi an toàn.

- Tổ chức lực lượng cứu sập, cứu hoả, cứu hộ trên sông: Khi có sự cố (như sập hầm, cháy nhà...) nhanh chóng báo cho đội chuyên trách biết. Trong khi chờ đợi phải tìm cách cứu người trước, tổ chức đào bới, tìm kiếm người bị nạn, cách li khu vực cháy, không cho lan rộng, dùng đất cát lấp những mảnh bom cháy dở...

- Đối với bom napan: Dùng đất cát hoặc bao tải, chăn, chiếu nhúng nước trùm lên đám cháy. Nếu đám cháy nhỏ tì dùng cành cây tươi để dập tắt. Nếu napan đang cháy bám lên quần áo, da người thì dùng chăn, màn nhúng nước trùm lên chỗ bị cháy hoặc có thể nhanh chóng cởi bỏ quần áo.

- Đối với bom Phốtpho: Phốtpho là chất độc, vì vậy khi chữa cháy cần phải chuẩn bị dụng cụ phòng độc như găng tay, khẩu trang, dùng nước với lượng lớn để dập tắt hoặc dùng xẻng xúc các mảnh phốtpho đang cháy dở đổ vào hố, vũng nước. Nếu không may bị dính phốtpho vào người phải bình tĩnh dùng que quấn bông, hoặc vải gạt nhẹ ra; không được xiết mạnh, làm cho phốt pho ngấm sâu vào cơ thể. Có thể thấm vết bỏng bằng dung dịch phèn xanh (sun phát đồng) tỉ lệ 2%, sau đó đến bệnh viện hoặc trạm xá gần nhất.

- Chôn cất ng­ười chết, phòng chống dịch bệnh, làm vệ sinh môi trường, giúp đỡ gia đình có người bị nạn, ổn định đời sống.

- Khôi phục sản xuất, sinh hoạt bình thường.

\* Cần lưu ý: Hiện nay trên đất nước ta, tuy không còn chiến tranh những bom, đạn địch vẫn còn sót lại trong lòng đất ở nhiều nơi. Vì vậy, khi phát hiện bom đạn phải giữ nguyên hiện trường, đánh dấu bằng phương tiện giản đơn (cành cây, gạch đá) và báo cáo ngay với người có trách nhiệm để xử lí, tuyệt đối không làm thay đổi vị trí, cũng như tự động xử lí.

**II. Thiên tai, tác hại của chúng và cách phòng tránh.**

**1. Các loại thiên tai chủ yếu ở Việt Nam**

***a) Bão***

- Bão là một trong những loại hình thiên tai chủ yếu và nguy hiểm ở Việt Nam. Bão vào thường gặp lúc triều cường, nước biển dâng cao, kèm theo mưa lớn kéo dài, gây lũ lụt.

- Nước ta nằm ở khu vực Tây Bắc Thái Bình Dương, là một trong những vùng bão có số lượng lớn và cường độ mạnh với xu thế ngày càng gia tăng.

***b) Lũ lụt***

- Lũ các sông khu vực Bắc Bộ thừng xuất hiện sớm so với các vùng khác, hằng năm trung bình có 3-5 trận lũ, thời gian kéo dài từ 8-15 ngày.

- Lũ các sông miền Trung (từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh xuất hiện từ tháng 6 đến tháng 10, từ Quảng Bình đến Bình Thuận xuất hiện từ tháng 9 đến tháng 12), đây là khu vực có hệ thống sông ngắn, dốc, lũ lên nhanh, xuống nhanh, các sông ở khu vực này có hệ thống ngăn lũ tháp hoặc không có đê. Nước lũ không chỉ chạy trong dòng chính mà còn chảy tràn qua đồng bằng.

- Lũ các sông khu vực Tây Nguyên thường mang đặc điểm lũ núi, lũ quét.

- Lũ các sông miền Đông Nam Bộ do cường độ mưa lớn, có lớp phủ thực vật và rừng nguyên sinh phong phú nên lũ thường không lớn nhưng thời gian ngập lụt kéo dài.

- Lũ các sông đồng bằng sông Cửu Long thường diễn biến chậm, nhưng kéo dài trong suốt khoảng thời gian từ 4-5 tháng, làm ngập hầu hết toàn bộ vùng đồng bằng sông Cửu Long.

***c) Lũ quét, lũ bùn đá***

- Thường xảy ra ở vùng đồi núi, nơi có độ dốc lớn**,** cường độ mưa lớn mà đường thoát nước bất lợi.

- Lũ quét cũng có thể xảy ra do vỡ hồ chứa nhỏ, sạt lở đất lấp dòng chảy.

Lũ quét xảy ra thường bát ngờ trong phạm vi hẹp nhưng khốc liệt, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và của.

***d) Ngập úng***

Ngập úng do mưa lớn gây ra, tuy ít gây tổn thất về người, nhưng ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp và môi trường sinh thái.

***e) Hạn hán và sa mạc hóa***

Là loại thiên tai đứng thứ ba về mức độ thiệt hại bão, lũ. Hạn hán kéo dài sẽ dẫn đến nguy cơ sa mạc hóa ở một số vùng, đặc biệt là vùng Nam Trung Bộ, vùng cát ven biển và vùng đất dốc thuộc trung du, miền núi.

Ngoài ra, còn có các loại thiên tai xâm nhập mặn, lốc, sạt lở, động đất sóng thần, nước biển dâng...

**2. Tác hại của thiên tai**

- Thiên tai là tác nhân trực tiếp cản trở sự phát triển kinh tế xã hội, là trở lực lớn của quá trình phấn đấu đạt các mục tiêu kinh tế xã hội, xoá đói giảm nghèo. Hiện nay nước ta có khoảng trên 80% dân số chịu ảnh hưởng của thiên tai, chỉ tỉnh trong 5 năm (2002 - 2006) thiên tai đã làm khoảng 1.700 người thiệt mạng, thiệt hại tài sản nhà nước ước tính 75.000 tỷ đồng.

- Thiên tai gây hậu quả về môi trường: tàn phá gây ô nhiễm môi trường, phát sinh dịch bệnh, tác động xấu đến sản xuất và đời sống cộng đồng.

- Thiên tai còn gây ra hậu quả đối với quốc phòng an ninh như: phá huỷ các công trình quốc phòng an ninh, làm suy giảm nguồn dự trữ quốc gia, là tác nhân gây ra sự mất ổn định đời sống nhân dân và trật tự xã hội.

**3. Một số biện pháp phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai**

***a) Chấp hành nghiêm các văn bản pháp luật về công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.***

***b) Tích cực tham gia các chương trình phát triển kinh tế xã hội có liên quan đến phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai: Như­ ch­ương trình trồng rừng đầu nguồn. Rừng phòng hộ, rừng ngập mặn, ch­ương trình hố chứa n­ước cắt lũ, chống hạn, chương trình sống chung với lũ, chương trình an toàn cho tàu đánh bắt hải sản, chương trình củng cố và nâng cấp hệ thống đê điều.***

***c) Nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.***

- Các nghiên cứu về sạt lở sông biển, phòng, chống lũ lụt, hạn hán cho đồng bằng sông Hồng.

- Mô hình nhà an toàn trong thiên tai.

- Các phương pháp đánh gía thiệt hại và cứu trợ thiên tại, phân vùng ngập lụt các tỉnh miền Trung, quy hoạch phòng tránh lũ quét.

- Ứng dụng công nghệ mới trong công tác dự báo, cảnh báo và quản lí thiên tai; ứng dụng vật liệu mới, công nghệ mới trong xây dựng công trình phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

***d) Hợp tác quốc tế về cảnh báo, dự báo thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, tạo điều kiện cho tầu thuyền tránh trú bão, khai thác hợp lý an toàn các nguồn lợi trên biển với các n­ước có chung biên giới trên đất liền, trên biển.***

***e) Công tác cứu hộ cứu nạn***

Từng ng­ười và gia đình cần chuẩn bị các phương tiện cứu hộ cứu nạn theo sự hướng dẫn của chính quyền địa ph­ương, sẵn sàng sơ tán đến nơi an toàn nhằm hạn chế tối đa thiệt hại do thiên tai gây ra.

***g) Công tác cứu trợ khắc phục hậu quả.***

- Cấp cứu ng­ười bị nạn.

- Làm vệ sinh môi tr­ường.

- Giúp đỡ các gia đình bị nạn ổn định đời sống.

- Khôi phục sản xuất và sinh hoạt.

***h) Công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai làm cho mọi ng­ời thấy rõ nguyên nhân tác hại của thiên tai, nâng cao ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng trong phòng chống giảm nhẹ thiên tai.***

**KẾT LUẬN**

Gần một thế kỷ, đất nước và con người Việt Nam phải trải qua nhiều cuộc chiến tranh chống ngoại xâm và phải hứng chịu nhiều tổn thất nặng nề. Riêng quân đội Mỹ đã sử dụng khoảng 16 triệu tấn bom đạn trong chiến tranh xâm lược Việt Nam. Mặc dù chiến tranh đã qua đi vài chục năm, nhưng hàng trăm nghìn tấn bom đạn vẫn còn sót lại, chiếm tới trên 20% diện tích cả nước và ở rất nhiều nơi. Bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh là hiểm họa hằng ngày đối với nhiều người dân, là vấn đề nhức nhối đối với chính phủ nhiều quốc gia. Không chỉ gây nhiều khó khăn trong sản xuất và đời sống của người dân, cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, bom mìn sót lại sau chiến tranh còn gây ra nhiều thương vong và tổn thất cho người dân và gánh nặng cho xã hội. Do đó, học sinh cần phải tích cực tham gia công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai và hậu quả của bom, đạn.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Nêu tác hại của một số loại bom, đạn.

2. Nêu một số biện pháp phòng tránh bom, đạn thông thường.

3. Nêu một số loại thiên tai và tác hại của chúng.

4. Nêu các biện pháp phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

5. Trách nhiệm của học sinh đối với việc phòng tránh bom, đạn và thiên tai.

*Ngày ... tháng .... năm 2019*

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**GIÁO VIÊN**

**KẾ HOẠCH GIẢNG BÀI**

**PHÊ DUYỆT** Môn học: **Giáo Dục Quốc Phòng\_An Ninh**

*Ngày…….tháng…….năm……*  Bài: **Thường thức phòng tránh một số loại**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG bom, đạn và thiên tai**

Đối tượng: **Học sinh lớp 10**

Năm học: **2019-20120**

**Ý ĐỊNH BÀI GIẢNG**

**I. MỤC ĐÍCH-YÊU CẦU**

**A. MỤC ĐÍCH**

**-** Giúp học sinh hiểu được tác hại và cách phòng tránh thông thường đối với một số loại bom, đạn và thiên tai, vận dụng vào điều kiện thực tế của địa phương.

**-** Biết cách phòng tránh thông thường đối với một số loại bom, đạn và thiên tai.

**B. YÊU CẦU**

**-** Có thái độ học tập và rèn luyện tốt, ý thức tham gia tuyên truyền và thực hiện chính sách phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, chính sách quốc phòng và an ninh phù hợp với khả năng của mình.

**II. NỘI DUNG**

**-** Nội dung của bài gồm:

1. Bom, đạn và cách phòng tránh.

2. Thiên tai, tác hại của chúng và cách phòng tránh.

**III. THỜI GIAN:**

**-** Tổng số: 2 tiết (90 phút)

- Phân bố thời gian:

Tiết 1: Bom, đạn và cách phòng tránh.

Tiết 2: Thiên tai, tác hại của chúng và cách phòng tránh.

**IV. TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP**

**A. TỔ CHỨC**

- Lấy lớp học làm đơn vị lên lớp.

**B. PHƯƠNG PHÁP**

**-** Người dạy: Giảng dạy theo phương pháp trực quan, kết hợp giảng lí thuyết với phân tích nội dung.

- Người học: Chú ý lắng nghe, ghi chép nội dung quan trọng.

**V. ĐỊA ĐIỂM**

Phòng học :

**VI. BẢO ĐẢM**

**1. Giáo viên:** Sách giáo khoa GDQP - AN 10/NXB Giáo Dục VN 2016, bài giảng.

**2. Người học:** Tập, viết ghi chép, sách giáo khoa GDQP - AN 10/NXB Giáo Dục VN 2016

**Phần II**

**THỰC HÀNH BÀI GIẢNG**

**I. THỦ TỤC BÀI GIẢNG**: 5 phút

1. Nhận lớp

- Ổn định lớp

- Kiểm tra trang phục.

- Điểm danh nắm sỉ số sinh viên.

- Chào báo cáo cấp trên (nếu có).

2. Phổ biến các quy định:

- Học tập nghiêm túc, không làm chuyện riêng trong giờ học.

- Tích cực phát biểu, xây dựng bài.

- Ghi chép bài vở đầy đủ.

3. Phổ biến ý định bài giảng: Tìm hiểu về bài “THƯỜNG THỨC PHÒNG TRÁNH MỘT SỐ LOẠI BOM, ĐẠN VÀ THUÊN TAI”

**II. TRÌNH TỰ GIẢNG BÀI:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ tự, nội dung | Thời gian | Phương pháp | | Vật chất |
| Giáo viên | Học sinh |
| MỞ ĐẦU | 5 phút |  |  |  |
| I. BOM. ĐẠN VÀ CÁCH PHÒNG TRÁNH.  1.Đặc điểm, tác hại cảu một số loại bom, đạn.  2. Một số biện pháp phòng tránh, thông thường. | 40 phút | Giảng dạy theo phương pháp trực quan, kết hợp giảng lí thuyết với phân tích nội dung. | Nghe giảng kết hợp với ghi chép, đàm thoại với giáo viên. | Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, bài giảng. |
| II.THIÊN TẠI, TÁC HẠI CỦA CHÚNG VÀ CÁCH PHÒNG TRÁNH.  1. Các loại thiên tai chủ yếu vở Việt Nam.  2.Tác hại của thiên tai.  3. Một số biện pháp phòng, chống và giảm nhẹ thiên tại. | 40 phút | Giảng dạy theo phương pháp trực quan, kết hợp giảng lí thuyết với phân tích nội dung. | Nghe giảng kết hợp với ghi chép, đàm thoại với giáo viên. | Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, bài giảng. |
| KẾT LUẬN | 5 phút |  |  |  |

**III. KẾT THÚC BÀI GIẢNG**

- Hệ thống, tóm tắt nội dung chính của bài giảng.

- Giải đáp thắc mắc.

- Giới thiệu tài liệu tham khảo.

- Hướng dẫn nghiên cứu ôn tập.

- Nhận xét lớp học.

- Xuống lớp.

*Ngày……tháng……năm…….* *Ngày ... tháng .... năm 2019*

**NGƯỜI THÔNG QUA** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TỔ TRƯỞNG**  **GIÁO VIÊN**

**MỞ ĐẦU**

Trong lao động, luyện tập quân sự, sinh hoạt, vui chơi và hoạt động thể dục thể thao…rất có thể xảy ra các tai nạn. Trong những tai nạn đó, có loại chỉ cần sơ cứu tốt và điều trị tại nhà, nhưng có nhiều trường hợp cần cấp cứu tại chỗ một cách kịp thời và nhanh chóng chuyển đến các cơ sở y tế để tiếp tục điều trị. Cấp cứu ban đầu cac tại nạn là điều kiện tiên quyết cho việc điều trị tốt ở bệnh viện sau đó.

Căn cứ biên soạn theo:

- Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10 của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sản xuất năm 2016.

- Sách giáo viên Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10 của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sản xuất năm 2016.

**BÀI 6**

**CẤP CỨU BAN ĐẦU CÁC TAI NẠN THÔNG THƯỜNG**

**VÀ BĂNG BÓ VẾT THƯƠNG**

**I. CẤP CỨU BAN ĐẦU CÁC TAI NẠN THÔNG THƯỜNG**

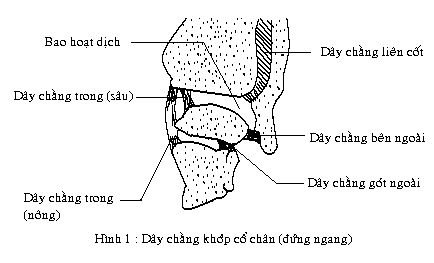
**1. Bong gân**

***a) Đại cương:***

- Hầu hết các khớp trong cơ thể là khớp động, các khớp tạo nên do các đầu xương áp sát vào nhau. Ở mỗi khớp bao giờ cũng có các dây chằng để tăng cường cho bao khớp và giữ thẳng góc cho hoạt động của khớp. Tùy khớp lớn hay bé, hoạt động nhiều hay ít mà dây chằng có cấu tạo khác nhau.

- Bong gân là sự tổn thương của dây chằng chung quanh khớp do chấn thương gây nên. Các dây chằng có thể bong ra khỏi chỗ bám, bị rách hoặc đứt, nhưng không làm sai khớp.

- Các khớp thường bị bong gân: khớp cổ chân, ngón chân cái, khớp gối, khớp cổ tay.



***b) Triệu chứng:***

- Đau nhức nơi tổn thương là triệu chứng quan trọng nhất và sớm nhất. Đau nhói khi cử động và khu trú vào một điểm, một vùng.

- Sưng nề to, có thể có bầm tím dưới da (do chảy máu).

- Chiều dài chi bình thường, không biến dạng.

- Vận động khó khăn, đau nhức.

- Tại khớp bị tổn thương có khi rất lỏng lẻo mà bình thường không có tình trạng đó.

***c) Cấp cứu ban đầu và đề phòng:***

- Cấp cứu ban đầu:

+ Băng ép nhẹ chống sưng nề, giảm tình trạng chảy máu và góp phần cố định khớp.

+ Chườm lạnh (chườm đá) bằng túi chườm hoặc bọc nước đá áp vào vùng khớp.

+ Bất động chi bong gân, cố định tạm thời bằng các phương tiện.

+ Trường hợp bong gân nặng, chuyển ngay đến các cơ sở y tế để cứu chữa bằng các phương pháp chuyên khoa.

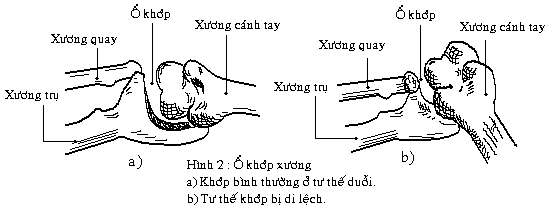
- Đề phòng.

+ Đi lại, chạy nhảy, lao động luyện tập quân sự đúng tư thế.

+ Cần kiểm tra đảm bảo an toàn thao trường, bãi tập và các phương tiện trước khi lao động luyện tập.

**2. Sai khớp**

***a) Đại cương***

****

S - Sai khớp là sự di lệch các đầu xương ở khớp một phần hay hoàn toàn do chấn thương mạnh một cách trực tiếp hoặc gián tiếp gây nên.

- Sai khớp thường xảy ra ở người lớn hoặc trẻ lớn khi xương đã phát triển.

- Các khớp bị sai là: Khớp vai, khớp khuỷu, khớp háng, khớp càng lớn khi sai khớp tình trạng càng nặng.

***b) Triệu chứng***

- Đau dữ dội, liên tục nhất là lúc đụng vào khớp hay lúc nạn nhân cử động.

- Mất vận động hoàn toàn, không gấp, duỗi được.

- Khớp biến dạng, đây là dấu hiệu chắc chắn dễ nhận biết và rất có giá trị trong chuẩn đoán, đầu xương lồi ra, có thể sờ thấy ở dưới da.

- Chi ở tư thế không bình thường, dài ra hoặc ngắn lại, thay đổi hướng tùy theo vị trí từng loại khớp.

- Sưng nề to quanh khớp.

- Tím bầm quanh khớp (có thể gãy hoặc rạn xương vùng khớp).

***c) Cấp cứu ban đầu và đề phòng***

- Cấp cứu ban đầu.

+ Bất động khớp bị sai, giữ nguyên tư thế sai lệch.

+ Chuyển ngay nạn nhân đến các cơ sở y tế để cứu chữa.

- Đề phòng.

+ Quá trình lao động, luyện tập phải chấp hành nghiêm quy định bảo đảm an toàn.

+ Cần kiểm tra độ an toàn của thao trường, bãi tập, các phương tiện trước khi lao động, luyện tập.

**3. Ngất**

*a) Đại cương*

- Ngất là tình trạng chết tạm thời, nạn nhân mất tri giác, cảm giác và vận động, đồng thời tim, phổi và bài tiết ngừng hoạt động.

- Cần phân biệt với hôn mê, mặc dù người hôn mê cũng mất tri giác, cảm giác và vận động, song tim, phổi, bài tiết vẫn còn hoạt động.

- Có nhiều nguyên nhân gây ngất: cảm xúc quá mạnh, chấn thương nặng, mất máu nhiều, ngại (do thiếu oxi), người có bệnh tim, người bị say sóng, say nắng…

***b) Triệu chứng***

- Nạn nhân tự nhiên thấy bồn chồn, khó chịu, mặt tái, mắt tối dần, chóng mặt, ù tai, ngã khuỵu xuống bất tỉnh.

- Toàn thân toát mồ hôi, chân tay lạnh, da xanh tái.

- Phổi có thể ngừng thở hoặc thở rất yếu.

- Tim có thể ngừng đập hoặc đập rất yếu, huyết áp hạ.

- Thường nạn nhân bao giờ cũng ngừng thở trước rồi ngừng tim sau.

***c) Cấp cứu ban đầu và đề phòng***

\* Cấp cứu ban đầu

- Đặt nạn nhân nằm ngay ngắn tại nơi thoáng khí, yên tĩnh, tránh tập trung đông người, kê gối (hoặc chăn, màn…) dưới vai cho đầu hơi ngửa ra sau.

- Lau chùi đất, cát, đờm dãi (nếu có) ở mũi, miệng để khai thông đường thở.

- Cởi cúc áo, quần, nới dây lưng để máu dễ lưu thông.

- Xoa bóp lên cơ thể, tát vào má, giật tóc mai, nếu có điều kiện cho ngửi a-mô-ni-ắc, dấm, hoặc đốt bồ kết thổi nhẹ cho khói bay vào hai lỗ mũi để kích thích, nếu nạn nhân hắt hơi được sẽ tỉnh.

- Nếu nạn nhân đã tỉnh, chân tay lạnh có thể dùng nước gừng tươi, nước tỏi hòa với rượu và nước lã đun sôi cho uống.

- Nếu nạn nhân chưa tỉnh, nhanh chóng kiểm tra để phát hiện sớm dấu hiệu ngừng thở, ngừng tim như:

+ Vỗ nhẹ vào người nêu nạn nhân không có phản ứng gì là mất tri giác, cảm giác và vận động.

+ Áp má vào mũi, miệng nạn nhân, nhìn xuôi xuống ngực nếu thấy lồng ngực, bụng không phập phồng, tai mũi, miệng không có hơi ấp, có thể thở rất yếu hoặc đã ngừng thở.

+ Bắt ngay mạch bẹn (hoặc mạch cảnh) không thấy mạch đập, có thể đã ngừng tim (thời gian kiểm tra không được kéo dài quá 1 phút).

- Nếu xác định nạn nhân đã ngừng thở, ngừng tim, cần tiến hành ngay biện pháp: thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực, cứ thổi ngạt 1 lần, ép tim 5 lần (nếu có 2 người làm) hoặc thổi ngạt 2 lần, ép tim 15 lần (nếu chỉ có 1 người làm), phải làm khẩn trương, liên tục, kiên trì, khi nào nạn nhân tự thở được, tim đập lại mới dừng.

\* Đề phòng

- Phải bảo đảm an toàn, không để xảy ra tai nạn trong quá trình lao động, luyện tập.

- Phải duy trì đều đặn chế độ làm việc, nghỉ ngơi, tránh làm việc căng thẳng, quá sức.

- Phải rèn luyện sức khỏe thường xuyên, nên rèn luyện từ thấp đến cao, từ dễ đến khó, tạo cho cơ thể có thêm khả năng thích ứng dần với mọi điều kiện của môi trường.

**4. Điện giật**

***a) Đại cương***

Điện giật có thể làm tim ngừng đập, ngừng thở, gây chết người nếu không được cấp cứu kịp thời. Việc cứu sống nạn nhân chủ yếu do thân nhân, người xung quanh và chỉ có tác dụng trong những phút đầu, do đó mọi người cần phải biết cách cấp cứu điện giật.

***b) Triệu chứng***

- Có thể tim ngừng đập, ngừng thở và gây tử vong nêu không cấp cứu kịp thời.

- Gây bỏng, có thể bỏng rất sâu, đặt biệt do điện cao thế.

- Gãy xương, sai khớp và tổn thương các phủ tạng do ngã.

***c) Cấp cưu ban đầu và cách đề phòng***

- Cấp cứu ban đầu:

+ Khi còn nguồn điện phải nhanh chóng cắt cầu dao, bỏ cầu chì, dùng sào đẩy dây điện khỏi người bị nạn. Nếu cầm tay, chân nạn nhân kéo ra, người cấp cứu phải đi guốc, giày, dép khô và dùng vật cách điện lót tay.

+ Khi đã tách khỏi nguồn điện, xem ngay tim nạn nhân còn đập không và còn thở không. Nếu không thở, tim không đập phải làm hô hấp nhân tạo và áp tim ngoài lồng ngực ngay, trước đó có thể đập vùng tim, vùng ngực để kích thích.

+ Khi nạn nhân đã thở được và ti dã đập lại thì nhanh chóng chuyển đến bệnh viện gần nhất. Có thể vừa chuyển trên xe vừa làm hô hấp nhân tạo và ép tim ngoài lồng ngực.

- Các đề phòng:

+ Chấp hành nghiêm các quy định về sử dụng điện.

+ Các thiết bị sử dụng điện phải bảo đảm an toàn.

+ Các ổ cấm điện phải đặt xa tầm với của trẻ em.

**5. Ngộ độc thức ăn**

***a) Đại cương***

**-** Ngộ độc thức ăn rất hay gặp ở những nước nghèo, chập phát triển và các nước nhiệt đới. Ngộ độc thức ăn do nhiều nguyên nhân khác nhau như:

+ Ăn phải nguồn thực phẩm đã bị nhiễm khuẩn: thức ăn ôi, thiu, thịt sống, tái, thịt hộp hỏng, rau sống, hoa quả, nguồn nước… bị ô nhiễm, không được xử lí kĩ trong quá trình chế biến thức ăn.

+ Ăn phải nguồn thực phẩm có chứa sẵn chất độc: nấm độc, sắn…

+ Ăn phải một số thực phẩm dễ gây dị ứng tùy thuộc cơ địa từng người: tôm, cua, dứa…

- Ở nước ta, thường xảy ra vào mùa hè, gây nên những vụ dịch nhỏ, tản phát, có liên quan đến các tập thể: Đơn vị bộ đội, nhà trẻ, một gia đình hoặc một số gia đình trong cùng thôn, xóm…cũng có khi gây thành vụ dịch lớn do môi trường bị ô nhiễm nặng.

***b) Triệu chứng.***

- Người bị nhiễm độc thức ăn thường xuất hiện với ba hội chứng điển hình là:

+ Hội chứng nhiễm khuẩn, nhiễm độc: sốt 38-390C, có rét run, nhức đầu, mệt mỏi, có khi mê sảng, co giật, hôn mê.

+ Hội chứng viêm cấp đường tiêu hóa: đau bụng vùng quanh rốn, đôi khi lan tỏa khắp ổ bụng, đau quặn bụng. Buồn nôn, nôn nhiều lần trong ngày, nôn ra nước lẫn thức ăn, ỉa chảy nhiều lần, nhiều nước như tháo ra, đôi khi lẫn thức ăn chưa tiêu.

+ Hội chứng mất nước, điện giải: khát nước, môi khô, mắt trũng, gầy sút, mạch nhanh, huyết áp hạ, bụng chướng, chân tay lạnh.

- Với cơ thể khỏe mạnh thường khỏi sau 2-3 ngày, đôi khi ỉa lỏng có thể kéo dài hàng tuần. Với trẻ nhỏ, người già yếu rất dễ gây biến chứng nguy hiểm.

- Ngộ độc nấm:

+ Các triệu chứng đau bụng, nôn, ỉa chảy thường xuất hiện dữ dội, kéo dài hàng ngày làm nạn nhân mất nhiều nước, da khô, khát nước, gầy sút nhanh.

+ Tùy loại nấm độc, có người lả đi, có người thần kinh bị kích thích, nói lung tung như người say rượu, mắt mờ dần. Trường hợp nặng có thể chết do biến chứng tim mạch và thần kinh.

- Ngộ độc sắn:

+ Các triệu chứng thường xuất hiện 4-5 giờ sau khi ăn, có khi muộn hàng ngày sau.

+ Thoạt đầu nạn nhân thấy chóng mặt, nhức đầu, choáng váng, người rạo rực khó chịu, sắc mặt tím tái, khó thở.

+ Sau đó xuất hiện đau quặn bụng, nôn nhiều lần, người rất mệt.

Trường hợp nặng các triệu chứng tăng lên, người mệt lả, lịm dần rồi hôn mê, có thể chết vì trụy tim mạch.

- Dị ứng do ngộ độc dứa:

Các triệu chứng xuất hiện rất sớm chỉ vài phút đến 1 giờ sau khi ăn :

+ Đau bụng dữ dội, nôn và ỉa chảy rất nhiều lần trong ngày.

+ Ngứa và phát ban khắp người, càng gãi càng ngứa, toàn thân mẩn đỏ và nổi lên các nốt ban. Có khi tạo thành từng mảng đỏ hồng bằng đồng xu, mi mắt sưng húp, bàn tay căng mọng.

+ Trường hợp nhẹ có thể một vài ngày sẽ khỏi, trường hợp nặng có thể hôn mê rồi chết.

***c) Cấp cứu ban đầu và đề phòng.***

\* Cấp cứu ban đầu: Đối với tất cả các trường hợp ngộ độc thức ăn, biện pháp xử trí cấp cứu chung là:

- Chống mất nước:

+ Chủ yếu cho truyền dịch mặn, ngọt đẳng trương 1-2 lít. Chú trong đặc biệt với trẻ nhỏ và người già.

+ Nếu không có điều kiện truyền được, cho uống nhiều nước gạo rang có vài lát gừng.

+ Ngộ độc nấm nên cho uống nước đường, muối hoặc có thể cho uống bột than gỗ đã tán nhỏ (than hoạt).

+ Ngộ độc sắn nên cho uống nước đường, sữa, nước mật mía, mật ong…

- Chống nhiễm khuẩn: Thông thường cho uống Ganidan, Cloroxit, hoặc có thể dùng một số loại kháng sinh như: Amplicilim, Bactrim (cẩn thận với trẻ nhỏ).

- Chống trụy tim mạch và trợ sức: Chủ yếu dùng long não, vitamin B1, C. Ngoài ra có thể dùng thêm các thuốc hạ sốt, an thần.

- Cho nhịn ăn hoặc ăn lỏng 1-2 bữa để ruột được nghỉ ngơi.

Nói chung các loại ngộ độc thức ăn không nên dùng các loại thuốc chống nôn và ỉa chảy, vì đó là phản ứng của cơ thể để thải chất độc ra ngoài (trừ trường hợp ngộ độc nặng và kéo dài). Với các trường hợp ngộ độc nấm, sắn, phải cho nôn hết các phần thức ăn còn lại trong dạ dày, bằng mọi biện pháp: kích thích họng, dùng thuốc gây nôn…

Trường hợp ngộ độc nặng và các loại gây độc nguy hiểm: nấm, sắn, cần chuyển ngay đến các cơ sở y tế để kịp thời cứu chữa.

\* Đề phòng:

- Phải đảm bảo tốt vệ sinh môi trường.

- Phải đảm bảo tốt khâu vệ sinh công nghiệp thực phẩm và nội trợ. Chấp hành đầy đủ 10 điều quy định của bộ Y tế về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Không nên để những người đang mắc các bệnh đường tiêu hóa, ngoài da, viêm tai, mũi, họng…làm công việc chế biến thức ăn, trông trẻ…

- Với cá nhân chủ yếu giữ vệ sinh ăn uống :

+ Không ăn rau sống, quả xanh, không uống nước chưa đun sôi.

+ Không ăn sống, tái, ăn các thức ăn đã ôi, thiu, đồ hộp đã hỏng.

+ Phải bảo quản kĩ, không để ruồi, nhặng đậu vào thức ăn.

+ Không ăn nấm tươi, các loại nấm có hại hoặc nấm lạ.

+ Nên ngâm sắn tươi vào nước 1 buổi trước khi luộc ăn.

**6. Chết đuối**

***a) Đại cương***

- Chết đuối còn gọi là ngạt nước, một tai nạn thường gặp ở nước ta, nhất là về mùa hè. Người không biết bơi khi ngã xuống nước, bị nước nhấn chìm chỉ sau 2-3 phút sẽ ngạt thở.

- Việc cứu sống nạn nhân chủ yếu là nhờ những người có mặt tại nơi tai nạn xảy ra, nếu có thầy thuốc tại chỗ, thì đó là sự tình cờ may mắn. Thấy thuốc ở bệnh viện chỉ điều trị tiếp đề phòng chống những biến chứng. Vì thế, việc cấp cứu tại chỗ là quyết định.

***b) Triệu chứng***

Nạn nhân có thể ở trong tình trạng:

- Giãy giụa, sặc trào nước, tim còn đập: trường hợp này nêu cấp cứu tốt, hầu như được cứu sống.

- Khi đã mêm man, tím tái khó cứu hơn. Tuy nhiên, vẫn còn hi vọng vì tim mới ngừng đập.

- Khi da nạn nhân đã trắng bệch hoặc tím xanh, đồng tử đã dãn rộng thì còn rất ít hi vọng.

***c) Cấp cứu ban đầu và cách đề phòng***

\* Cấp cứu bạn đầu:

- Vớt nạn nhân đang trôi nổi trên dòng nước bằng các phương tiện như phao, ném vật nổi hoặc dùng sào gậy để nạn nhân nắm lấy rồi kéo vào bờ, hoặc bơi lựa chiều phía sau để nắm tóc nạn nhân kéo vào bờ.

- Nếu nạn nhân đã mê thì nắm tóc, nắm tay, kéo chân hoặc vác, rồi bơi đưa vào bờ.

- Khi đưa được nạn nhân lên bờ:

+ Nhanh chóng dóc nước ra khỏi dạ dày bằng cách cầm chân dốc ngược đầu xuống nếu là trẻ em hoặc ác lên vai chạy xóc nếu là người lớn.

+ Móc đất, bùn, đờm, dãi, lấy răng giả (nếu có) ra khỏi miệng.

+ Hô hấp nhân tạo, kiên trì làm khoảng 20-30 phút.

+ Khi tự thở được nhưng còn hôn mê, phải để nạn nhân ở tư thế nằm nghiêng đầu về một bên để đường thở lưu thông và tránh hiện tường trào ngược.

+ Nhanh chóng, chuyển nạn nhân tới bệnh viện để được điều trị tiếp

\* Cách đề phòng

- Chấp hành nghiêm các quy định về giao thông đường thủy và những quy định khi làm việc, luyện tập ở dưới nước.

- Tập bơi, nhất là những người thường xuyên lao động, luyện tập ở môi trường nước như sông, suối, ao, hồ, biển…

- Quản lí tốt trẻ em, không để trẻ em chơi đùa gần ao, hồ, sông, suối…

**7. Say sóng, say ô tô, say máy bay**

***a) Đại cương***

- Ở nước ta, với khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, khi lao động sinh hoạt ở môi trường nóng, nắng thường xảy ra say nóng, say nắng. Việc phòng say nóng, say nắng là rất cần thiết.

- Say nóng, say nắng là tình trạng rối loạn điều hòa nhiệt độ do môi trường nóng, nắng gây nên, cơ thể không còn tự điều hòa nhiệt độ được nữa.

***b) Triệu chứng***

- Triệu chứng xảy ra sớm nhất là tình trạng chuột rút. Trước hết ở tay, chân, sau đó đến các cơ ở lưng, bụng.

- Tiếp theo là nhức đầu, chống mặt, mệt mỏi, chân tay rã rời, khó thở.

- Triệu chứng say nóng điển hình thể hiện như sau:

+ Sốt cao 40-420C.

+ Mạch nhanh 120-150 lần/phút.

+ Thở nhanh trên 30 nhịp/phút.

+ Choáng váng, buồn nôn, sợ ánh sáng, nặng hơn có thể ngát, hôn mê, có thể kích động mê sảng, co giật như động kinh.

***c) Cấp cứu ban đầu và đề phòng***

**\*** Cấp cứ ban đầu:

- Đưa nạn nhân vào nơi thoáng mát, bóng râm.

- Cởi bỏ quần áo, kể cả đồ lót để thông thoáng và dễ thở.

- Quạt mát, chườm lạnh bằng khăn ướt mát hoặc xoa cồn 450.

- Cho uống nước đường và muối, tốt nhất là dùng nước orezol hoặc nước đường chanh, muối.

Những trường hợp nặng hơn như hôn mê, co giật, sau khi sơ cứu phải đượcchuyển đến bệnh viện để cứu chữa kịp thời.

\* Cách đề phòng

- Không làm việc, luyện tập và thi đấu thể thao dưới trời nắng gắt.

- Nếu buộc phải làm việc ở những nơi nắng, nóng phải đảm bảo thông gió tốt, đội mũ nón khi trời nắng.

- Ăn, uống đủ nước, đủ muối khoáng.

- Luyện tập để làm quen và thích nghi với môi trường nắng, nóng.

**8. Nhiễm độc lân hữu cơ.**

***a) Đại cương***

***-*** Lân hữu cơ là các hợp chất hóa học như: Tiôphốt,Vôphatốc…dùng để trừ sâu bọ, côn trùng, nấm có hại. Trong nông nghiệp càng ngày càng được sử dụng rộng rãi, phổ biến.

***-*** Do không tôn trọng nguyên tắc trong quá trình sử dụng và bảo quản nên đã để xảy ra những tai nạn đáng tiếc, những trường hợp nhiễm độc nặng gây chết người. Chất lân xâm nhập vào cơ thể bằng đường hô hấp, đường tiêu hóa và đường trực tiếp qua da.

***b) Triệu chứng***

- Trường hợp nhiễm độc cấp: Nạn nhân thấy lợm giọng, nôn mửa, đau quặn bụng, tiết nhiều nước bọt, vã mồ hôi, khó thở, đau đầu, đau các cơ, rối loạn thị giác… đặc biệt là đồng tử co hẹp, có khi chỉ nhỏ bằng đầu đinh ghim. Dấu hiệu này có thể giúp ta chẩn đoán, đáng giá được mức độ nặng nhẹ của nhiễm độc và theo dõi được kết quả điều trị.

- Trường hợp nhiễm độc nhẹ: Các triệu chứng trên xuất hiện muộn và nhẹ hơn, nếu được cấp cứu kịp thời sẽ giảm dần, sau một tuần có thể khỏi.

***c) Cấp cứu ban đầu và đề phòng***

- Cấp cứu ban đầu:

+ Nhanh chóng dùng thuốc giải độc đặc hiệu. Chủ yếu dùng Atrophin liều cao.

+ Nếu thuốc vào đường tiêu hóa bằng mội biện pháp gây nôn.

+ Nếu thuốc qua da, phải rửa bằng nước vôi trong, nước xà phòng.

+ Nếu thuốc vào mắt, rửa mắt bằng nước muối.

+ Nếu có điều kiện dùng thuốc trợ tim mạch, trợ sức: cafein, coramin, vitamin B1, C…cấm dùng mocphin.

+ Chuyển ngay đến các cơ sở y tế để kịp thời cứu chữa.

- Đề phòng:

+ Chấp hành đúng các quy định, chế độ vận chuyển, bảo quản, và sử dụng.

+ Khi phun thuốc trừ sâu phải : pha đúng liều lượng, có các phương tiện để bảo vệ (quần áo, mũ lao động, khẩu trang, găng tay…) quay lưng về hướng gió, và chỉ nên phun 10 phút phải nghỉ, sau đó mới tiếp tục phun.

+ Không dùng thuốc trừ s6u để chữa ghẻ, diệt chấy, rận…

+ Khi tiếp xúc với thuốc trừ sâu không được ăn, uống, hút thuốc. Sau khi làm việc xong phải thay quần áo, tắm rửa sạch sẽ bằng nước xà phòng.

**II. BĂNG VẾT THƯƠNG**

**1. Mục đích**

***a) Bảo vệ cho vết thương khỏi bị ô nhiễm.***

Băng kín, băng sớm vết thương có tác dụng ngăn cản, hạn chế vi khuẩn từ môi trường xung quanh xâm nhập vào vết thương, góp phần làm cho vết thương mau lành.

***b) Cầm máu tại vết thương.***

Máu có ở khắp cơ thể sẽ theo vết thương ra ngoài, nhất là các vết thương giật nát lớn, máu chảy nhiều, nếu được băng ép chặt sẽ hạn chế việc mất máu góp phần tạo cho cơ thể mau hồi phục.

***c) Giảm đau đớn cho nạn nhân.***

Vết thương khi đã băng, chống được sự cọ sát, va quẹt gây đau đớn, làm cho vết thương được yên tĩnh trong quá trình vận chuyển***.***

**2. Nguyên tắc băng.**

***a) Băng kín, băng hết các vết thương.***

Khi băng các vết thương phải bình tĩnh quan sát, kiểm tra kĩ để băng đúng chỗ bị thương, không bỏ sót vết thương, nhất là khi băng trong điều kiện trời tối hoặc khi có nhiều người bị thương.

***b) Băng chắc (đủ độ chặt)***

- Không băng lỏng vì quá trình vận chuyển sẽ làm băng dễ tuột, phải băng đủ chặt để bảo vệ vết thương, vừa có tác dụng cầm máu, nhưng cũng không băng quá chặt gây cản trở quá trình lưu thông máu.

- Trước hết phải cởi, xắn quần, áo để bộc lộ vết thương, dùng băng đã diệt khuẩn để băng, không dùng các vật bẩn đắp phủ lên vết thương, không băng trực tiếp vào cả quần, áo của người bị thương.

***c) Băng sớm, băng nhanh, đúng quy trình thao tác kĩ thuật.***

- Phải băng ngay sau khi bị thương, tốt nhất là người bị thương tự băng, hoặc người xung quanh băng giúp. Băng càng sớm càng hạn chế được sự ô nhiễm và mất máu tại vết thương.

- Phải băng nhanh để khẩn trương đưa người bị thương về các tuyến y tế cứu chữa.

- Không làm ô nhiễm thêm vết thương. Tránh sai sót kĩ thuật như dùng tay bẩn sờ vào vết thương hoặc dùng lá cây, vải bẩn…đắp phủ lên vết thương.

**3. Các loại băng**

Có nhiều loại băng được sử dụng để băng vết thương như băng cuộn, băng cá nhân, băng tam giác, băng bốn dải…

- Băng cá nhân: là loại băng đã được tiệt trùng, có sẵn gạc bông và băng. Ngoài cùng là lớp vải cao su hoặc nhựa tổng hợp đưucọ dán kín để bảo vệ cho băng không bị thấm nước và nhiễm khuẩn; giữa là lớp giấy bọc, trong cùng là một cuộn băng dài khoảng 4m, 1 kim băng và 2 miếng gạc.

- Băng cuộn: là loại băng làm bằng vải xô mềm hoặc vải mỏng mềm. Băng cuộn thường có kích thước rộng 6-8cm, dài 4-5cm.

- Băng tam giác: là loại băng làm bằng vải hình tam giác có đỉnh ba dải ở ba góc. Băng tam giác có nhiều kích thước khác nhau, loại thường dùng có kích thước chiều dài 1m, chiều cao 0,5m. Băng tam giác có ưu điểm là băng nhanh, băng được nhiều bộ phận cơ thể bị thương nhưng có nhược điểm là băng không chặt nên tác dụng cầm máu kém.

**4. Kĩ thuật băng vết thương.**

***a) Các kiểu băng cơ bản:***

Có nhiều kiểu băng khác nhau: Băng vòng xoắn, băng số 8, băng chữ nhân, băng vành khăn, băng đầu...Trong điều kiện cần băng ngay cho người bị thương tại nơi bị thương, bị nạn đòi hỏi phải sử dụng những kiểu băng đơn giản, nhanh và chắc. Thực tế thường áp dụng một số kiểu băng cơ bản sau:

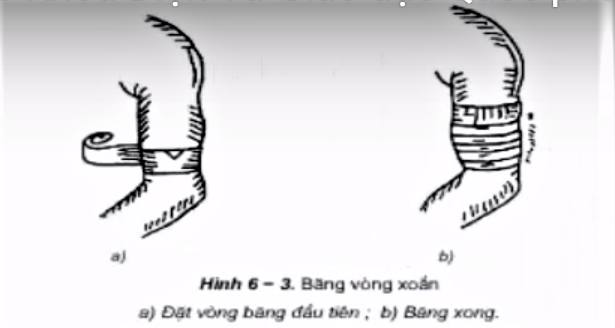
- Băng vòng xoắn: là đưa cuộn băng đi nhiều vòng theo hình xoắn lò xo.

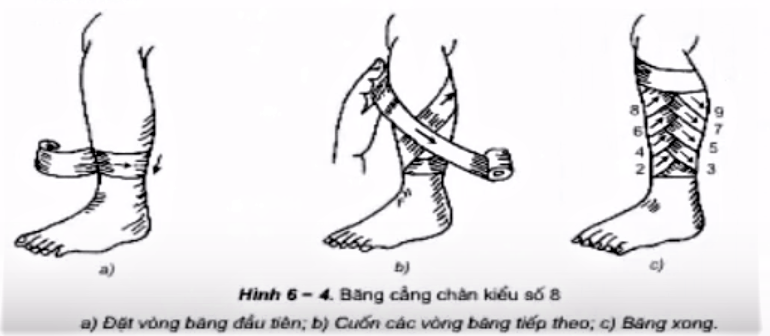
+ Đặt đầu ngoài cuộn băng ở dưới vết thương (sau khi đã đặt miếng gạc phủ kín vết thương), tay trái giữ đầu cuộn băng, tay phải cầm cuộn băng ngửa lên trên

+ Đặt hai vòng đầu tiên đè lên nhau để giữ chặt đầu băng, cuốn nhiều vòng cho đến khi kín toàn bộ vết thương.

+ Cố định vòng cuối cảu băng bằng cách: gài kim băng, xé đôi đầu cuộn băng hoặc gấp một vòng ngược lại tạo thành hai dải để buộc ở phía trên vết thương.

Băng vòng xoắn đơn giản, dễ bưng, chủ yếu để băng các đoạn chi hình trụ có các vòng tương đối đều nhau, băng sẽ không bị tuột.



- Băng số 8: là đưa cuộn băng đi nhiều vòng theo hình số 8, có hai vòng đối xứng. Băng số 8 phức tạp hơn băng vòng xoắn, nhưng chắc và thích hợp khi bưng ở nhiều vị trí khác nhau như vai, nách, mông, bẹn, khuỷu, gối, gót chân…Tùy vị trí vết thương má cách đưa cuộn băng theo hình số 8 khác nhau.

Trong tất cả các kiểu băng, bao giờ vòng băng sau cũng đè lên 2/3 vòng băng trước, cuốn các vòng băng theo hướng từ dưới lên trên, cách đều nhau và chặt vừa phải.

Thông thạo hai kiểu băng này sẽ dễ dàng băng được tất cả các bộ phận của cơ thể.

***b) Áp dụng cụ thể các kiểu băng***

Có nhiều loại băng được sử dụng để băng vết thương: Băng cuộn, băng cá nhân, băng bốn dải…, song băng cuộn hoặc băng cá nhân có thể sử dụng để băng tất cả các bộ phận của cơ thể, từ chỗ đễ đến chỗ phức tạp nhất.

\* Băng các đoạn chi: Băng cánh tay, cẳng tay, đùi, cẳng chân thường vận dụng kiểu băng vòng xoắn hoặc băng số 8

- Băng cẳng chân:

+ Đưa hai vòng đè lên nhau để cố định đầu băng.

+ Đưa cuộn băng đi nhiều vòng theo kiểu vòng xoắn hoặc số 8.

+ Buộc hoặc gài kim băng để cố định vòng cuối của băng.

+ Có thể gấp mảnh vải, khăn vuông…thành hình tam giác hay cánh én, sau đó đặt thẳng sát với đoạn chi, cuốn như cuốn xà cạp rồi buộc cố định.

\* Băng vai, nách: vận dụng kiểu băng số 8.

- Băng vai:

+ Đặt hai vòng cố định đầu tiên của băng ở đầu trên cánh tay bị thương (sát hõm nách).

+ Đưa cuộn băng di chuyển theo hình số 8, hai vòng cuốn dưới hai nách, bắt chéo nhau ở dưới vùng vai bị thương.

+ Buộc hoặc gài kim băng cố định vòng cuối của băng.



+ Có thể gấp mảnh vải, khăn vuông…thành hình cánh én phủ vào vai bị thương, đường gấp ở dưới, hai cánh én hướng lên trên; vòng hai đầu băng gấp buộc quanh cánh tay, đưa hai cánh én ra trước ngực và sau lưng rồi buộc ở nách bên lành.

- Băng mông, bẹn vận dụng như cách băng vai, nách.



\* Băng vùng gối - gót chân - vùng khuỷu: vận dụng kiểu băng số 8

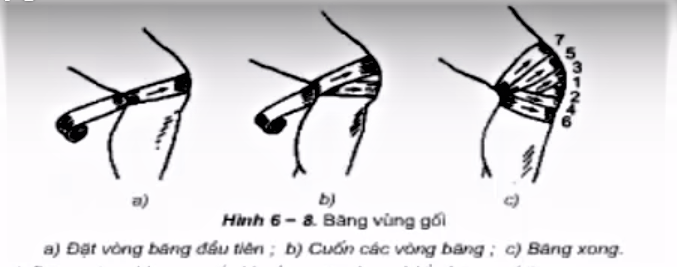
- Băng vùng gối:

+ Đặt hai vòng qua gối (xướng bánh chè) để cố định đầu băng.

+ Đưa cuộn băng cuốn quanh gối một vòng đi dần lên phía trên, một vòng đi dần xuống phía dưới gối cho đến khi kín vết thương.

+ Buộc hoặc gài kim băng cố định vòng cuối của băng.

- Băng gót chân, vùng khuỷu giống băng vùng gối.



\* Băng vùng khoeo, nếp khuỷu: vận dụng kiểu băng số 8

- Băng vùng khoeo:

+ Đặt hai vòng ở đầu trên cẳng chân, cố định đầu băng.

+ Đưa cuộn băng bắt chéo qua khoeo lên trên gối, băng vòng tròn ở trên gối lại rồi lại bắt chéo qua khoeo xuống cẳng chân, cứ băng liên tiếp như vậy cho đến khi kín vết thương.

+ Buộc hoặc gài kim băng cố định vòng cuối của băng.

- Băng nếp khuỷu giống như băng khoeo

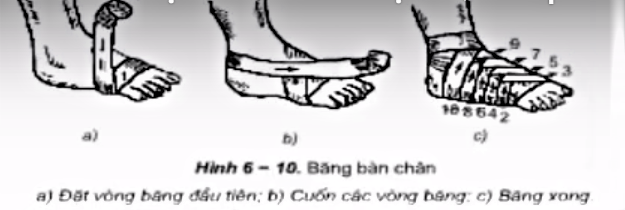
\* Băng bàn chân, bàn tay: vận dụng kiểu băng số 8

- Băng vùng chân:

+ Đặt hai vòng cố định đầu băng ở sát đầu ngón chân.

+ Đưa cuộn băng đi theo hình số 8, vòng sau cổ chân và bắt chéo ở mu bàn chân.

- Băng bàn tay giống như băng bàn chân nhưng đường bắt chéo cảu băng là ở gan bàn tay.



\* Băng vùng đầu, cổ, mặt .

- Băng trán: vận dụng kiểu băng vòng tròn hình vành khăn.

+ Đặt hai vòng cố định đầu băng từ trước trán ra sau gáy.

+ Đưa cuộn băng đi theo vòng tròn quanh trước trán và sau gáy sao cho đường băng ở trước trán nhích dần từ trên xuống dưới, đường băng ở sau gáy nhích dần từ dưới lên trên.

+ Buộc hoặc gài kim băng cố định đầu cuối của băng.



- Băng một bên mắt: vận dụng kiểu băng số 8

+ Đặt hai vòng quanh trán để cố định đầu băng.

+ Đưa cuộn băng một vòng quanh trán, một vòng bắt chéo qua mắt bị thương, băng liên tiếp như vậy cho đến khi kín vết thương.

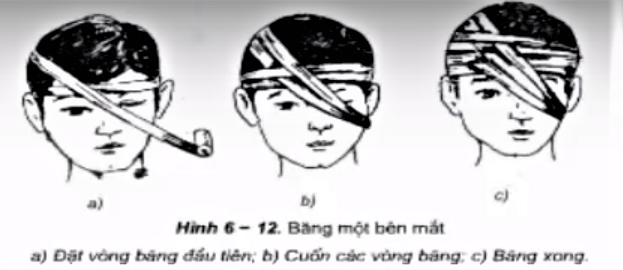
+ Buộc hoặc gài kim băng cố định vòng cuối của băng.

- Băng đầu kiểu quai mũ: vận dụng kiểu băng số 8

+ Trường hợp lòi não ra ngoài, không được nhét vào bên trong vết thương, phải cuốn gạc thành vòng tròn như vành khăn bao quanh vết thương, phủ gạc kín vết thương.

+ Buộc đầu ngoài của băng vào vai trái làm điểm tựa.

+ Đưa cuộn băng vắt ngang đầu, từ trái sang phải, làm một vòng xoắn ở mang tai phải (đường chuẩn).

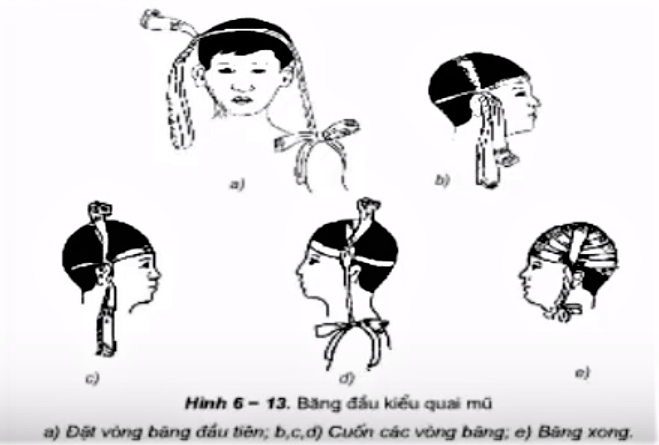


+ Đưa cuộn băng đi một vòng tròn quanh đầu (đường cố định).

+ Lần lượt đưa các đường băng qua đầu từ phải sang trái và từ trái sang phải, xoắn qua hai đầu băng ở hai bên mang tai, các đường băng nhích dần từ đường giữa đỉnh đầu ra trước trán và sau gáy cho đến khi kín đầu.

+ Buộc đầu cuối của băng với đầu băng chờ ở vai trai qua mũ dưới cằm như quai mũ.

Băng đầu kiểu quai mũ dễ làm, chỉ cần một cuộn băng, nhưng chắc chắn không bị tuột băng.



Có thể gấp mảnh vải, khăn vuông…thành hình tam giác, đặt cạnh huyền ngang trước trán, đình vắt qua đầu ra sau gáy rồi buộc ở phía trước trán.



**KẾT LUẬN**

Bài “ Cấp cứu ban đầu các tai nạn thông thường và băng bố vết thương” giảng cho học sinh biết được nguyên nhân, triệu chứng, cách cấp cứu ban đầu và dự phòng một số tai nạn thường gặp bằng các biện pháp đơn giản. Giúp học sinh hiểu được mục đích, nguyên nhân băng vết thương, các loại băng và kĩ thuật các kiểu băng cơ bản. Giúp học sinh biết cách xử lí đơn giản ban đầu các tai nạn thông thường; biết băng vết thương bằng băng cuộc và ứng dụng các phương tiện sẵn có tại chỗ. Vận dụng linh hoạt các kĩ thuật cấp cứu, băng bó vào trong thực tế cuộc sống, sẵn sàng tham gia vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**Ý ĐỊNH LUYỆN TẬP TỪNG NỘI DUNG**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **THỜI GIAN** | **TỔ CHỨC** | **PHƯƠNG PHÁP** | **ĐỊA ĐIỂM** | **VẬT CHẤT** | **KÝ TÍN HIỆU** |
| - Vấn đề huấn luyện 1: Cấp cứu ban đầu các tai nạn thông thường. | 60 phút | - Cá nhân và tổ (tiểu đội) để ôn luyện. | - Phương pháp:  +Tự nghiên cứu động tác 10p  + Thực hiện động tác. | - Cả lớp: vị trí A  - Tổ 1: vị trí B  - Tổ 2: vị trí C  - Tổ 3: vị trí D | Giáo án | - Nghe nhiều tiếng cò: tập trung ở vị trí A  - Nghe 2 tiếng còi: giải tán |
| - Vấn đề huấn luyện 2: Băng vết thương. | 60 phút | - Cá nhân và tổ (tiểu đội) để ôn luyện. | - Phương pháp:  +Tự nghiên cứu động tác 10p  + Thực hiện động tác | - Cả lớp: vị trí A  - Tổ 1: vị trí B  - Tổ 2: vị trí C  - Tổ 3: vị trí D | Giáo án | - Nghe nhiều tiếng cò: tập trung ở vị trí A  - Nghe 2 tiếng còi: giải tán |

*Ngày ... tháng .... năm 2019*

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**GIÁO VIÊN**

**KẾ HOẠCH GIẢNG BÀI**

**PHÊ DUYỆT** Môn học: **Giáo Dục Quốc Phòng\_An Ninh**

*Ngày…….tháng…….năm……*  Bài: **Cấp cứu ban đầu các tại nạn thông**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG thường** **và băng bó vết thương**

Đối tượng: **Học sinh lớp 10**

Năm học: **2019-2020**

**Phần I**

**Ý ĐỊNH HUẤN LUYỆN**

**I.** **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**A. MỤC ĐÍCH**

- Giảng cho học sinh biết được nguyên nhân, triệu chứng, cách cấp cứu ban đầu và dự phòng một số tai nạn thường gặp bằng các biện pháp đơn giản.

- Giúp học sinh hiểu được mục đích, nguyên nhân băng vết thương, các loại băng và kĩ thuật các kiểu băng cơ bản.

- Giúp học sinh biết cách xử lí đơn giản ban đầu các tai nạn thông thường; biết băng vết thương bằng băng cuộc và ứng dụng các phương tiện sẵn có tại chỗ.

- Vận dụng linh hoạt các kĩ thuật cấp cứu, băng bó vào trong thực tế cuộc sống, sẵn sàng tham gia vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**B. YÊU CẦU**

**-** Nắm vững kỹ thuật động tác.

- Học đến đâu vận dụng thực hành đến đó.

- Tập luyện nghiêm túc, hàng ngũ chỉnh tề và có trật tự.

**II. NỘI DUNG VÀ TRỌNG TÂM**

**A. NỘI DUNG:**

- Vấn đề huấn luyện 1: Cấp cứu ban đầu các tai nạn thông thường

- Vấn đề huấn luyện 2: Băng vết thương

**B. TRỌNG TÂM**

Băng vết thương

**III. THỜI GIAN**

Tổng số: 5 tiết

- Lên lớp lý thuyết: 2 tiết

- Giới thiệu động tác và đội mẫu.

- Ôn luyện: 2 tiết

- Hội thao, kiểm tra đánh giá: 1 tiết

**IV. TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP**

**A. TỔ CHỨC**

- Lấy lớp học làm đơn vị để giảng dạy.

**-** Lấy tổ, tiểu đội để ôn luyện

**B. PHƯƠNG PHÁP**

1. Giáo viên:

- Dùng phương pháp diễn giải và phương pháp trực quan sinh động để lên lớp. Diễn giải tới đâu thì phân tích và làm động tác tới đó.

- Tiến hành làm mẫu động tác theo 3 bước:

+ Làm nhanh – giúp cho học sinh nắm được khái quát động tác.

+ Làm chậm có phân tích (vừa nói và thực hiện động tác).

+ Làm tổng hợp để hoàn chỉnh động tác.

2. Học sinh:

- Nghe, nhìn động tác mẫu của giáo viên.

- Tập từng cử động của động tác.

- Hoàn thiện động tác đã tập.

- Thường xuyên tự rèn luyện và nang cao các kỹ năng kỹ xảo của động tác.

3. Kiểm tra, đánh giá:

- Sau ôn luyện kiểm tra, đánh giá từng người của từng nội dung.

- Gọi vài học sinh làm tốt và không tốt lên thực hiện động tác để phân tích và sửa sai cho những học sinh còn yếu để các em tự luyện tập thêm.

**V. THÀNH PHẦN NGƯỜI HỌC**

Học sinh lớp 10

**VI. ĐỊA ĐIỂM**

Sân trường THCS – THPT NAM VIỆT

**VII. VẬT CHẤT**

**A. GIÁO VIÊN:** Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, bài giảng.

**B. HỌC SINH:** Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, vở, viết, trang phục TDTT của trường, đi giày bata.

**Phần II**

**THỰC HÀNH BÀI GIẢNG**

**I. THỦ TỤC BÀI GIẢNG**: 5 phút

1. Nhận lớp

- Ổn định lớp

- Kiểm tra trang phục.

- Điểm danh nắm sỉ số lớp.

- Chào báo cáo cấp trên (nếu có).

2. Phổ biến các quy định:

- Học tập nghiêm túc, không làm chuyện riêng trong giờ học.

- Tích cực phát biểu, xây dựng bài.

- Ghi chép bài vở đầy đủ.

3. Phổ biến ý định bài giảng: Tìm hiểu về bài “CẤP CỨU BAN ĐẦU CÁC TAI NẠN THÔNG THƯỜNG VÀ BĂNG BÓ VẾT THƯƠNG”

**II. TRÌNH TỰ GIẢNG BÀI:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ tự, nội dung | Thời gian | | | Địa điểm | Phương pháp | | | Vật chất |
| Tổng | Ngày | Đêm | Giáo viên | Học sinh | Phục vụ |
| MỞ ĐẦU | 10 phút |  |  |  | - Nhận lớp: nắm sỉ số.  - Kiểm tra tác phong.  - Phổ biến các quy định.  - Phổ biến bài giảng. | - Ổn định trật tự.  - Nghe, nhìn.  - Nếu câu hỏi thắc mắc. |  | Bài giảng. |
| I. VẤN ĐỀ HUẤN LUYỆN 1: CẤP CỨU BAN ĐẦU CÁC TAI NẠN THÔNG THƯỜNG.  1. Bong gân.  2. Sai khớp.  3. Ngất.  4. Điện giật.  5. Ngộ độc thức ăn.  6. Chết đuối.  7. Say sóng, say nắng.  8. Nhiễm độc lân hữu cơ. | 60 phút |  |  |  | - Nêu tên VĐHL 1  - Giảng trường hợp vận dụng.  - Hướng dẫn động tác (làm mẫu theo 3 bước).  - Luyện tập.  - Nhận xét, đánh giá. | - Nghe, theo dõi, nắm chắc phương pháp và trình tự VĐHL 1.  - Tư duy và nêu câu hỏi. |  | Bài giảng. |
| II. VẤN ĐỀ HUẤN LUYỆN 2: BĂNG VẾT THƯƠNG.  1. Mục đích.  2. Nguyên tắc băng.  3. Các loại băng.  4. Kĩ thuật băng vết thương. | 140 phút |  |  |  | - Nêu tên VĐHL 2  - Giảng trường hợp vận dụng.  - Hướng dẫn động tác (làm mẫu theo 3 bước).  - Luyện tập.  - Nhận xét, đánh giá. | - Nghe, theo dõi, nắm chắc phương pháp và trình tự VĐHL 2.  - Tư duy và nêu câu hỏi. |  | Bài giảng. |
| KẾT LUẬN | 5 phút |  |  |  | - Tập trung lớp.  - Hệ thống toàn bài.  - Nêu ưu điểm và khuyết điểm của quá trình học.  - Biểu dương học sinh tốt, động viên học sinh yếu. | - Nghe, quan sát.  - Đánh giá và tự đánh giá bằng phương pháp thảo luận và thực hành động tác. |  | Bài giảng. |

**III. KẾT THÚC BÀI GIẢNG**

- Hệ thống, tóm tắt nội dung chính của bài giảng.

- Giải đáp thắc mắc.

- Giới thiệu tài liệu tham khảo.

- Hướng dẫn nghiên cứu ôn tập.

- Nhận xét lớp học.

- Xuống lớp.

*Ngày…...tháng……năm…….* *Ngày ... tháng .... năm 2019*

**NGƯỜI THÔNG QUA** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TỔ TRƯỞNG GIÁO VIÊN**

**MỞ ĐẦU**

Đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Trong đó thanh niên, học sinh đang học tập tại các trường Trung học phổ thông đóng vai trò hết sức quan trọng.

Căn cứ biên soạn theo:

- Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10 của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sản xuất năm 2016.

- Sách giáo viên Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10 của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sản xuất năm 2016.

**BÀI 7**

**TÁC HẠI CỦA MA TÚY VÀ TRÁCH NHIỆM**

**CỦAHỌC SINH TRONG PHÒNG, CHỐNG MA TÚY**

**I. HIỂU BIẾT CƠ BẢN VỀ MA TÚY**

**1. Khái niệm chất ma túy**

Có nhiều quan điểm khác nhau về ma túy.

- Theo từ điển tiếng Việt: “Ma túy là tên gọi chung cho tất cả các chất có tác dụng gây trạng thái ngây ngất, đờ đẫn, dùng quen thành nghiện”.

- Theo quan điểm của Tổ chức Y tế thế giới (WTO): Ma túy là bất cứ chất nào khi đưa vào cơ thể con người có tác dụng làm thay đổi một số chức năng của cơ thể.

- Theo quan điểm của Liên Hiệp Quốc: Ma túy là những chất có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp, khi xâm nhập vào cơ thể con người có tác dụng thay đổi ý thức và trí tuệ, làm cho con người lệ thuộc vào nó.

- Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 đã xác định rõ: ma túy bao gồm nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa, cao côca; lá, hoa, quả cây cần sa; lá cây côca; quả cây thuốc phiện khô, quả thuốc phiện tươi, heroine, cocaine; chất ma túy khác ở thể lỏng và thể rắn. Chất ma túy khác nêu trong các điều luật, đó là những chất ma túy tuy không nêu tên cụ thể nhưng nó được quy định trong Danh mục chất ma túy và tiền chất được ban hành kèm theo Nghị định 67/2001/NĐ-CP ngày 01/10/2001, Nghị định 133/2003/NĐ-CP ngày 6/11/2003 và Nghị định 163/2007/NĐ-CP ngày 12/11/2007.

Dựa theo các quy định trên, Luật Phòng, chống ma túy của nước ta đã đưa ra khái niệm về chất ma túy như sau:

- “Chất ma túy là chất gây nghiện, chất hướng thần , được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành”.

- “Chất gây nghiện là chất kích thích, ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng”.

- “Chất hướng thần là chất kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đới với người sử dụng”.

**2. Phân loại chất ma túy**

Hiện nay, có rất nhiều cách phân loại chất ma túy. Tuy nhiên, có một số cách phân loại cơ bản như sau:

***a) Phân loại dựa theo nguồn gốc sản xuất ra chất ma túy.***

Theo cách phân loại này, người ta dựa vào nguồn gốc của nguyên liệu dùng để sản xuất và nguồn gốc của sản phẩm tạo thành các chất ma túy. Trong phương pháp này người ta chia ra ba nhóm chất ma túy:

- Chất ma túy có nguồn gốc từ tự nhiên: là chất ma túy có sẵn trong tự nhiên, là những chất ancaloit của một số loài thực vật như cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa...Điển hình cho nhóm này đó là nhựa thuốc phiện, thảo mộc cần sa, tinh dầu cần sa...

- Chất ma túy bán tổng hợp: là chất ma túy mà một phần nguyên liệu dùng để sản xuất ra chúng được lấy từ tự nhiên. Từ những nguyên liệu này người ta cho phản ứng với các chất hóa học (tiền chất) để tổng hợp ra chất ma túy mới. Ma túy bán tổng hợp có độc tính và tác dụng đến tâm lý mạnh hơn so với chất ma túy ban đầu.

Ví dụ: Một số chất ma túy bán tổng hợp như morphine (là chất ma túy có nguồn gốc tự nhiên) cho tác dụng với anhydric axêtic (là hóa chất được điều chế trong phòng thí nghiệm) sẽ tạo thành heroine là chất ma túy bán tổng hợp.

- Chất ma túy tổng hợp: là các chất ma túy mà nguyên liệu dùng để điều chế và các sản phẩm đều được tổng hợp trong phòng thí nghiệm. Có các chất như Amphetamine, metamphetamine,.....,..

***b) Phân loại dựa theo đặc điểm cấu trúc hóa học của chất ma túy.***

Đây là sự phân loại dựa theo đặc điểm cấu trúc hóa học của các chất ma túy. Cách phân loại này ít được sử dụng trong đời sống xã hội, nhưng lại được các nhà khoa học rất quan tâm, nghiên cứu để chuyển hóa từ chất này sang chất khác và đặc biệt tìm ra phương pháp giám định chúng hoặc nghiên cứu các loại thuốc để cai nghiện.

Ví dụ: Heroine, morphine, codeine.....

***c) Phân loại theo mức độ gây nghiện và khả năng bị lạm dụng.***

Theo phương pháp phân loại này, người ta chia chất ma túy ra làm hai nhóm cơ bản:

- Nhóm chất ma túy có hiệu lực cao: Là những chất ma túy có độc tính cao, hoạt tính sinh học mạnh, gây nhiều nguy hiểm cho người sử dụng như heroine, cocaine, ecstasy....

- Nhóm chất ma túy có hiệu lực thấp: Là những chất ma túy có độc tính thấp hơn, mức độ hoạt tính sinh học của chúng cũng thấp, thường là những chất an thần như: diazepam, clordiazepam,....

***d) Phân loại chất ma túy dựa vào tác dụng của nó đối với tâm, sinh lý người sử dụng.***

Theo cách phân loại này, chất ma túy được chia ra các nhóm sau:

- Nhóm chất ma túy an thần (thuốc phiện, morphine, heroine)

- Nhóm chất ma túy gây kích thích (cocaine, amphetamine)

- Nhóm chất ma túy gây ảo giác (cần sa, lysergide).

**3.Các chất ma túy thường gặp.**

***a) Nhóm chất ma túy an thần.***

\* Thuốc phiện

Theo phân loại của phòng thí nghiệm ma túy của Liên Hiệp Quốc thì thuốc phiện có các dạng sau:

- Thuốc phiện sống (còn gọi là thuốc phiện tươi): là nhựa thuốc phiện đông đặc, màu đen sẫm, không tan trong nước được lấy từ quả thuốc phiện, chưa qua một lần chế biến nào nên được gọi là thuốc phiện thô.

- Thuốc phiện chín (còn được gọi là thuốc phiện thô): Là thuốc phiện đã được bào chế từ thuốc phiện sống, bằng phương pháp sấy khô. Được sử dụng nhiều ở Đông Nam Á và được hút là chủ yếu. Là nguyên liệu để điều chế morphine và heroine.

- Xái thuốc phiện: là phần sản phẩm cháy còn lại trong tẩu sau khi thuốc phiện đã được hút.

- Thuốc phiện y tế (còn được gọi là thuốc phiện bột): được chiết xuất và sấy khô trong điều kiện nhiệt độ ổn định, thường có hàm lượng morphine từ 9.5-10.5%.

Hậu quả của việc sử dụng thuốc phiện là tạo ra cảm giác êm dịu, đê mê kéo dài từ 3 đến 6 giờ. Khi đã nghiện thuốc phiện thì suy sụp về sức khỏe, da xám dần, không muốn ăn, ăn không ngon, tiêu hóa kém, người gầy yếu, hốc hác, sợ nước, sợ rượu, đi đứng không vững, thân hình tiều tụy, người nghiện có thể chết do suy tim mạch và kiệt sức.

\* Morphine.

- Morphine là một ancaloit chính là nhựa thuốc phiện. Trong điều kiện bình thường morphine kết tinh dạng bột tinh thể màu trắng, không mùi và có vị đắng.

- Người nghiện morphine nhiều lần thì morphine sẽ tích tụ ở các tế bào sừng như: tóc, móng tay, móng chân. Nếu sử dụng morphine quá liều sẽ dẫn đến bị ngộ độc.

\*Heroine

- Bình thường thì heroine tinh khiết tồn tại ở dạng tinh thể màu, nếu có lẫn tạp chất thì có các màu sắc khác nhau, từ màu trắng đến màu xám, không mùi và có vị đắng.

- Heroine có tác dụng giảm đau mạnh, nhưng độc hơn và gây nguy hiểm nhiều hơn so với morphine. Heroine là chất ma túy nguy hiểm và phổ biến nhất hiện nay.

***b) Nhóm chất ma túy gây kích thích.***

Các chất kích thích hệ thần kinh trung ương còn được gọi là các chất “doping”. Đây là những chất độc mạnh thuộc bảng A, rất nguy hiểm và khả năng gây nghiện cao. Phổ biến là các loại ma túy tổng hợp MDMA, estasy.

***c)Nhóm chất ma túy gây ảo giác.***

\* Cần sa và các sản phẩm của nó.

- Cây cần sa có tên khoa học là: Cannabis – Sativa L., còn có các tên gọi khác nhau: cây gai dầu, cây lanh mèo, cây đại ma, cây lanh mán, cây hỏa ma, cây bồ đà...Sản phẩm của cây cần sa bao gồm: thảo mộc cần sa, nhựa cần sa, tinh dầu cần sa.

- Hiện nay, cần sa là một trong những chất ma túy được sử dụng rất phổ biến. Tác dụng nguy hiểm nhất của cần sa là gây ảo giác, làm cho người sử dụng có nhận thức và hành vi sai lệch. Tùy thuộc vào thần kinh của từng người nghiện mà cần sa có những tác dụng gây ảo giác khác nhau.

\* Lysergide(LSD)

- LSD tồn tại dưới dạng bột tinh thể màu trắng, là một trong những loại ma túy gây ảo giác mạnh nhất mà loài người biết đến. LSD là một chất bán tổng hợp, gây ảo giác rất mạnh và rất nguy hiểm. Chỉ cần dung một lượng nhỏ từ 20-50 microgram là đủ gây ảo giác và hoang tưởng.

**II. TÁC HẠI CỦA MA TÚY**

**1. Tác hại của ma túy đối với bản thân người sử dụng**

- Ma túy được sử dụng dưới nhiều hình thức khác nhau: hút thuốc phiện, cần sa; hít, tiêm chích morphine, heroin, dung dịch thuốc phiện; uống, ngậm các loại ma tuý tổng hợp...

- Chất ma túy khi được đưa vào cơ thể cùng với tác dụng của nó thì đều gây hại nghiêm trọng đối với cơ thể người. Ma túy chính là nguyên nhân phát sinh nhiều loại bệnh tật, hủy hoại sức khỏe của người nghiện. Tuy nhiên, các chất này tác dụng và gây hại đối với sức khỏe như thế nào và ở mức độ nào còn phụ thuộc vào một số yếu tố như: chất ma túy sử dụng và lượng ma túy sử dụng.

***a) Gây tổn hại về sức khỏe***

Ma túy được đưa vào cơ thể theo đường tiêu hóa, đường hô hấp, đường máu, đường tuần hoàn hoặc thẩm thấu qua da, niêm mạc và gây tổn hại trực tiếp cho các cơ quan này.

- Hệ tiêu hóa: Người nghiện luôn có cảm giác no, vì vậy họ không muốn ăn, tiết dịch của hệ tiêu hóa giảm; họ thường có cảm giác buồn nôn, đau bụng, đại tiện lúc lỏng, lúc táo bón.

- Hệ hô hấp: Những đối tượng hút ma túy thường bị viêm mũi. Viêm xoang, viêm đường hô hấp trên và dưới.

- Hệ tuần hoàn: Người nghiện thường bị loạn nhịp, huyết áp tăng, giảm đột ngột, mạch máu bị xơ cứng, đặc biệt là hệ mạch não làm ảnh hưởng đến hoạt động của bộ não. Do việc tiêm chích thường không vô trùng nên dễ dẫn đến nhiễm trùng máu, viêm tắc tĩnh mạch (thường gặp viêm tắc tĩnh mạch hai chi dưới). Có trường hợp viêm tắc tĩnh mạch quá nặng, thầy thuốc phải cưa chân người bệnh để cứu tính mạng hoặc sau khi khỏi sẽ để lại di chứng teo cơ vĩnh viễn.

- Các bệnh về da: Người nghiện ma túy bị rối loạn cảm giác da nên không cảm thấy bẩn, mặt khác họ thường sợ nước, vì vậy họ rất ngại tắm rửa, đây là điều kiện thuận lợi cho các bệnh về da phát triển như ghẻ lở, hắc lào, viêm da...

- Làm suy giảm chức năng thải độc: Trong cơ thể, gan và thận là cơ quan chủ yếu đào thải các chất độc. Khi nghiện ma túy, nhất là heroin hai cơ quan này suy yếu ảnh hưởng đến chức năng thải độc làm các chất độc tích tụ trong cơ thể, càng làm cho gan, thân và toàn cơ thể suy yếu, thường người nghiện hay bị các bệnh như: áp xe gan, viêm gan, suy gan, suy thận...dẫn đến tử vong.

- Đối với hệ thần kinh: Khi đưa ma túy vào cơ thể, ma túy sẽ tác động trực tiếp lên hệ thần kinh trung ương, gây nên tình trạng kích thích hoặc ức chế từng phần ở bán cầu đại não.

- Nghiện ma túy dẫn đến tình trạng suy nhược toàn thân, suy giảm sức lao động.

Nghiện ma túy dẫn đến tình trạng độc ma túy mạn tính, suy nhược toàn thân, người gầy gò, xanh xao, mắt trắng, môi thâm, nước da tái xám, dáng đi xiêu vẹo, cơ thể gầy đét do suy kiệt hoặc phù nề do thiếu dinh dưỡng, rối loạn nhịp sinh học, thức đêm ngủ ngày, sức khỏe giảm sút rõ rệt.

Người nghiện ma túy bị suy giảm sức lao động, giảm hoặc mất khả năng lao động và khả năng tập trung trí óc. Trường hợp sử dụng ma túy quá liều có thể bị chết đột ngột.

***b) Gây tổn hại về tinh thần***

- Các công trình nghiên cứu về người nghiện ma túy khẳng định rằng, nghiện ma túy gây ra một loại bệnh tâm thần đặc biệt. Người nghiện thường có hội chứng quên, hội chứng loạn thần kinh sớm (ảo giác, hoang tưởng, kích động...) và hội chứng loạn thần kinh muộn (các rối loạn về nhận thức, cảm xúc, về tâm tính, các biến đổi về nhân cách đặc trưng cho người nghiện ma túy). Ở trạng thái loạn thần kinh sớm, người nghiện ma túy có thể có những hành vi nguy hiểm cho bản thân và người xung quanh.

- Ở trạng thái loạn thần kinh muộn, người nghiện ma túy bị méo mó về nhân cách tạo nên sự ích kỉ, sự đòi hỏi hưởng thụ, mất dần tính cách, trách nhiệm của cá nhân trong đời sống. Họ dần trở thành những con người liều lĩnh và tàn nhẫn.

- Sử dụng ma túy làm cho người nghiện thay đổi tạng thái tâm lí, sa sút về tinh thần. Họ thường xa lánh nếp sống, sinh hoạt lành mạnh, xa lánh người thân, bạn bè tốt. Khi đã lệ thuộc vào ma túy thì nhu cầu cao nhất đối với người nghiện là ma tuy, họ dễ dàng bỏ qua những nhu cầu khác trong cuộc sống đời thường. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu bức bách về ma túy của bản thân, họ có thể làm bất cứ việc gì kể cả trộm cắp, lừa đảo, cướp giật, thậm chí giết người...miễn là có tiền mua ma túy để thỏa mãn cơn nghiện. Hành vi, lối sống của họ bị sai lệch so với chuẩn mực đạo đức của xã hội và luật pháp. Họ là những người bị tha hóa về nhân cách.

***c) Gây tổn hại về kinh tế, tình cảm, hạnh phúc gia đình.***

Nghiện ma túy làm tiêu tốn tài sản, đây cũng là một hậu quả dễ nhận thấy nhất đối với những gia đình có người nghiện ma túy. Thiệt hại về kinh tế do sử dụng ma túy là một trong những nguyên nhân làm đổ vỡ mối quan hệ tốt đẹp giữa những người trong gia đình với người nghiện. Mặt khác, người nghiện lại có xu hướng sống “thu mình” ngại tiếp xúc, lẩn tránh với người thân. Do quá trình sử dụng ma túy làm cho người nghiện thay đổi tính cách như hay gây gổ, cáu gắt, lừa dối, trộm cắp. Đến một lúc nào đó, bản thân họ không còn hòa hợp với những người trong gia đình. Khi lên cơn nghiện thì người nghiện thường mất hết lí trí, không còn điều khiển được hành vi của mình, họ xoay sở và tìm mọi cách để còn tiền mua chất ma túy nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Nhưng khi không có khả năng đáp ứng những đòi hỏi đó, người nghiện trở nên liều lĩnh, hung bạo, có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng như: hành hạ người thân, cha mẹ, vợ con, anh em, đập phá tài sản gia đình… Từ đó, hạnh phúc gia đình bị tan vỡ và ảnh hường trực tiếp đến cuộc sống cộng đồng.

**2. Tác hại của ma túy đối với nền kinh tế**

- Việc duy trì các dịch vụ có liên quan đến ma túy vừa tốn kém về tiền của, vừa tiêu phí nguồn nhân lực quý giá cần thiết cho các như cầu và các mối quan tâm khác của xã hội. Hàng năm, nước ta phải chi phí rất lớn cho việc xóa bỏ cây thuốc phiện, cho công tác cai nghiện ma túy, công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy.

- Làm suy giảm lực lượng lao động của gia đình và xã hội cả về số lượng và chất lượng; làm cho thu nhập quốc dân cũng giảm, chi phí cho dự phòng và chăm sóc y tế tăng.

- Người nghiện ma túy hầu hết ở trong độ tuổi lao động, vì vậy vấn đề đào tạo cán bộ, công nhân có tay nghề để thay thế họ là một vấn đề khó khăn.

- Đầu tư nước ngoài cũng giảm vì họ ngại đầu tư vào những nước có tỷ lệ người nghiện cao.

**3. Tác hại của tệ nạn ma túy đối với trật tự, an toàn xã hội**

- Nạn nghiện hút, tiêm chích…ma túy không những trực tiếp hủy hoại sức khỏe con người, làm khánh kiệt kinh tế của gia đình và xã hội mà còn là nguyên nhân xô đẩy người lương thiện vào con đường phạm tội. Do sử dụng các chất ma túy mà người nghiện không làm chủ được hành vi của mình, dẫn đến họ có những hành vi vi phạm đạo đức và pháp luật. Khi đã trở thành nô lệ của ma túy, nhu cầu về tiền bạc đối với người nghiện rất lớn. Trong khi đó, khả năng về tài chính của bản thân họ và gia đình không thế đáp ứng, lúc đó họ sẵn sàng làm bất cứ việc gì để có tiền mua ma túy thỏa mãn cơn nghiện, kể cả giết người, cướp của…

- Trong số những đối tượng nghiện chất ma túy, có một số lượng không nhỏ đã tham gia vào việc vận chuyển thuê, bán thuê ma túy cho các đối tượng buôn bán chuyên nghiệp hoặc tự do tham gia buôn bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy…nhằm thu lợi nhuận bất chính, đồng thời có tiền để duy trì việc hút, hít, tiêm chích ma túy của bản thân.

- Hoạt động buôn bán, tổ chức sử dụng ma túy trái phép của các đối tượng và sự tụ tập của những người nghiện ở một địa bàn, kéo theo những tệ nạn xã hội và những vi phạm pháp luật khác sẽ gây bất ổn về an ninh, trật tự tại địa bàn đó. Thực trạng nói trên đã gây tâm lí hoang mang, lo sợ và bất bình trong quần chúng nhân dân.

Tóm lại: Tệ nạn ma túy đã và đang là hiểm họa của nhân loại, với những hậu quả, tác hại vô cùng lớn đối với người nghiện, gia đình họ và cộng đồng. Điều đó, đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với mỗi chúng ta và các cơ quan thực thi pháp luật cũng như toàn xã hội, cần nỗ lực bằng mọi biện pháp để xóa bỏ tệ nạn này, đem lại sự yên bình cho mọi nhà.

**III. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN NGHIỆN MA TÚY VÀ DẤU HIỆU NHẬN BẾT HỌC SINH NGHIỆN MA TÚY.**

**1. Quá trình và nguyên nhân nghiện ma túy**

***a) Quá trình nghiện ma túy***

- Từ sử dụng ma túy lần đầu tiên đến trở thành người nghiện ma túy là một quá trình. Quá trình này có thể diễn ra theo trình tự sau: Sử dụng lần đầu tiên → Thỉnh thoảng sử dụng → Sử dụng thường xuyên → Sử dụng do phụ thuộc. Cũng như những trường hợp, sử dụng lần đầu tiên xong tiến tới sử dụng thường xuyên luôn và cuối cùng là sử dụng do phụ thuộc. Quá trình này diễn ra nhanh hay chậm còn phụ thuộc vào thái độ của người sử dụng ma túy, mức độ gây nghiện của các chất ma túy và cách sử dụng ma túy.

- Trong quá trình này, người nghiện có thể sử dụng nhiều loại ma túy và thay đổi cách thức sử dụng ma túy.

- Có thể hình dung quá trình nghiện ma túy của một nguời như một quá trình trượt dốc. Sử dụng ma túy lần đầu tiên, có nghĩa là đã bước một bước xuống dốc. Quay trở lại lúc này còn dễ dàng, nhưng nếu tiếp tục sử dụng thì sẽ nhanh chóng tiến tới việc sử dụng do phụ thuộc. Từ không phụ thuộc vào ma túy đến trở thành phụ thuộc vào ma túy diễn ra nhanh chóng và dễ dàng như trượt xuống dốc. Cai nghiện ma túy thì ngược lại, như leo lên một dốc thẳng đứng, thậm chí còn khó hơn. Người ta có thể chỉ mất 3 ngày để nghiện ma túy, nhưng có thể phải mất cả đời để cai nghiện. Càng dần sâu vào ma túy thì hậu quả tác hại gây ra càng lớn.

***b) Nguyên nhân dẫn đến nghiện chất ma túy***

- Nguyên nhân khách quan

+ Do ảnh hưởng của mặt trái cơ chế thị trường dẫn đến những tác động đối với lối sống của giới trẻ như : lối sống thực dụng, buông thả…Một số học sinh không làm chủ được bản thân đã sa vào tệ nạn xã hội, trong đó có tệ nạn ma túy.

+ Sự tác động của lối sống thực dụng, văn hóa phẩm độc hại dẫn đến một số học sinh có lối sống chơi bời trác táng, tham gia vào các tệ nạn xã hội.

+ Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội trong quản lí học sinh ở một số địa phương chưa thực sự hiệu quả.

+ Công tác quản lí địa bàn dân cư ở một số địa phương chưa tốt, nên một số khu vực xung quanh trường học hoặc tại nơi các em cư trú, sinh sống còn nhiều tụ điểm cờ bạc, mại dâm; ma túy từng ngày từng giờ tác động đến suy nghĩ và hành động của tuổi trẻ, trong đó có các em học sinh.

+ Do một số bộ phận các bậc cha mẹ thiếu quan tâm đến việc học tập, sinh hoạt của con, em mình. Cha, mẹ và những người lớn tuổi do mải làm ăn, lo kiếm tiền hoặc do nuông chiều con cái quá nhiều hoặc trong gia đình có người lướn tuổi cũng mắc nghiện, hoặc có hành vi buôn bán ma túy.

- Nguyên nhân chủ quan :

+ Do thiếu hiểu biết về tác hại của ma túy, nên nhiều học sinh bị những đối tượng xấu kích động, lôi kéo sử dụng ma túy, tham gia vận chuyển, mua bán ma túy.

+ Do muốn thỏa mãn tính tò mò của tuổi trẻ, thích thể hiện mình, nhiều em đã chủ động đến với ma túy.

**2. Dấu hiệu nhận biết học sinh nghiện ma túy**

Có thể nhận biết thông qua những dấu hiệu sau :

- Trong cặp sách hoặc túi áo quần thường có bật lửa, kẹo cao su, giấy bạc.

- Thường xuyên xin ra ngoài đi vệ sinh trong thời gian học tập.

- Thường tụ tập ở nơi hẻo lánh.

- Thường xuyên xin tiền bố, mẹ.

- Lực học giảm sút.

- Hay bị toát mồ hôi, ngáp vặt, ngủ gật, tính tình cáu gắt, da tái xanh, ớn lạnh nổi da gà, buồn nôn, mất ngủ, trầm cảm…

**IV. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH TRONG PHÒNG, CHỐNG MA TÚY.**

Để góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ phòng, chống ma túy, học sinh cần thực hiện tốt những nội dung sau:

- Học tập, nghiên cứu nắm vững những quy định của pháp luật đối với công tác phòng, chống ma túy và nghiêm chỉnh chấp hành.

- Không sử dụng ma túy dưới bất kì hình thức nào.

- Không tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc làm những việc khác liên quan đến ma túy.

- Khuyên nhủ bạn học, người thân của mình không sử dụng ma túy hoặc tham gia các hoạt động vận chuyển, mua bán ma túy.

- Khi phát hiện những học sinh có biểu hiện sử dụng ma túy hoặc nghi vấn buôn bán ma túy, phát hiện những đối tượng có biểu hiện nghi vấn dụ dỗ học sinh sử dụng ma túy hoặc lôi kéo học sinh vào hoạt động vận chuyển, mua bán ma túy phải báo cáo kịp thời cho thầy, cô giáo hoặc cán bộ có trách nhiệm của nhà trường.

- Nâng cao cảnh giác, tránh bị đối tượng xấu rủ rê, lôi kéo vào các việc làm phạm pháp, kể cả việc sử dụng và buôn bán ma túy.

- Tích cực tham gia phong trào phòng, chống ma túy do nhà trường, tổ chức Đoàn Thanh niên, tổ chức Hội Phụ nữ phát động.

- Hưởng ứng và tham gia thực hiện những công việc cụ thể, góp phần thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy tại nơi cư trú, tạm trú do chính quyền địa phương phát động.

- Cam kết không vị phạm pháp luật, không tham gia các tệ nạn xã hội, trong đó có tệ nạn ma túy.

**KẾT LUẬN**

Ma túy đang hàng ngày hủy hoại biết bao tâm hồn, giết chết nhiều nhân mạng và hơn thế nữa, phá vỡ cuộc sống bình yên của hàng vạn gia đình và đe dọa an ninh trật tự xã hội của nhiều quốc gia trên thế giới. Đồng minh của ma túy là bệnh tật, đặc biệt là HIV/AIDS. Do đó, tăng cường công tác tuyên truyền với phương châm hướng về cơ sở, dựa vào cộng đồng, chú trọng tuyên truyền, giáo dục về tác hại của các loại ma túy, đặc biệt là ma túy tổng hợp và các chất hướng thần. Bên cạnh đó, học sinh cần tích cực tham gia vào các phong trào phòng chống ma túy do nhà trường cũng như địa phương, nâng cao nhận thức để không sa ngã vào tệ nạn ma túy.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Nêu nguyên nhân dẫn dến nghiện ma túy.

2. Những dấu hiệu nào nhận biết học sinh nghiện ma túy.

3. Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống ma túy.

*Ngày ... tháng .... năm 2019*

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**GIÁO VIÊN**

**KẾ HOẠCH GIẢNG BÀI**

**PHÊ DUYỆT** Môn học: **Giáo Dục Quốc Phòng\_An Ninh**

*Ngày…….tháng…….năm……*  Bài: **Tác hại của ma túy và trách nhiệm của**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG học sinh trong phòng, chống ma túy**

Đối tượng: **Học sinh lớp 10**

Năm học: **2019-2020**

**Phần I**

**Ý ĐỊNH GIẢNG BÀI**

**I.** **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**A. MỤC ĐÍCH**

- Hiểu được tác hại của ma túy và những hình thức, con đường gây nghiện, dấu hiệu nhận biết.

- Biết cách phòng, chống ma túy đối với bản thân và cộng đồng.

**B. YÊU CẦU**

**-** Có ý thức cảnh giác để tự phòng tránh ma túy; không sử dụng, không tham gia vận chuyển, cất giấu hoặc mua bán ma túy; có ý thức phát hiện, tố giác những người sử dụng hoặc buôn bán ma túy.

- Biết yêu thương, thông cảm và chia sẻ với những người nghiện ma túy.

**II. NỘI DUNG VÀ TRỌNG TÂM**

**A. NỘI DUNG**

1. Hiểu biết cơ bản về ma túy.

2. Tác hại của tệ nạn ma túy.

3. Nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy và dấu hiệu nhận biết học sinh nghiện ma túy.

4. Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống ma túy.

**B. TRỌNG TÂM**

Tác hại của tệ nạn ma túy.

Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống ma túy.

**III. THỜI GIAN**

Tổng số: 4 tiết

Lên lớp: 180 phút

- Phân bố thời gian:

Tiết 1: Hiểu biết cơ bản về ma túy

Tiết 2: Tác hại của tệ nạn ma túy

Tiết 3: Nguyên nhân dẫn đến nguyện ma túy và dấu hiệu nhận biết học sinh nghiện ma túy.

Tiết 4: Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống ma túy.

**IV. TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP**

**A. TỔ CHỨC**

Lấy lớp học làm đơn vị để giảng dạy.

**B. PHƯƠNG PHÁP**

1. Giáo viên: Giảng dạy theo phương pháp trực quan, kết hợp giảng lí thuyết với phân tích nội dung.

2. Học sinh: Nghe giảng kết hợp với ghi chép, đọc thêm tài liệu.

**V. THÀNH PHẦN NGƯỜI HỌC**

Học sinh lớp 10

**VI. ĐỊA ĐIỂM**

Phòng học

**VII. VẬT CHẤT**

**A. GIÁO VIÊN:** Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, bài giảng.

**B. HỌC SINH:** Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, vở, viết ghi chép.

**Phần II**

**THỰC HÀNH BÀI GIẢNG**

**I. THỦ TỤC BÀI GIẢNG**: 5 phút

1. Nhận lớp

- Ổn định lớp

- Kiểm tra trang phục.

- Điểm danh nắm sỉ số sinh viên.

- Chào báo cáo cấp trên (nếu có).

2. Phổ biến các quy định:

- Học tập nghiêm túc, không làm chuyện riêng trong giờ học.

- Tích cực phát biểu, xây dựng bài.

- Ghi chép bài vở đầy đủ.

3. Phổ biến ý định bài giảng: Tìm hiểu về bài “TÁC HẠI CẢU MA TÚY VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH TRONG PHÒNG, CHỐNG MA TÚY”

**II. TRÌNH TỰ GIẢNG BÀI:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ tự, nội dung | Thời gian | Phương pháp | | Vật chất |
| Giáo viên | Học sinh |
| MỞ ĐẦU | 5 phút |  |  |  |
| I. HIỂU BIẾT CƠ BẢN VỀ MA TÚY.  1. Khái niệm chất ma túy.  2. Phân loại chất ma túy.  3. Các chất ma túy thường gặp. | 40 phút | Giảng dạy theo phương pháp trực quan, kết hợp giảng lí thuyết với phân tích nội dung. | Nghe giảng kết hợp với ghi chép, đàm thoại với giáo viên. | Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, bài giảng. |
| II. TÁC HẠI CỦA MA TÚY.  1.Tác hại của ma túy đối với bản thân người sử dụng.  2. Tác hại của ma túy đối với nền kinh tế.  3. Tác hại của ma túy đối với trật tự, an toàn xã hội. | 40 phút | Giảng dạy theo phương pháp trực quan, kết hợp giảng lí thuyết với phân tích nội dung. | Nghe giảng kết hợp với ghi chép, đàm thoại với giáo viên. | Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, bài giảng. |
| III. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN NGHIỆN MA TÚY VÀ DẤU HIỆU NHẬN BIẾT HỌC SINH NGHIỆN MA TÚY.  1. Quá trình và nguyên nhân nghiện ma túy.  2. Dấu hiệu nhận biết học sinh nghiện ma túy. | 40 phút | Giảng dạy theo phương pháp trực quan, kết hợp giảng lí thuyết với phân tích nội dung. | Nghe giảng kết hợp với ghi chép, đàm thoại với giáo viên. | Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, bài giảng. |
| IV. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH PHÒNG, CHỐNG MA TÚY. | 40 phút | Giảng dạy theo phương pháp trực quan, kết hợp giảng lí thuyết với phân tích nội dung. | Nghe giảng kết hợp với ghi chép, đàm thoại với giáo viên. | Sách giáo khoa Giáo dục Quốc Phòng-An Ninh lớp 10, bài giảng. |
| KẾT LUẬN | 5 phút |  |  |  |

**III. KẾT THÚC BÀI GIẢNG**

- Hệ thống, tóm tắt nội dung chính của bài giảng.

- Giải đáp thắc mắc.

- Giới thiệu tài liệu tham khảo.

- Hướng dẫn nghiên cứu ôn tập.

- Nhận xét lớp học.

- Xuống lớp.

*Ngày……tháng……..năm…….* *Ngày.... tháng ..... năm 2019*

**NGƯỜI THÔNG QUA** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TỔ TRƯỞNG GIÁO VIÊN**